

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro ở trang 5-8 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản phí, lệ phí, thuế khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

Giá giao dịch chứng quyền có bảo đảm có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền có bảo đảm phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 16/11/2006 và cập nhật lần mới nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCK ngày 30/07/2024)



CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 397.../GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/10/2015...)

Chứng quyền.HPG.VND.M.CA.T.2025.1

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Trụ sở chính : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : +84 24 3972 4568

Fax: +84 24 3972 4600

Website : www.vndirect.com.vn

từ ngày: / /

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Điều Ngọc Tuấn

Điện thoại: +84 24 3972 4568

Chức vụ: Giám đốc quản trị công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 16/11/2006 và cập nhật lần mới nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 59/GPDC-UBCK ngày 30/07/2024)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Tên chứng quyền	: Chứng quyền.HPG.VND.M.CA.T.2025.1
Mã chứng khoán cơ sở	: HPG
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoà Phát
Loại chứng quyền	: Chứng quyền Mua
Kiểu thực hiện	: Kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền	: Thanh toán bằng tiền Việt Nam Đồng
Thời hạn	: 5 tháng
Ngày phát hành dự kiến	: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Ngày giao dịch cuối cùng	: 02 ngày làm việc trước ngày đáo hạn
Ngày đáo hạn	: 5 tháng kể từ ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi	: 2:1 (02 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)
Giá thực hiện	: Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	: Từ 5,0 tỷ đồng đến 12,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán
Giá chào bán	: 1.000 VNĐ - 2.500 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Tổng số lượng chào bán	: 10 triệu chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	: 10.000.000.000 - 25.000.000.000 VNĐ. Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH: Không có

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: Số 16 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3831 5100

Fax: +84 24 3831 5100

Website: https://www.ey.com/en_vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN: Không áp dụng

MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền	5
2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền	6
3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở	7
4. Các rủi ro khác	7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
1. Tổ chức phát hành	8
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn	8
III. CÁC KHÁI NIỆM	8
IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ	12
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam	12
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư	13
3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm	18
V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	20
1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm	20
1.1. Giới thiệu về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm	20
1.2. Quá trình hình thành và phát triển	21
1.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty	25
1.4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	25
1.5. Danh sách cổ đông của Công ty	32
1.6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	32
1.7. Các thông tin về Ban điều hành tổ chức phát hành (cơ cấu, thông tin tóm tắt các thành viên)	33
1.8. Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền: kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực	40
2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành	40
2.1. Tổng hợp tình hình hoạt động của Công ty	40
2.2. Các tài liệu quảng cáo và thông tin giới thiệu về chứng quyền có bảo đảm	43
2.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến Quý II/2025	43
2.4. Các chứng quyền mà công ty đã phát hành	44
3. Tình hình tài chính	51
3.1. Thanh toán các khoản nợ đến hạn	51
3.2. Các khoản phải nộp theo luật định	51
3.3. Tổng dư nợ vay	51
3.4. Tình hình công nợ	52
3.5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	52
VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	54
1. Thông tin chung về chứng quyền	54
2. Thông tin về các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó	56
3. Thông tin về chứng khoán cơ sở	56
3.1. Thông tin về chứng khoán cơ sở	56
3.2. Thông tin về tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	57
4. Thời gian phân phối chứng quyền	58
5. Đăng ký mua chứng quyền	58

5.1. Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm	58
5.2. Đăng ký mua, nộp cọc	58
5.3. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền	59
5.4. Các trường hợp được xem là đăng ký mua chứng quyền không hợp lệ	59
5.5. Nguyên tắc giá phân phối chứng quyền	59
5.6. Nguyên tắc số lượng phân phối chứng quyền	59
5.7. Nguyên tắc phân phối chứng quyền: Cách thức xử lý khi số lượng chứng quyền đăng ký mua hợp lệ của nhà đầu tư vượt quá số lượng chứng quyền VNDIRECT đăng ký chào bán ..	60
5.8. Nguyên tắc phân phối chứng quyền: Cách thức xử lý khi chứng quyền có bảo đảm chưa được phân phối hết	60
5.9. Xác nhận kết quả phân phối chứng quyền	60
5.10. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua chứng quyền	60
5.11. Đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm	60
6. Thực hiện chứng quyền	61
6.1. Trường hợp thanh toán bằng tiền cho chứng quyền đáo hạn	61
6.2. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán	62
7. Quyền của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm	62
8. Điều chỉnh chứng quyền	63
9. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền	63
9.1. Về thuế thu nhập doanh nghiệp (đối với nhà đầu tư tổ chức)	64
9.2. Về thuế thu nhập cá nhân (đối với nhà đầu tư cá nhân)	64
10. Hoạt động tạo lập thị trường	65
10.1. Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường	65
10.2. Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường	66
VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	66
1. Quy trình quản trị rủi ro	66
Hoạt động quản trị rủi ro chứng quyền có bảo đảm là một phần của Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	66
1.1. Mục tiêu	66
1.2. Nguyên tắc quản trị rủi ro	67
1.3. Quy trình quản trị rủi ro	67
1.4. Vai trò của nhà quản lý cấp cao trong việc theo dõi quản trị rủi ro	73
1.5. Sự kiểm soát giao dịch, hạn mức tín dụng và ký quỹ	73
1.6. Tổ chức đánh giá tín dụng	74
2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến	74
2.1. Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền	74
2.2. Phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền	74
3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền của tổ chức phát hành	76
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN	76
1. Ngân hàng lưu ký	76
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành	77
3. Tổ chức kiểm toán	77
4. Tổ chức tư vấn	77
IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	77
X. CAM KẾT	78
XI. PHỤ LỤC	79

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm, các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có bảo đảm với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có bảo đảm này.

Chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Chúng tôi không đảm bảo về bất cứ sự nghiên cứu, điều tra nào liên quan tới hoạt động của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm không nên hiểu sự phát hành chứng quyền có bảo đảm như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền

- Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành: tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền có bảo đảm trên thị trường và các chứng quyền có bảo đảm này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. Tổ chức phát hành có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền có bảo đảm.

- Rủi ro thanh toán: Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.

- Rủi ro chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết: Trong trường hợp tổ chức phát hành bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, chứng quyền có bảo đảm sẽ bị hủy niêm yết. Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền có bảo đảm bị hủy trước ngày đáo hạn.

- Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành: Người sở hữu chứng quyền nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu chứng quyền, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới chứng quyền mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cân trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với tổ chức phát hành không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền.

- Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi: tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền có bảo đảm khác có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng quyền có bảo đảm.

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền

- Rủi ro đầu tư chung: người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá của chứng quyền có bảo đảm và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. Chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có bảo đảm có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.

- Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền có bảo đảm: do chứng quyền có bảo đảm có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có bảo đảm có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền có bảo đảm đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền có bảo đảm sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền có bảo đảm. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền có bảo đảm.

- Rủi ro về giá: rủi ro về giá là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm. Sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền có bảo đảm, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở... trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra giá của chứng quyền có bảo đảm còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền có bảo đảm. Mặc dù tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền có bảo đảm theo khối lượng đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tuy nhiên, tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền có bảo đảm thông qua phương thức phát hành bổ sung chứng quyền có bảo đảm miễn là hạn mức phát hành chứng quyền có bảo đảm đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc phát hành thêm này có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền có bảo đảm.

- Rủi ro từ tính đòn bẩy: đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền có bảo đảm khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.

- Rủi ro thanh khoản: là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền có bảo đảm ở mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền có bảo đảm đó. Thanh khoản của chứng quyền có bảo đảm phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động của tổ chức tạo lập thị trường. Mặc dù tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung

cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền có bảo đảm, tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền có bảo đảm sẽ sôi động.

- Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền có bảo đảm không có quyền lợi như cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

- Chứng quyền đóng vai trò công cụ phòng ngừa rủi ro: Giá chứng quyền có thể thay đổi ngược với kỳ vọng của nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, do đó chứng quyền không đảm bảo sẽ luôn là một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả cho nhà đầu tư sở hữu chứng quyền.

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

Một số sự kiện xảy ra (bao gồm phát hành cổ phiếu thưởng hoặc phân phối tiền bởi Công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Công ty) có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Các rủi ro khác

Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế Việt Nam, thị trường chứng khoán Việt Nam, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành chứng quyền và tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở.

Rủi ro chính trị

Những sự kiện chính trị, những thay đổi trong việc điều hành chính sách của Nhà nước, Chính phủ sẽ luôn ảnh hưởng đến nền kinh tế và từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

Rủi ro luật pháp

Rủi ro về luật pháp xảy ra khi tổ chức phát hành chứng quyền và (hoặc) tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong quá trình hoạt động có sự thay đổi quy định về luật pháp, hoặc không tuân thủ đúng quy định về luật pháp, hoặc khi phát sinh tranh chấp, kiện tụng từ các bên liên quan dẫn đến việc biến động xấu về giá chứng quyền.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và ảnh hưởng đến đợt chào bán như việc Việt Nam bị hạ đánh giá xếp hạng tín dụng, hay các yếu tố bất khả kháng như thiên tai, khủng bố, chiến tranh... là không lường trước và chưa có biện pháp ngăn chặn. Tuy nhiên Tổ Chức Phát Hành luôn nỗ lực để ứng phó và lập các kế hoạch dự phòng, đồng thời lên phương án, chính sách nhằm quản lý hoạt động kinh doanh liên tục, để có thể giảm thiểu tối đa thiệt hại nếu có.

Lưu ý về thuế

Thuế thu nhập cá nhân nhà đầu tư cần chi trả có sự khác biệt đáng kể khi lựa chọn chuyển nhượng chứng quyền trước khi đáo hạn hoặc giữ chứng quyền tới khi đáo hạn để thực hiện quyền. Theo Công văn số 1468/BTC-CST ngày 05/02/2018 của Bộ tài chính về chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm:

- Trường hợp trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền:

Do chứng quyền có bảo đảm được giao dịch tương tự như chứng khoán cơ sở nên khi chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền sẽ áp dụng thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán, được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%. Trong đó giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần là giá khớp lệnh chứng quyền trên Sở giao dịch chứng khoán nhân (x) Số lượng chứng quyền.

- Trường hợp nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền và thực hiện quyền tại ngày đáo hạn:

Tại thời điểm thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền, thu nhập của nhà đầu tư áp dụng mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần. Trong đó, giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần bằng Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) Số lượng chứng quyền chia (:) cho Tỷ lệ chuyển đổi.

Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở giao dịch chứng khoán công bố theo quy định tại điều 14 Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 của Bộ tài chính về Hướng dẫn chào bán và giao dịch Chứng quyền có bảo đảm.

Trường hợp nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền có bảo đảm và thực hiện quyền tại ngày đáo hạn, thuế phát sinh sẽ cao hơn so với việc chuyển nhượng chứng quyền trước ngày đáo hạn. Chi tiết xem tại mục VI.9. Trong một số trường hợp có thể làm nhà đầu tư bị lỗ khi thuế phát sinh nhiều hơn lợi ích nhận được từ chứng quyền. Khi đó, tổ chức phát hành sẽ có quyền truy thu thuế đối với nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền tại ngày đáo hạn.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Bà Phạm Minh Hương	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Vũ Long	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hương	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà Lê Phương Hạnh	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn

Không có.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là chứng quyền) là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở với tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm đó theo mức giá đã được xác định trước, tại một thời điểm hoặc trước một thời điểm đã được ấn

định hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện được định nghĩa theo khoản 6 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội (sau đây gọi tắt là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14).

Chứng khoán cơ sở là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.

Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.

Tổ chức phát hành chứng quyền (sau đây gọi tắt là tổ chức phát hành) là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.

Ngân hàng lưu ký là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Người sở hữu chứng quyền là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.

Chứng quyền kiểu châu Âu là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.

Giá thực hiện là mức giá mà người sở hữu chứng quyền có quyền mua (đối với chứng quyền mua) chứng khoán cơ sở (cổ phiếu) cho tổ chức phát hành, hoặc được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.

Tỷ lệ chuyển đổi cho biết số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.

Ngày đáo hạn là ngày cuối cùng mà người sở hữu chứng quyền được thực hiện chứng quyền.

Chứng quyền đang lưu hành là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.

Chứng quyền chưa lưu hành là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư. Chứng quyền chưa lưu hành được lưu ký trên tài khoản của tổ chức phát hành.

Chứng quyền có lãi (ITM) là chứng quyền mua có giá thực hiện (chỉ số thực hiện) thấp hơn giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở.

Chứng quyền lỗ (OTM) là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá của chứng khoán cơ sở.

Chứng quyền hòa vốn (ATM) là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá của chứng khoán cơ sở.

Vị thế mở chứng quyền của tổ chức phát hành bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện.

Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết là vị thế được tính toán căn cứ trên phương án phòng ngừa rủi ro đã được tổ chức phát hành nêu trong Bản cáo bạch.

Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế là vị thế được tính toán căn cứ trên vị thế thực tế có trong tài khoản phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành.

Delta là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi rất nhỏ trong giá chứng khoán cơ sở.

Công thức:

$$\text{Delta} = \frac{\text{Mức độ thay đổi giá chứng quyền}}{\text{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở}}$$

Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

ALCO	Ủy Ban quản lý tài sản Nợ - Có
BCTC	Báo cáo tài chính
BTC	Bộ tài chính
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CCTG	Chứng chỉ tiền gửi
CMND/CCCD	Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
DGO	Hệ sinh thái đầu tư và quản lý tài sản của VNDIRECT
DXY	Chỉ số Đô la Mỹ
E/P	Tỷ suất thu nhập trên giá của VN-Index
eKYC	là giải pháp xác minh danh tính của khách hàng online thông qua công nghệ điện tử và trí tuệ nhân tạo (Electronic Know Your Customer)
EPS	Thu nhập trên cổ phần
ETF	Quỹ hoán đổi danh mục (Exchange Traded Fund)
EXCO	Ban điều hành VNDIRECT
Fed	Hệ thống Ngân hàng trung ương Mỹ
FTSE	Financial Times Stock Exchange
GDP	Tổng sản phẩm trong nước (Gross Domestic Product)
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐTG	Hợp đồng tiền gửi
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Hanoi Stock Exchange)
HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
KRX	Hệ thống KRX là hệ thống công nghệ thông tin thị trường chứng khoán Việt Nam
LNST	Lợi nhuận sau thuế
NAV	Giá trị tài sản (Net Asset Value)
NĐT	Nhà đầu tư
NH	Ngân hàng
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NHTM	Ngân hàng Thương mại
NIM	Net Interest Margin hay biên lãi ròng
OMO	Nghiệp vụ thị trường mở (Open Market Operations)
PCE	Chỉ tiêu tiêu dùng cá nhân
P/E	Price to Earning Ratio

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

QTRR	Quản trị rủi ro
ROAA	Tổng tài sản bình quân
ROAE	Vốn chủ sở hữu bình quân
SGDCK	Sở giao dịch chứng khoán
svck	so với cùng kỳ
TCPH	Tổ chức phát hành
TCTD	Tổ chức tín dụng
TGD	Tổng giám đốc
TMCP	Thương mại cổ phần
TNDN	(thuế) Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TPDN	Trái phiếu doanh nghiệp
TPDNRL	Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ
TSLD	Tài sản lưu động
TTCK	Thị trường chứng khoán
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UPCOM	Thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (Unlisted Public Company Market)
USD	Đô la Mỹ
VND	Việt Nam Đồng
VN-Index	là một chỉ số thị trường, thể hiện các biến động về giá của các mã cổ phiếu niêm yết trên sàn HOSE
VSDC	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II/2025 tăng trưởng tích cực, với tốc độ tăng ước đạt 7,96% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 8,56% của quý II/2022 trong giai đoạn 2020-2025. Tốc độ tăng GDP quý II so với cùng kỳ năm trước các năm trong giai đoạn 2020-2025 lần lượt là: 0,34%; 6,55%; 8,56%; 4,34%; 7,25%; 7,96%. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,89%, đóng góp 5,19% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,97%, đóng góp 43,63%; khu vực dịch vụ tăng 8,46%, đóng góp 51,18%.

GDP sáu tháng đầu năm 2025 tăng 7,52% so với cùng kỳ năm trước, là mức cao nhất của sáu tháng đầu năm trong giai đoạn 2011-2025. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,84%, đóng góp 5,59%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,33%, đóng góp 42,20%; khu vực dịch vụ tăng 8,14%, đóng góp 52,21%.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành nông nghiệp duy trì tăng trưởng ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và phục vụ xuất khẩu. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp sáu tháng đầu năm 2025 tăng 3,51% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,29 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 7,42% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,04 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 4,21%, đóng góp 0,10 điểm phần trăm.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp đạt mức tăng trưởng cao, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp sáu tháng đầu năm 2025 tăng 8,07% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn mức tăng 8,89% của cùng kỳ năm 2022 trong giai đoạn 2020-2025, đóng góp 2,64 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 10,11%, đóng góp 2,55 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,20%, đóng góp 0,17 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,30%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 4,25%, làm giảm 0,12 điểm phần trăm. Ngành xây dựng tăng 9,62%, là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2011-2025, đóng góp 0,63 điểm phần trăm.

Trong khu vực dịch vụ, hoạt động ngoại thương, vận tải, du lịch tăng cao đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của khu vực và thế giới, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế. Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ sáu tháng đầu năm 2025 tăng 8,14% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2011-2025. Đóng góp của một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 7,03% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,76 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi tăng 9,82%, đóng góp 0,69 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,53%, đóng góp 0,38 điểm phần trăm; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 10,46%, đóng góp 0,29 điểm phần trăm. Cùng với đó, một số ngành dịch vụ công cũng có mức tăng khá cao để thực hiện nhiều nhiệm vụ đột phá, phục vụ cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy của đất nước: Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 14,58%; hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị – xã hội; quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; đảm bảo xã hội bắt buộc tăng 13,09%.

Về cơ cấu nền kinh tế sáu tháng đầu năm 2025, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,28%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 36,96%; khu vực dịch vụ chiếm 43,40%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,36% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2024 là 11,49%; 37,0%; 42,98%; 8,53%).

Về sử dụng GDP sáu tháng đầu năm 2025, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,95% so với cùng kỳ năm 2024, đóng góp 84,20% vào tốc độ tăng chung của toàn nền kinh tế; tích lũy tài sản tăng 7,98%, đóng góp 40,18%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,17%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,01%.

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý II/2025 theo giá hiện hành ước đạt 921,5 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính sáu tháng đầu năm 2025, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 1.591,9 nghìn tỷ đồng, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 30/6/2025 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 21,52 tỷ USD, tăng 32,6% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam sáu tháng đầu năm 2025 ước đạt 11,72 tỷ USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của sáu tháng trong 5 năm qua.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong sáu tháng đầu năm 2025 có 86 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 357,7 triệu USD, gấp 3 lần so với cùng kỳ năm trước; có 18 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 129,4 triệu USD, gấp 7 lần. Tính chung sáu tháng đầu năm, tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 487,1 triệu USD, gấp 3,6 lần so với cùng kỳ năm trước.

Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 6/2025 ước đạt 176,6 nghìn tỷ đồng, lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước sáu tháng đầu năm 2025 đạt 1.332,3 nghìn tỷ đồng, bằng 67,7% dự toán năm và tăng 28,3% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng chi ngân sách Nhà nước tháng 6/2025 ước đạt 282,6 nghìn tỷ đồng, lũy kế sáu tháng đầu năm 2025 đạt 1.102,1 nghìn tỷ đồng, bằng 43,2% dự toán năm và tăng 38,5% so với cùng kỳ năm trước.

Nguồn: Tổng cục Thống kê

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

Thị trường tiền tệ: Duy trì mục tiêu tăng trưởng trước những thách thức.

Tính đến thời điểm 25/06/2025, tổng phương tiện thanh toán tăng 7,09% so với cuối năm 2024 (cùng thời điểm năm trước tăng 2,48%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 6,11% (cùng thời điểm năm trước tăng 1,82%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 8,30% (cùng thời điểm năm trước tăng 4,85%).

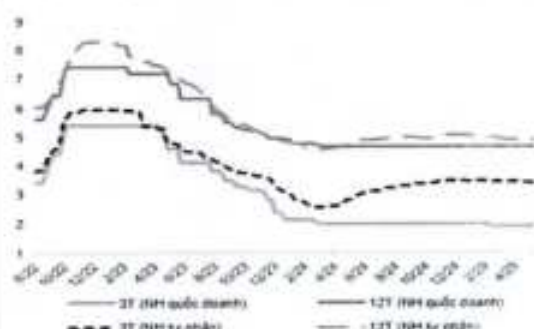
Chính sách nới lỏng đã nằm trong kịch bản điều hành từ đầu năm 2025. Kể từ ngày 05/03/2025, NHNN đã thể hiện định hướng về nới lỏng chính sách nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế Thanh khoản được điều tiết chủ động thông qua việc phát hành giấy tờ có giá với kỳ hạn lên tới 91 ngày. Lượng bơm thanh khoản đạt đỉnh vào ngày 18/04/2025 với số dư 111,4 nghìn tỷ đồng (4,2 tỷ USD). Khi lãi suất liên ngân hàng duy trì ổn định dưới ngưỡng 4%, NHNN đã rút bớt hỗ trợ khi để lượng OMO đáo hạn vượt mức phát hành mới. Tính đến ngày 11/06/2025, tổng dư nợ OMO ròng từ đầu năm giảm về mức 33,2 nghìn tỷ đồng (1,3 tỷ USD). Dù dư địa chính sách tiền tệ còn hạn chế, NHNN có thể tiếp tục nới lỏng nếu Fed thực hiện hai đợt cắt giảm lãi suất trong nửa cuối năm. NHNN có thể cân nhắc giảm lãi suất qua đêm liên ngân hàng xuống khoảng 3-3,5% vào cuối năm, từ mức hiện tại trên 4%, qua đó giảm chi phí vốn cho các tổ chức tài chính.

Lãi suất huy động tiếp tục xu hướng giảm trong nửa đầu năm 2025. Tính đến ngày 06/06/2025, lãi suất huy động bình quân kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng thương mại giảm nhẹ xuống còn 4,78%,

giảm 0,07 điểm % so với đầu năm. Diễn biến này phù hợp với chỉ đạo của Chính phủ ngay từ đầu năm, khi Thủ tướng ban hành Công điện số 19/CD-TTg ngày 24/02/2025, yêu cầu NHNN kiểm tra việc các ngân hàng thương mại tăng lãi suất huy động bất hợp lý và yêu cầu báo cáo chi tiết lãi suất huy động – cho vay của toàn hệ thống. Đối với lãi suất huy động, lãi suất bình quân kỳ hạn 12 tháng kỳ vọng sẽ duy trì ở mức thấp hiện tại, dao động trong khoảng 4,8%–5% cho đến cuối năm. Với lãi suất liên ngân hàng và tiền gửi ở mức thấp, lãi suất cho vay kỳ vọng sẽ giữ ổn định, góp phần hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Với sự mở rộng mạnh mẽ của nền kinh tế trong nước và thị trường bất động sản, cùng với mặt bằng lãi suất thấp tiếp tục khuyến khích hoạt động vay vốn và đầu tư, dự báo mức tăng trưởng tín dụng năm 2025 sẽ đạt khoảng 16% so với cùng kỳ.

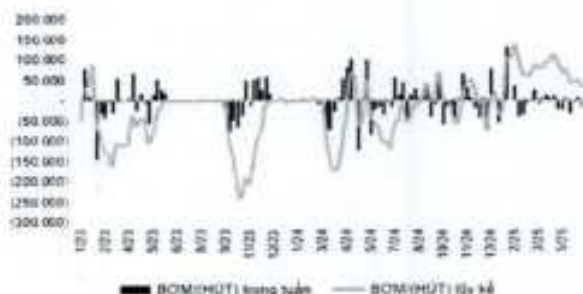
Nguồn: Cục thống kê, VNDIRECT RESEARCH

Hình 01: Lãi suất huy động tiếp tục xu hướng giảm (đơn vị: %) (dữ liệu ngày 06/06/2025)



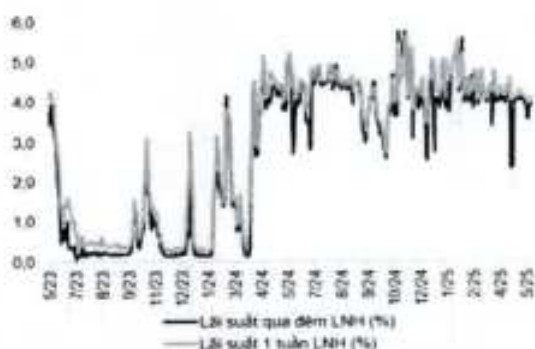
Nguồn: Bloomberg, VNDIRECT RESEARCH

Hình 02: NHNN chủ động điều tiết thanh khoản qua kênh OMO (dữ liệu ngày 06/06/2025)



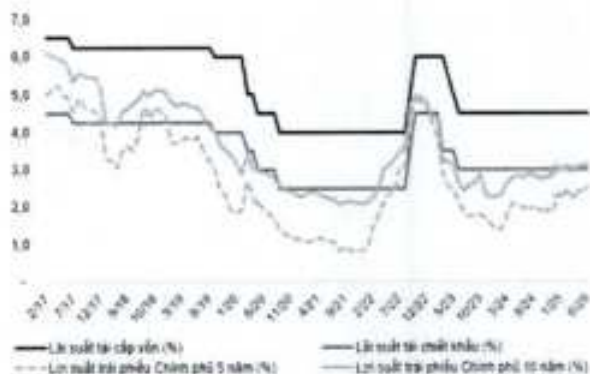
Nguồn: Bloomberg, VNDIRECT RESEARCH

Hình 03: Lãi suất liên ngân hàng ổn định quanh ngưỡng 4% (đơn vị: %) (dữ liệu ngày 26/05/2025)



Nguồn: Bloomberg, VNDIRECT RESEARCH

Hình 04: Lãi suất điều hành không đổi (đơn vị: %) (dữ liệu ngày 06/06/2025)



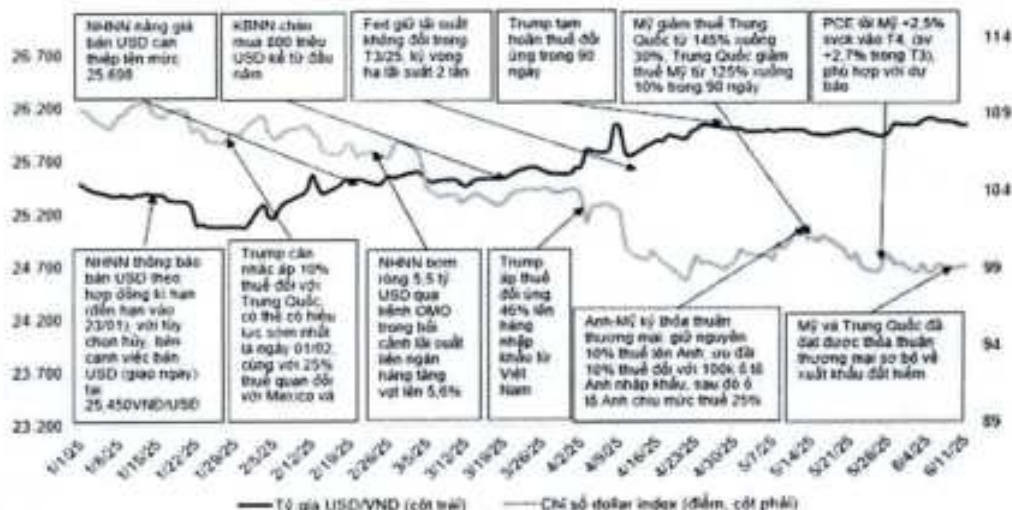
Nguồn: NHNN, Bloomberg, VNDIRECT RESEARCH

Tỷ giá trung tâm được điều hành chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối và hệ thống ngân hàng. Tính đến ngày 11/06/2025, tỷ giá USD/VND đạt 26.017 VND/USD, tương đương mức mất giá khoảng 2,1% của đồng VND từ đầu năm – thấp hơn đáng kể so với mức mất giá ~5% cùng kỳ năm 2024. NHNN đã chủ động nâng tỷ giá trung tâm kể từ đầu năm, nâng thêm 640 VND lên mức 24.982 VND/USD vào ngày 11/06/2025. Trên thực tế, áp lực tỷ giá đến từ yếu tố nội tại, nổi bật là nhu cầu mua ngoại tệ hơn 1 tỷ USD từ Kho bạc Nhà nước, cùng với nhu cầu nhập khẩu tăng mạnh trong 5 tháng 2025 (+17,5% so với

cùng kỳ). Trong khi đó, chỉ số DXY đã giảm xuống dưới mốc 100 sau khi từng vượt 106 khi ông Trump tái đắc cử. Mức mất giá vừa phải của VND ngược chiều với xu hướng tăng giá của các đồng tiền trong khu vực: Nhân dân tệ Trung Quốc +2,1% kể từ đầu năm, Baht Thái +5,0% và Ringgit Malaysia +5,2%, đều hưởng lợi từ xu hướng suy yếu của DXY.

Nguồn: Cục thống kê, VNDIRECT RESEARCH

Hình 05: Tỷ giá USD/VND kể từ đầu năm (dữ liệu tại ngày 11/06/2025)



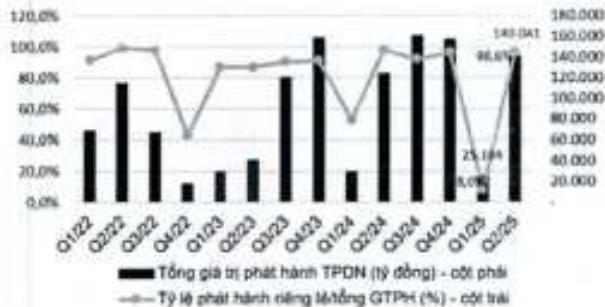
Nguồn: Bloomberg, VNDIRECT RESEARCH

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp: Theo số liệu được công bố đến ngày 18/06/2025, trong 6 tháng năm 2025 có 131 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp thành công với tổng giá phát hành đạt hơn 165,1 nghìn tỷ đồng, cao hơn 8,5% so với cùng kỳ. Trong đó có 121 đợt phát hành TPDNRL với tổng giá trị phát hành đạt hơn 137,2 nghìn tỷ đồng, cao hơn 0,95% so với cùng kỳ và 10 đợt phát hành công chúng với tổng giá trị phát hành đạt 27,9 nghìn tỷ đồng, cao hơn 72,3% so với cùng kỳ. Hoạt động phát hành TPDNRL tiếp tục ảm lên trong 6 tháng năm 2025 khi nhóm Ngân hàng duy trì phát hành. Trong 6 tháng năm 2025 nhóm Ngân hàng đã phát hành 87 đợt TPDNRL với tổng giá trị phát hành đạt hơn 98,5 nghìn tỷ đồng, cao hơn 10,3% so với cùng kỳ và chiếm 65,4% tổng giá trị TPDNRL phát hành.

Hoạt động mua lại TPDNRL trước hạn duy trì ổn định trong 6 tháng năm 2025 với tổng giá trị TPDNRL được mua lại trước hạn đạt hơn 85,1 nghìn tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ. Trong 6 tháng năm 2025 nhóm Ngân hàng là nhóm dẫn đầu trong việc mua lại TPDNRL trước hạn, với tổng giá trị mua lại đạt hơn 44,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 52,2% tổng giá trị TPDNRL được mua lại trước hạn. Thứ hai là nhóm Bất động sản, với tổng giá trị TPDNRL được mua lại trước hạn là gần 30 nghìn tỷ đồng, chiếm 30,5% tổng giá trị TPDNRL được mua lại trước hạn trong 6 tháng năm 2025. Áp lực TPDN đáo hạn tăng mạnh trong 6 tháng cuối năm, dự kiến trong 6 tháng cuối năm 2025 sẽ đáo hạn hơn 120 nghìn tỷ đồng TPDNRL, cao gấp 2 lần so với tổng giá trị TPDNRL đáo hạn trong 6 tháng đầu năm.

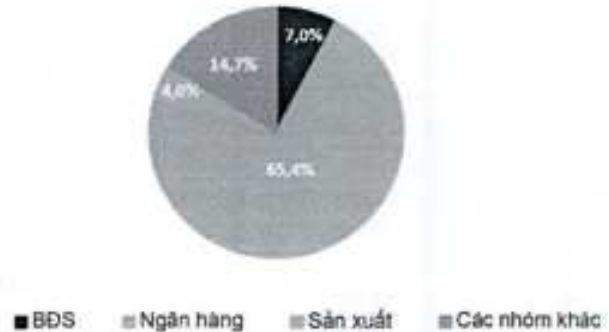
Nguồn: HNX, VNDIRECT RESEARCH

Hình 06: Giá trị TPDN phát hành theo quý (dữ liệu tại ngày 18/06/2025)



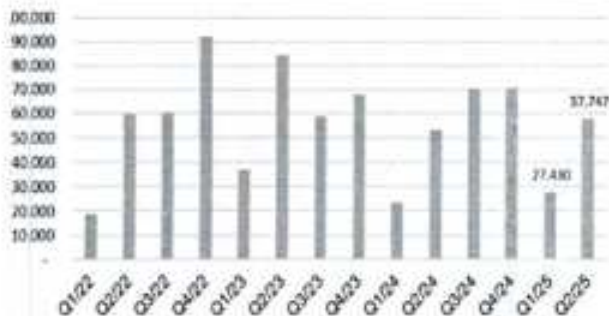
Nguồn: HNX, VNDIRECT RESEARCH

Hình 07: Cơ cấu TPDNRL phát hành theo nhóm ngành trong 6 tháng năm 2025 (dữ liệu tại ngày 18/06/2025)

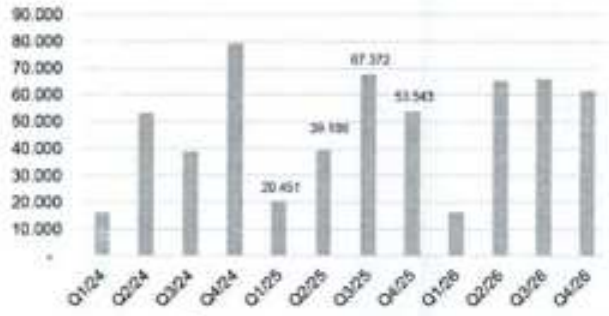


Nguồn: HNX, VNDIRECT RESEARCH

Hình 08: Tổng giá TPDNRL mua lại trước hạn theo quý (tỷ đồng) (dữ liệu tổng hợp đến ngày 18/06/2025)



Hình 09: Giá trị TPDN đáo hạn theo quý, đã loại trừ các trái phiếu được mua lại trước hạn và các trái phiếu đã được gia hạn kỳ hạn (tỷ đồng) (dữ liệu tổng hợp đến ngày 18/06/2025)

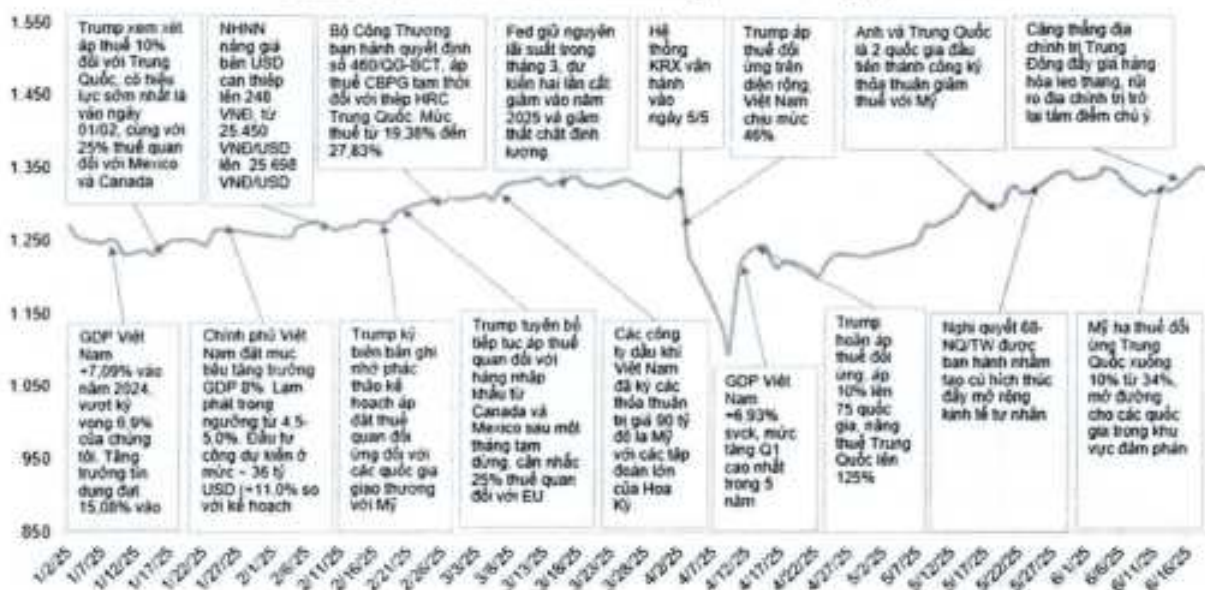


Nguồn: HNX, VNDIRECT RESEARCH

Thị trường chứng khoán Việt Nam: Chỉ số VN-Index tăng 6,7% kể từ đầu năm dù rủi ro thuế quan và bất ổn địa chính trị. VN-Index mở đầu 2025 tích cực, vượt mốc 1.300 điểm ngày 24/02/2025 và kết thúc quý I/2025 với mức tăng 3,2%, nhờ vào các chính sách ưu tiên tăng trưởng: mục tiêu GDP tăng trưởng 8%, CPI nâng lên 4,5– 5,0%, và gói đầu tư công kỳ lục 36 tỷ USD. Tuy nhiên, khi Trump áp thuế đối ứng 46% lên hàng hoá xuất khẩu Việt Nam vào ngày 02/04/2025, VN-Index đã giảm mạnh. VN-Index giảm sàn 4 phiên liên tiếp, chạm đáy 1.094 điểm vào ngày 9/4 (-16% so với đầu tháng, thấp nhất kể từ 23/11/2024), sau đó nhanh chóng hồi phục lên 1.200 nhờ lệnh hoãn thuế 90 ngày và nỗ lực đàm phán thương mại của Việt Nam. Sau kỳ nghỉ lễ, tích cực từ hệ thống KRX đi vào hoạt động và loạt chính sách kích thích nội địa – nổi bật là Nghị quyết 68-NQ/TW nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân – đã cải thiện tâm lý thị trường. Cùng với các động lực khác đến từ thỏa thuận thương mại Anh-Mỹ, Trung-Mỹ. Nhờ đó, VN-Index lần lượt lấy lại ngưỡng 1.300 vào ngày 20/05/2025 và đạt 1.350 vào ngày 19/06/2025, mặc dù căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông quay trở lại. Đỉnh tăng 6,7% kể từ đầu năm của VN-Index phần lớn nhờ vào nhóm bất động sản (+66,8% lũy kể từ đầu năm), nổi bật là VHM và VIC, nhờ vào: (1) bước ngoặt trong đề xuất đầu tư trị giá 61,4 tỷ USD của VinSpeed cho tuyến đường sắt cao tốc Bắc – Nam, phù hợp với định hướng của Nghị quyết 68/NQ-TW; và (2) VPL chào sản thành công vào ngày 13/05/2025 (+20% trong phiên). Nhóm Ngân hàng ghi nhận mức tăng khiêm tốn 5,3%

kể từ đầu năm với diễn biến phân hoá, dù NIM suy giảm trong quý I/2025, triển vọng ngành ngân hàng vẫn tích cực, nhờ ROE ở mức cao 18,2%, định giá hấp dẫn và triển vọng tăng trưởng tín dụng 16%.

Hình 10: Diễn biến VN- Index giữa biến động toàn cầu



Nguồn: HSX, VNDIRECT RESEARCH

VN-Index ghi nhận mức tăng 6,7% từ đầu năm cùng với dư nợ cho vay kỳ quỹ tăng lên 273 nghìn tỷ đồng trong quý I/2025 (+33 nghìn tỷ đồng so với quý trước), hệ thống KRX chính thức đi vào vận hành, tuy nhiên thanh khoản thị trường trong 6 tháng đầu năm 2025 vẫn sụt giảm 16,7% so với cùng kỳ xuống 20,5 nghìn tỷ VNĐ/phiên (778,5 triệu USD). Thanh khoản trên sàn HOSE là 18,6 nghìn tỷ đồng, -14,8% so với cùng kỳ; trên HNX đạt 1,1 nghìn tỷ đồng, -39,9% so với cùng kỳ; trên UPCOM là 833 tỷ đồng, -14,9% so với cùng kỳ. Diễn biến này do tâm lý lo ngại của nhà đầu tư trước áp lực thuế quan từ Mỹ và biến động địa chính trị tác động lên triển vọng lợi nhuận của doanh nghiệp, trong khi đó khối ngoại cũng thận trọng chờ đợi các yếu tố thúc đẩy rõ ràng hơn như thông tin chính thức về chính sách thuế quan và tiến trình nâng hạng của Việt Nam.

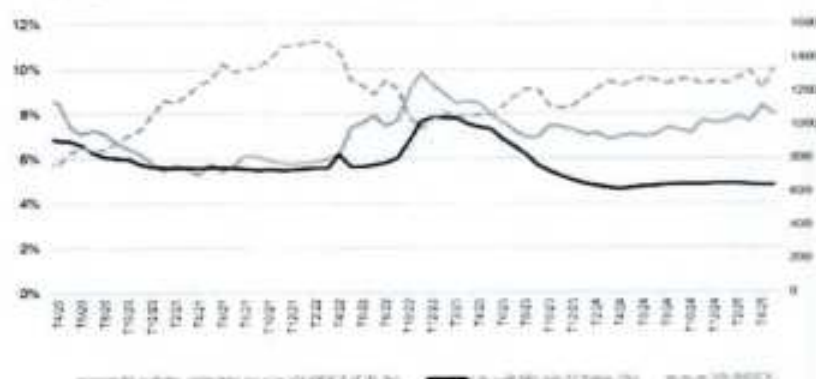
Khối ngoại bán ròng 39,8 nghìn tỷ đồng (1,5 tỷ USD) trong 6 tháng đầu năm 2025, giảm so với mức 45,5 nghìn tỷ đồng (1,7 tỷ USD) trong 6 tháng đầu năm 2024 khi VND mất giá ~2,1% so với USD lũy kế đầu năm trong 6 tháng năm 2025, so với -5% lũy kế đầu năm trong 6 tháng đầu 2024. Lực bán ròng giảm mạnh trong quý II/2025 (13,9 nghìn tỷ đồng/528,2 triệu USD) so với quý I/2025 (25,9 nghìn tỷ đồng/984,2 triệu USD), trong đó tháng 05/2025 ghi nhận dấu hiệu mua ròng trở lại – phản ánh kỳ vọng của khối ngoại về triển vọng thương mại toàn cầu, nhờ tiến triển từ các cuộc đàm phán song phương của Việt Nam, và nền tảng vĩ mô vững chắc được tiếp sức bởi Nghị quyết 68/NQ-TW.

Số tài khoản mở mới của nhà đầu tư cá nhân tích cực ghi nhận vượt mốc 10 triệu từ tháng 05/2025, hoàn thành mục tiêu số tài khoản mới năm 2025.

Cơ hội đầu tư: Tổng quan triển vọng thị trường chứng khoán năm 2025: Chỉ số VN-Index đã phục hồi mạnh mẽ từ cuối tháng 4, kéo hệ số P/E lên mức 13,3 lần — dù vậy, định giá vẫn hấp dẫn, thấp hơn 14% so với mức trung bình 10 năm; lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS) trong năm tài chính 2025 của các công ty niêm yết trên HOSE được dự báo sẽ tăng trưởng từ 12–17%; kỳ vọng nâng hạng thị trường từ FTSE sẽ hỗ trợ định giá.

Biên độ chênh lệch lớn giữa lợi suất thu nhập (E/P) của VN-Index và lãi suất tiền gửi cho thấy sức hấp dẫn của kênh cổ phiếu so với hình thức tiết kiệm truyền thống.

Hình 11: Chênh lệch giữa lợi suất thu nhập (E/P) của VN-Index và lãi suất tiền gửi



Nguồn: HSX, NHTM, VNDIRECT RESEARCH

Nhằm triển khai Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1726/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 và chương trình hành động của Bộ Tài chính triển khai Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 đã được Bộ Tài chính phê duyệt theo Quyết định số 941/QĐ-BTC ngày 23/4/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã ban hành Quyết định số 624/QĐ-UBCK ngày 03/6/2024 phê duyệt Chương trình hành động của UBCKNN triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030. Chương trình hành động của UBCKNN đã cụ thể hóa các giải pháp của Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 thành các nhiệm vụ/đề án cụ thể gắn với từng giai đoạn phát triển, với sự phân công nhiệm vụ cụ thể tới từng đơn vị thuộc và trực thuộc UBCKNN nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra tại Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030. Chương trình hành động được ban hành nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra tại Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 đó là: “Phát triển thị trường chứng khoán ổn định, an toàn, lành mạnh, hiệu quả, bền vững và hội nhập; nâng cao khả năng chống chịu rủi ro, có cơ cấu hợp lý giữa các cấu phần thị trường, trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng, chủ yếu cho nền kinh tế; duy trì tăng trưởng về quy mô, chú trọng nâng cao chất lượng; phát triển các công cụ tài chính xanh, tài chính bền vững; đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực chứng khoán; xây dựng hệ thống quản lý, giám sát thị trường gắn với ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại; tăng cường liên kết và hội nhập quốc tế, từng bước thu hẹp về khoảng cách phát triển giữa TTCK Việt Nam so với TTCK các nước phát triển”. Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 đặt mục tiêu quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 100% GDP vào năm 2025 và đạt 120% GDP vào năm 2030; TTCK phái sinh tăng trưởng trung bình khoảng 20% - 30% mỗi năm trong giai đoạn 2021 - 2030. Điều này cho thấy sự ủng hộ về mặt chính sách cho sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Nguồn: Bloomberg, VNDIRECT RESEARCH

3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm

Tỷ suất sinh lợi cao: Chứng quyền có bảo đảm có đòn bẩy cao nên giá biến động mạnh theo giá chứng khoán cơ sở. Nhà đầu tư có thể thu được lợi nhuận lớn từ việc nhận định đúng xu hướng của giá chứng khoán cơ sở.

- Ví dụ: Ngày 21/02/2021, VNDIRECT chào bán chứng quyền mua mã CXYZ2101 dựa trên cổ phiếu XYZ với mức giá 15.000 đồng/chứng quyền. Giá hiện tại của XYZ là 200.000 đồng, tỷ lệ chuyển đổi 1:1 và giá thực hiện 200.000 đồng. Nhà đầu tư (NDT) A mua 1.000 chứng quyền CXYZ2101. Mức phí NDT A phải trả là: $1.000 \times 15.000 = 15.000.000$ đồng

- Giả sử giá cổ phiếu XYZ tăng lên 250.000 đồng/cp.
- Số lãi của NĐT mua chứng quyền CXYZ2101: $1.000 \times (250.000 - (200.000 + 15.000)) = 35.000.000$ đồng, tỷ suất lợi nhuận là 133%.
- Nếu NĐT sử dụng 15.000.000 đồng mua cổ phiếu XYZ (mua được 75 cổ phiếu) thì khi giá tăng lên 250.000 số tiền lãi là: $(250.000 - 200.000) \times 75 = 3.750.000$ đồng, tỷ suất lợi nhuận 25%.
- Như ví dụ trên giá cổ phiếu XYZ chỉ tăng 25% nhưng NĐT nắm giữ chứng quyền mua đã sinh lời 133% cho thấy tỷ suất sinh lời cao.

Mức lỗ tối đa bằng với phí mua chứng quyền: NĐT nắm giữ chứng quyền mua có thể thu được lợi nhuận lớn khi giá chứng khoán cơ sở tăng giá nhưng chỉ chịu lỗ tối đa bằng với phần phí mua chứng quyền nếu như giá chứng khoán cơ sở giảm mạnh không theo dự kiến. Như ví dụ trên, nếu giá cổ phiếu XYZ giảm về chỉ còn 100.000 đồng/cp, với 1.000 chứng quyền thì NĐT chịu lỗ tối đa 15.000.000 đồng trong khi đó nếu nắm giữ 1.000 cổ phiếu XYZ thì NĐT chịu lỗ 50.000.000 đồng và có thể nhiều hơn nếu như giá cổ phiếu XYZ tiếp tục giảm.

Vốn đầu tư thấp so với mua chứng khoán cơ sở: NĐT thay vì phải bỏ ra một số tiền lớn để mua chứng khoán cơ sở, NĐT có thể mua chứng quyền với mức vốn bỏ ra chỉ bằng một phần nhỏ nhưng vẫn có thể hưởng lợi từ việc tăng giá của chứng khoán cơ sở. Như ví dụ bên trên, NĐT có thể mua 1.000 chứng quyền mua với vốn 15.000.000 đồng và vẫn hưởng lợi từ việc giá cổ phiếu XYZ tăng, thay vì mua 1.000 cổ phiếu XYZ với vốn 200.000.000 đồng.

Không giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài: chứng quyền có bảo đảm thanh toán tại ngày đáo hạn bằng tiền mặt do đó nhà đầu tư nước ngoài có thể tham gia mua chứng quyền của những cổ phiếu đã hết room ngoại.

Tuy nhiên, chứng quyền có bảo đảm cũng có những rủi ro đặc thù và người tham gia có thể mất toàn bộ vốn đầu tư bỏ vào sản phẩm này nên nhà đầu tư cần tìm hiểu kỹ về sản phẩm để cân nhắc các lợi ích và rủi ro trước khi ra quyết định đầu tư.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

1.1. Giới thiệu về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

Tên Công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT
Tên giao dịch quốc tế	:	VNDIRECT SECURITIES CORPORATION
Tên viết tắt	:	VNDIRECT
Trụ sở chính	:	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	:	+84 24 3972 4568
Fax	:	+84 24 3972 4600
Website	:	www.vndirect.com.vn
Logo	:	
Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (mã số doanh nghiệp) số 0102065366 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/11/2006 và các lần thay đổi theo từng thời điểm.
Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán	:	Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/11/2006 và các Quyết định/Giấy phép điều chỉnh
Đại diện theo pháp luật	:	- Bà Phạm Minh Hương – Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Ông Nguyễn Vũ Long – Tổng Giám đốc - Ông Điều Ngọc Tuấn – Giám đốc quản trị
Vốn điều lệ	:	15.222.999.080.000 đồng (Mười lăm nghìn, hai trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng).
Ngành nghề kinh doanh chính	:	(1) Các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán. (2) Dịch vụ nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân; thực hiện phân phối hoặc làm đại lý phân phối chứng khoán; quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán; cung ứng dịch vụ quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán cho các doanh nghiệp khác. (3) Cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng

khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh.

(4) Giao dịch chứng khoán trên tài khoản tự doanh chứng khoán và được đầu tư, góp vốn, phát hành, chào bán các sản phẩm tài chính.

(5) Dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán, thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán; đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán; tư vấn tái cơ cấu, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, mua bán doanh nghiệp; tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược doanh nghiệp; tư vấn chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán; tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp.

(6) Cung cấp dịch vụ tài chính và các dịch vụ chứng khoán khác phù hợp với quy định của pháp luật sau khi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

VNDIRECT được thành lập năm 2006, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/11/2006, mã số doanh nghiệp 0102065366 cấp ngày 07/11/2006 và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/11/2006 với vốn điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng. Đến nay, VNDIRECT có vốn điều lệ là 15.222.999.080.000 đồng. Các dấu mốc quan trọng của Công ty như sau:

Tháng 11/2006 VNDIRECT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/11/2006, mã số doanh nghiệp số 0102065366, và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/11/2006 với vốn điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng.

Tháng 12/2007 Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng thông qua chào bán riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu và chào bán cho cổ đông chiến lược. Sau khi tăng vốn, VNDIRECT tiếp tục mở rộng các hoạt động kinh doanh cốt lõi, mở rộng bảng cân đối với các hoạt động tự doanh giấy tờ có giá, hoạt động tư vấn đầu tư tài chính.

Là doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam cung cấp giải pháp giao dịch chứng khoán trực tuyến toàn diện.

Thành lập chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh.

Năm 2008 Tháng 03/2008, VNDIRECT đầu tư nền tảng công nghệ riêng, tự phát triển hệ thống Core system và tạo tiền đề đầu tiên cho nền tảng số của VNDIRECT. Đây cũng là năm công ty hạch toán lỗ hoạt động vì các rủi ro của hoạt động tự doanh và công ty thay đổi nền tảng hoạt động hướng tới tập trung vào mảng dịch vụ giao dịch và khách hàng cá nhân.

Năm 2009	VNDIRECT đi đầu trong việc tạo ra các sản phẩm đột phá mới trên thị trường, tiền đề đầu tiên cho các sản phẩm tương lai và quyền chọn, hoạt động cho vay margin, và các công cụ tài chính hỗ trợ cho giao dịch.
Tháng 02/2010	Tháng 02/2010, Công ty tăng vốn điều lệ từ 300.000.000.000 đồng lên 450.000.000.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu thưởng; chào bán cho cổ đông hiện hữu; chào bán cho CBCNV và chào bán riêng lẻ. Tháng 08/2010, Công ty tiếp tục tăng vốn lên 999.990.000.000 đồng thông qua chào bán cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Đây là cơ sở để VNDIRECT mở rộng các hoạt động cho vay ký quỹ, bảo lãnh phát hành và đầu tư giấy tờ có giá trên thị trường vốn và tiền tệ. Công ty chính thức niêm yết trên HNX theo quyết định chấp thuận niêm yết số 158/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 18/03/2010.
Năm 2011	Tháng 09/2011, lần đầu tiên VNDIRECT dẫn đầu thị phần môi giới chứng khoán tại sàn giao dịch HNX. Công ty bắt đầu tập trung xây dựng nền móng đầu tiên cho hoạt động Môi giới giao dịch chứng khoán cho khách hàng cá nhân.
Năm 2012	Công ty ra mắt cổng kết nối FIX Bloomberg, cung cấp thành công sản phẩm Direct Market Access cho khách hàng tổ chức. Công ty cũng ký kết hợp tác phát triển hoạt động phân tích để cung cấp tới khách hàng tổ chức nước ngoài cùng với CIMB.
Tháng 12/2015	VNDIRECT tăng vốn điều lệ lên gần 1.550.000.000.000 đồng thông qua chào bán cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, vốn chủ sở hữu xấp xỉ 1.900 tỷ đồng và trở thành một trong ba công ty chứng khoán có quy mô vốn lớn nhất trên SGDCK. Công ty tập trung vào hoạt động giao dịch môi giới và cho vay ký quỹ (margin), xây dựng nền tảng quản trị rủi ro của hoạt động này và giúp Công ty mở rộng được thị trường thu hút khách hàng cá nhân giao dịch chứng khoán. VNDIRECT lọt TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần giao dịch trái phiếu lớn nhất trên cả 2 sàn và được vinh danh là một trong ba công ty chứng khoán thành viên có dịch vụ môi giới tốt nhất giai đoạn 2005 – 2015.
Năm 2016	VNDIRECT dẫn đầu thị trường về số tài khoản cá nhân và tổng tài sản ròng của khách hàng do VNDIRECT quản lý đạt xấp xỉ 26 nghìn tỷ đồng. Công ty cũng lọt TOP 15 công ty thành viên tiêu biểu giai đoạn 2015 – 2016, TOP 30 doanh nghiệp minh bạch nhất trên HNX.
Tháng 05/2017	VNDIRECT nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngay khi thị trường này chính thức hoạt động ngày 10/08/2017.

Ngày 18/08/2017, gần 155 triệu cổ phiếu VND chính thức giao dịch trên HSX sau khi hủy niêm yết trên HNX ngày 14/08/2017, với giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 23.900 đồng/cổ phiếu.

Cùng năm, Công ty ra mắt bảng giá "The Lightning Price Board" thuộc dự án Protrade. Đây được xem là một biểu tượng cho sự tiên phong của VNDIRECT trong việc áp dụng công nghệ, tối ưu khả năng giao dịch của nhà đầu tư khi bao gồm đầy đủ các công cụ gồm bảng giá, công cụ phân tích, công cụ giao dịch, vùng theo dõi biến động giá và vùng đặt lệnh trên cùng một nền tảng.

Tháng 06/2018 Thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và trả cổ tức bằng cổ phiếu, VNDIRECT được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi tăng vốn lên 2.204,3 tỷ đồng, trở thành Công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn thứ 3 trên thị trường. Công ty tiếp tục chuyển dịch số hóa nền tảng hoạt động kinh doanh.

Năm 2019 VNDIRECT dẫn đầu về Giá trị giao dịch cũng như Khối lượng giao dịch của sản phẩm Chứng quyền trên thị trường. Công ty đạt thị phần môi giới cao nhất trên sàn UPCOM – 9,66% và ra mắt nền tảng dịch vụ khách hàng điện tử Myaccount.

Năm 2020 VNDIRECT cán mốc trên 100.000 tài khoản mở mới trong năm 2020, chiếm tới 40% tài khoản mở mới toàn thị trường. Là công ty tiên phong trong ngành đưa định danh điện tử eKYC vào quy trình mở tài khoản trực tuyến, ra mắt sản phẩm tích sản hưu trí và chuyên trang hỗ trợ thông tin cổ phiếu Dstock.

Tháng 08/2021 Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ lên 4.349.446.870.000 đồng thông qua phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 nhằm nâng cao năng lực phục vụ các hoạt động cho vay ký quỹ chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, đầu tư giấy tờ có giá trên thị trường. Công ty nhận Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK ngày 05/08/2021 và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 15/09/2021 cập nhật thay đổi vốn điều lệ.

Đầu năm 2021, Công ty ra mắt luồng mở tài khoản đầu tư theo DGO dành cho Khách hàng có nhu cầu đầu tư và quản lý tài sản theo con đường DGO ở VNDIRECT. Đây là điểm khởi đầu quan trọng trong hành trình trải nghiệm của khách hàng với hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ đầu tư của VNDIRECT và cũng là điểm khởi đầu giúp cho VNDIRECT nhận diện đúng nhu cầu, chăm sóc khách hàng được chu đáo, hiệu quả.

Tháng 04/2022 Tháng 4/2022, Công ty hoàn thành tăng vốn điều lệ thông qua phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 và phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 1:0,8 nhằm mở rộng các hoạt động cho vay ký quỹ, đầu tư giấy tờ có giá trên thị trường vốn và tăng năng lực hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán. Sau phát hành, VNDIRECT có vốn điều lệ là 12.178.440.090.000 đồng và trở thành một trong những công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn nhất thị trường.

Công ty được vinh danh trong Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2022 do Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn. Cùng năm, VNDIRECT cũng vinh dự được vinh danh là “Công ty vượt trội nhất Việt Nam trong lĩnh vực tài chính năm 2022” theo cuộc bình chọn “AsiaMoney Asia’s Outstanding Companies Poll” của AsiaMoney, tạp trí uy tín hàng đầu Châu Á về kinh tế - tài chính – ngân hàng.

Năm 2023 Với thông điệp chiến lược “Nâng tầm quản trị”, năm 2023 VNDIRECT tiếp tục hoàn thiện các chuẩn mực hoạt động theo hành trình khách hàng, nâng cấp sản phẩm, dịch vụ và kiện toàn bộ máy tổ chức. Năm 2023, VNDIRECT đã thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư của Công ty. Theo đó, VNDIRECT thực hiện mua thêm gần ba triệu cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (“PTI”), nâng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu công ty này lên 20% và để sau khi hoàn tất giao dịch thì PTI trở thành công ty liên kết của VNDIRECT. Đồng thời, VNDIRECT đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A.

Công ty cũng đã mở rộng địa bàn hoạt động bằng việc khai trương thêm 04 Phòng giao dịch của Công ty, gồm: Phòng Giao dịch Nguyễn Hữu Thọ, Phòng Giao dịch Trần Thái Tông, Phòng Giao dịch Nguyễn Xí và Phòng Giao dịch Hải Thượng Lãn Ông.

Tháng 07/2024 Tháng 07/2024, công ty hoàn tất việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Sau phát hành, vốn điều lệ của VNDIRECT tăng từ 12.178.440.090.000 đồng lên 15.222.999.080.000 đồng, duy trì là một trong những công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn nhất thị trường. Mục đích việc tăng quy mô vốn hoạt động này để mở rộng năng lực cho vay ký quỹ của khách hàng, năng lực bảo lãnh trong việc phát hành trái phiếu, năng lực đầu tư vào các giấy tờ có giá trên thị trường, năng lực phát hành và phân phối chứng quyền có đảm bảo.

1.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành không có công ty mẹ và không có công ty con.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 989 người.

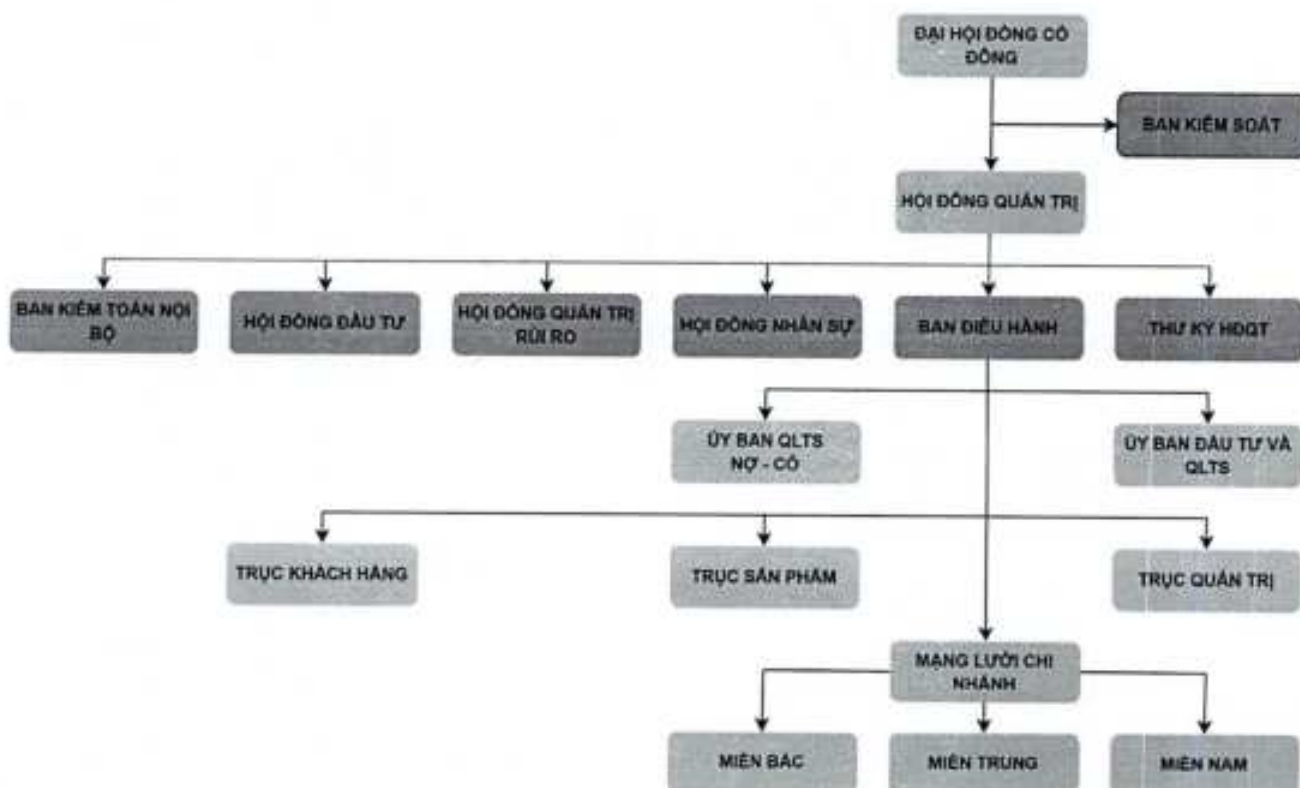
Công ty có 01 (một) công ty liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

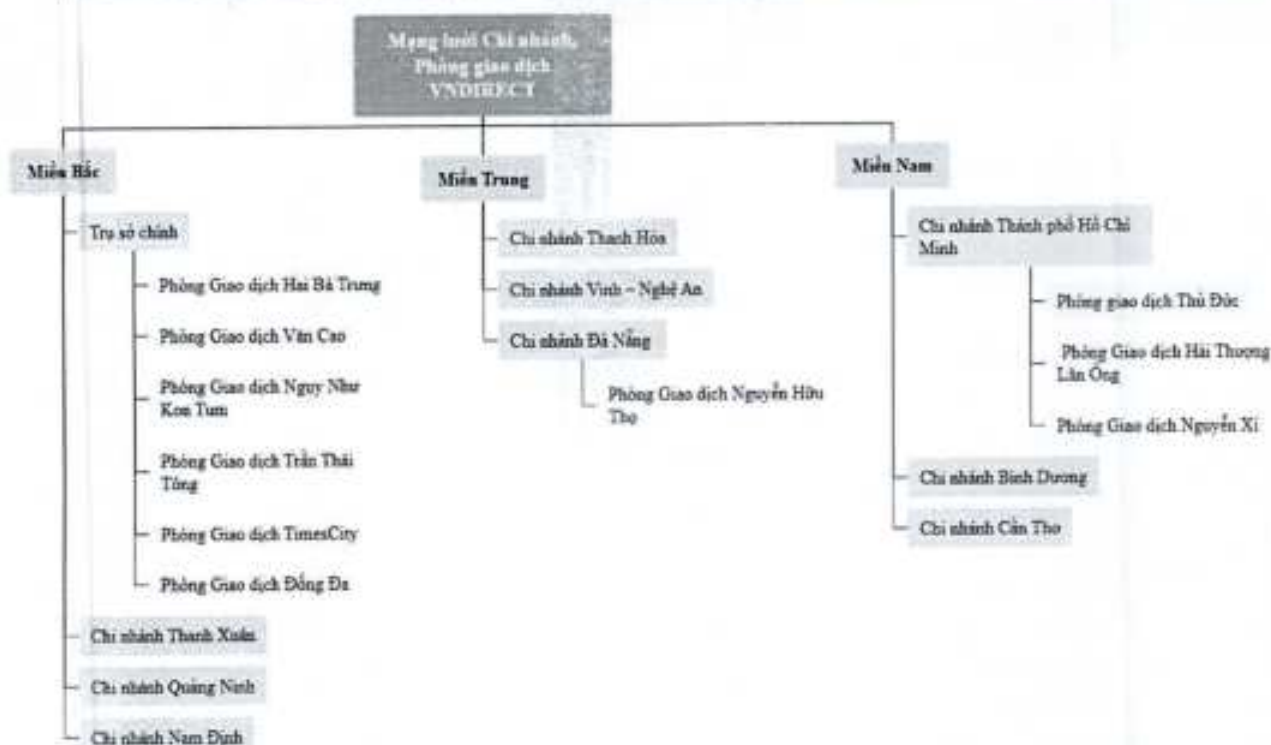
Bảng 1: Danh sách công ty liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 3633/GP-UB ngày 01 tháng 08 năm 1998 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 41A/GPDDC/KDBH ngày 05 tháng 01 năm 2022.	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.	1.205.921.290.000 VNĐ	20%	20%

Nguồn: VNDIRECT

1.4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty





1.4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đại Hội Đồng Cổ đông có quyền bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo các quy định cụ thể trong Điều lệ Công ty.

1.4.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị quyết định hoạt động kinh doanh, có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác được quy định tại Quy chế do Hội đồng quản trị Công ty ban hành. HĐQT có quyền giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

1.4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có quyền giám sát Hội đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

1.4.4. Ban điều hành/ Ban Tổng giám đốc

Ban Điều hành của Công ty gồm Tổng Giám đốc, Giám đốc quản trị, Giám đốc tài chính và những Người điều hành khác được quy định tại quy chế do HĐQT ban hành. Người Điều hành Công ty có trách nhiệm hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

1.4.5. Các tiểu ban và bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị

1.4.5.1 Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (HĐQT) của Công ty gồm Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Quản trị Rủi ro và Hội đồng Nhân sự, được thành lập nhằm tham mưu, xây dựng chính sách và giám sát các lĩnh vực trọng yếu như đầu tư, quản trị rủi ro và nhân sự. Các hội đồng này hỗ trợ HĐQT trong việc hoạch định chiến lược, ban hành cơ chế quản lý, phê duyệt các vấn đề quan trọng và giám sát việc triển khai, đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, đáp ứng mục tiêu chiến lược và tiêu chuẩn quản trị.

1.4.5.2. Ban kiểm toán nội bộ

Ban kiểm toán nội bộ có trách nhiệm:

- Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị;

- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Điều hành nhằm hoàn thiện hệ thống này;

- Đánh giá việc tuân thủ các hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;

- Tham mưu thiết lập chính sách và quy trình nội bộ;

- Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;

- Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;

- Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;

- Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;

- Đánh giá việc tuân thủ cam kết trong hợp đồng;

- Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;

- Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;

- Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty;

- Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ và Quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.

1.4.6. Các khối /ban trực thuộc Ban Tổng giám đốc/Ban điều hành và Đơn vị trực thuộc

1.4.6.1. Ủy ban Quản lý Tài sản nợ - có

Ủy Ban quản lý tài sản nợ - có (Ủy ban ALCO) có trách nhiệm thảo luận, đưa ra ý kiến chỉ đạo/phê duyệt đối với các vấn đề liên quan tới những lĩnh vực chủ yếu sau đây:

- Quản lý Bảng cân đối Tài sản Nợ - Tài sản Có;

- Quản lý rủi ro thanh khoản;

- Quản lý rủi ro thị trường;

- Phê duyệt các ngưỡng cảnh báo/hạn mức rủi ro thanh khoản và thị trường trong từng thời kỳ;

- Quản lý về chiến lược, chủ trương huy động và sử dụng vốn trong từng thời kỳ;

- Quản lý lãi suất mua bán vốn nội bộ, lãi suất huy động và sử dụng vốn;

- Quyết định chính sách để huy động vốn và phục vụ thanh khoản;

- Những vấn đề khác thuộc phạm vi hoạt động theo Quy định, Quyết định của HĐQT trong từng thời kỳ.

1.4.6.2. Ủy ban Đầu tư và Quản lý Tài sản

Ủy ban Đầu tư và Quản lý tài sản có chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về các hoạt động đầu tư và quản lý tài sản của Công ty, bao gồm:

- Xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm, trung và dài hạn của VNDIRECT và các công ty thành viên.

- Xây dựng năng lực kinh doanh và quản trị trong lĩnh vực đầu tư và quản lý tài sản của VNDIRECT và các công ty thành viên.

1.4.6.3. Trục khách hàng

Trục khách hàng có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Phụ trách công tác thiết lập và bảo vệ quan hệ với các khách hàng doanh nghiệp và là cầu nối nhu cầu của khách hàng với năng lực cung cấp dịch vụ của VNDIRECT;

- Tìm kiếm, thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ đối tác với các khách hàng doanh nghiệp có tiềm lực tài chính và có nhu cầu đầu tư vốn (buy-side) trên thị trường vốn;

- Quản lý quan hệ và xây dựng phân khúc khách hàng;

- Xây dựng và quản lý quan hệ khách hàng chiến lược;

- Xây dựng khách hàng mục tiêu;

- Xây dựng/phát triển năng lực và thực hiện tìm kiếm thương vụ;

- Kiến tạo đội ngũ có năng lực phát triển, đào tạo và huấn luyện đội ngũ hành nghề tư vấn tài chính cá nhân;

- Kiến tạo nền tảng hành nghề cho những người muốn hành nghề dịch vụ tài chính cá nhân độc lập;

- Xây dựng chính sách khách hàng.

1.4.6.4. Trục sản phẩm

Trục sản phẩm bao gồm các bộ phận có nhiệm vụ cung cấp các sản phẩm của Công ty đến khách hàng cũng như xây dựng năng lực tự doanh trên thị trường vốn của Công ty, như:

Ngân hàng đầu tư: Cung cấp các sản phẩm ngân hàng đầu tư (tư vấn mua bán doanh nghiệp, phát hành vốn, tư vấn tài chính, tái cấu trúc doanh nghiệp, dịch vụ giao dịch chứng khoán cho các cổ đông) phù hợp với nhu cầu của từng khách hàng doanh nghiệp nằm trong nhóm thị trường mục tiêu theo từng giai đoạn cụ thể.

Quản lý dịch vụ đầu tư và nguồn vốn:

- Chịu trách nhiệm quản lý nguồn vốn của công ty phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty bao gồm: nguồn vốn tín dụng; phát hành trái phiếu nợ, nguồn vốn huy động từ cổ đông và các nguồn vốn hợp pháp khác;

- Thực hiện hoạt động giao dịch đảm bảo thanh khoản trên thị trường tiền tệ; Kinh doanh cơ hội biến động lãi suất/ tỷ giá trên thị trường tiền tệ thông qua các giao dịch tiền gửi, tiền vay (Funding&Gapping); Kinh doanh các sản phẩm cấu trúc về lãi suất, tỷ giá trên thị trường;

- Chịu trách nhiệm quản lý hiệu quả danh mục các tài sản đầu tư của công ty bao gồm: Danh mục cổ phiếu, Danh mục trái phiếu, Danh mục Chứng khoán phái sinh (Chứng quyền có bảo đảm, Hợp đồng tương lai chỉ số, ETF...).

Sản phẩm đầu tư thị trường vốn: Cung cấp các sản phẩm đầu tư chủ động như đầu tư trái phiếu doanh nghiệp,...

Cho vay ký quỹ: Cung cấp sản phẩm cho vay giao dịch ký quỹ cho nhóm khách hàng mục tiêu của Công ty.

Phân tích và dữ liệu: Bộ phận phân tích có các đánh giá phục vụ cho nhu cầu đầu tư của khách hàng tổ chức và khách hàng cá nhân.

Quản lý sản phẩm: Xây dựng các mô hình, công cụ có liên quan đến nền tảng dữ liệu thông tin tương ứng với các sản phẩm mà công ty cung cấp như Dstock (chuyên trang thông tin phân tích cổ phiếu), Dgo (hệ sinh thái đầu tư và quản lý tài sản), Profit.

Vận hành sản phẩm: Đơn vị vận hành hỗ trợ cung cấp các sản phẩm của Công ty đến với khách hàng đồng thời quản trị hệ thống cơ sở dữ liệu kinh doanh.

1.4.6.5. Trục quản trị

Trục quản trị có nhiệm vụ xây dựng các nền tảng hỗ trợ và quản trị cho Trục khách hàng và Trục sản phẩm nhằm đảm bảo các hoạt động được diễn ra thông suốt, an toàn và hiệu quả trên cơ sở tuân thủ các quy định nội bộ và quy định của pháp luật, bao gồm:

Công nghệ:

- Xây dựng năng lực cốt lõi bao gồm: Thiết kế giải pháp công nghệ cho lĩnh vực tài chính (Fintech Business Solution); Khả năng phát triển phần mềm và nhanh chóng đưa sản phẩm công nghệ ra thị trường (Time-to-market);

- Tham mưu tư vấn chiến lược cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành về vấn đề chiến lược công nghệ;

- Vận hành hệ thống, xử lý sự cố, tối ưu hóa hệ thống thường xuyên.

Quản trị nguồn nhân lực:

- Xây dựng hệ thống chính sách, quy chế, quy định, quy trình về phát triển nguồn nhân lực của VNDIRECT;

- Thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực thông qua các hoạt động bao gồm: xây dựng thương hiệu tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, quản lý hiệu quả làm việc, lương thưởng và đãi ngộ, quan hệ lao động.

Hành chính:

- Chịu trách nhiệm tổ chức không gian văn phòng làm việc, các khu vực chức năng của Công ty; chịu trách nhiệm công tác văn thư, hành chính, mua sắm tài sản.

Quản lý truyền thông và thương hiệu:

- Tổ chức các hoạt động truyền thông nội bộ trên các kênh thông nhất trong Công ty; truyền đạt chủ trương, chính sách của các cấp lãnh đạo đến với toàn thể cán bộ nhân viên; tập trung quản lý thông tin kết nối trong nội bộ Công ty; xây dựng chiến lược, các chương trình quảng bá thương hiệu và kế hoạch, sự kiện truyền thông ra bên ngoài.

Kế toán kiểm soát:

- Xây dựng chính sách tài chính, ngân sách chi tiêu, giám sát thực hiện và kiểm soát ngân quỹ; Xây dựng hệ thống, chính sách kế toán và thực hiện các báo cáo tuân thủ (Báo cáo tài chính, Báo cáo UBCKNN, SGDCK...).

Pháp chế và tuân thủ:

- Tư vấn pháp luật và hỗ trợ pháp lý: Tư vấn pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các Khối/Phòng/Ban/Bộ phận, cán bộ nhân viên liên quan đến Công ty và khách hàng;

- Thiết kế, cấu trúc pháp lý đối với các sản phẩm dịch vụ và các giao dịch của Tập đoàn;

- Thực thi giải quyết các thủ tục pháp lý, các tranh chấp và các vấn đề liên quan đến pháp lý: Tổ chức thực hiện các thủ tục pháp lý, tham gia tố tụng và giải quyết tranh chấp, giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ, hoạt động và giao dịch của Công ty;

- Thực hiện nghiệp vụ công bố thông tin, báo cáo tuân thủ của Công ty chứng khoán/quản lý quỹ/đại chúng; tổ chức thực hiện các thủ tục liên quan đến hoạt động của đại hội đồng cổ đông/hội đồng quản trị/đại hội nhà đầu tư;

- Kiểm soát tuân thủ pháp luật, kiểm soát và phê duyệt rủi ro pháp lý: Thẩm định, phê duyệt và kiểm soát rủi ro pháp lý đối với các hoạt động/giao dịch và việc ký kết/phát hành văn bản; Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ của các bộ phận và cán bộ nhân viên Công ty;

- Xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống văn bản nội bộ: (i) Tư vấn và thiết kế chuẩn hóa pháp lý đối với các sản phẩm/dịch vụ/nghiệp vụ, hệ thống hợp đồng/biểu mẫu, và chính sách sản phẩm dịch vụ đảm bảo tuân thủ pháp luật và tạo điều kiện cho kinh doanh kiến tạo cơ hội mới; (ii) Xây dựng hệ thống các quy chế/quy trình/chính sách và quy định của Công ty; (iii) Xây dựng, quản lý và phát triển hệ thống quản lý và truy cập văn bản cho toàn bộ nhân viên; (iv) Xây dựng và quản lý hệ thống giám sát và báo cáo tuân thủ.

Quản trị vận hành:

- Quản lý chất lượng (Quality Assurance): Nghiên cứu, phát triển, ban hành chiến lược và chính sách, quy chế, quy trình vận hành sản phẩm, quy trình quản lý chất lượng và kiểm soát rủi ro trong hoạt động của Công ty;

- Vận hành: Tổ chức triển khai vận hành cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của VNDIRECT tới khách hàng như hoạt động lưu ký, thanh toán, bù trừ,...; thực hiện các báo cáo tuân thủ liên quan đến hoạt động nghiệp vụ cho cơ quan quản lý.

1.4.7. Mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch:

Miền Bắc:

- Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Phòng giao dịch Hai Bà Trưng:

Địa chỉ: Số 97 Lò Đúc, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Phòng giao dịch Văn Cao:

Địa chỉ: Số 22 Văn Cao, Phường Ngọc Hà, Hà Nội.

Phòng giao dịch Ngụy Như Kon Tum:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà hỗn hợp căn hộ để bán và văn phòng cao cấp cho thuê – Tòa nhà Comatce Tower, số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Phòng giao dịch Trần Thái Tông:

Địa chỉ: Tầng 1 số 95 Trần Thái Tông, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Phòng giao dịch TimesCity:

Địa chỉ: SH0109, Tầng 1, Tòa Park 7, Khu đô thị Vinhomes Times City Park Hill, số 25, ngõ 13, đường Lĩnh Nam, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội.

Phòng giao dịch Đồng Đa:

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà TTG Tower, số 174 Thái Hà, phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội.

- Chi nhánh Thanh Xuân:

Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà CT1 số 43 Lê Văn Lương, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

- Chi nhánh Quảng Ninh:

Địa chỉ: Tầng 1, 2 và 3, Ô số 10, Lô LK1, Khu chung cư và dân cư cao cấp Việt Hàn, phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh.

- Chi nhánh Nam Định:

Địa chỉ: Số 88 – 90 phố Phạm Sư Mạnh, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình.

Miền Trung:

- Chi nhánh Thanh Hóa:

Địa chỉ: Tầng 2, số 11 Hạc Thành, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa.

- Chi nhánh Vinh-Nghệ An:

Địa chỉ: Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh, Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An.

- Chi nhánh Đà Nẵng:

Địa chỉ: 57 Duy Tân, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng.

Phòng giao dịch Nguyễn Hữu Thọ:

Địa chỉ: Tầng 5, Phòng 5A, Tòa nhà nhà Ricco số 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.

Miền Nam:

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: 90 đường Pasteur, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phòng giao dịch Thủ Đức:

Địa chỉ: Tầng 1, 4 & 5, số 1 và số 3, đường B4, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phòng giao dịch Hải Thượng Lãn Ông:

Địa chỉ: Tầng 1, 102A-B Hải Thượng Lãn Ông, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phòng giao dịch Nguyễn Xi:

Địa chỉ: Tầng 1, số 205 đường Nguyễn Xi, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Bình Dương:

Địa chỉ: Tầng 1, Số 280 đường 30/04, Khu 03, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Cần Thơ:

Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà STS, Số 11B Hòa Bình, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

1.5. Danh sách cổ đông của Công ty

1.5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan¹

Công ty có 01 (một) cổ đông lớn là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A (“IPA”)

Tên công ty	:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A
Giấy CN ĐKKD	:	Số 0100779693 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/12/2007, và các lần thay đổi theo từng thời điểm.
Địa chỉ trụ sở chính	:	Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu (%)	:	25,84%
Số lượng cổ phần	:	393.318.477

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan của cổ đông lớn

Tên người có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Tỷ lệ sở hữu
Vũ Hiền	Chủ tịch HĐQT	0,00004%
Phạm Minh Hương	Thành viên HĐQT	2,95%

Nguồn: VNDIRECT

1.5.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

1.6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

1.6.1. Công ty mẹ của VNDIRECT

Không có.

1.6.2. Các Công ty mà VNDIRECT nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối

Không có.

1.6.3. Các công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VNDIRECT

Không có.

¹ Trong phạm vi thông tin Công ty nắm được, cổ đông sở hữu 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty không cùng người có liên quan sở hữu trên 5% vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác

1.7. Các thông tin về Ban điều hành tổ chức phát hành (cơ cấu, thông tin tóm tắt các thành viên)

1.7.1. Hội đồng quản trị

Phạm Minh Hương	Chủ tịch HĐQT
Vũ Hiền	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT
Nguyễn Vũ Long	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Mai Hữu Đạt	Phó chủ tịch HĐQT
Vũ Việt Anh	Thành viên HĐQT độc lập

BÀ PHẠM MINH HƯƠNG – CHỦ TỊCH HĐQT

Họ tên:	PHẠM MINH HƯƠNG
Ngày sinh:	17/06/1966
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ hệ thống thông tin
Chức vụ đang nắm giữ tại VNDIRECT:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Thời điểm được bổ nhiệm:	18/09/2023
Quá trình công tác:	
- 1993 – 1994:	Chuyên gia đào tạo – Trung tâm đào tạo Bưu chính Viễn thông
- 1995 – 2002:	Giám đốc kinh doanh tiền tệ và thị trường tài chính – Ngân hàng Citibank
- 2003 – 2005:	Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
- 2006 – 2010:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
- 2008 – 2009:	Giám đốc - Công ty TNHH Một thành viên quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán I.P.A
- 01/2010 – 04/2023:	Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
- 12/2007 – nay:	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A
- 05/2012 – 09/2018:	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Ong Trung Ương

- 04/2013 – 2020:	Thành viên HĐQT – Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
- 10/2013 – nay:	Chủ tịch Hội đồng thành viên – Công ty TNHH quản lý đầu tư H&H
- 04/2018 – 01/2020:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
- 03/2022 – nay:	Chủ tịch HĐQT – Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
- 04/2022 – 04/2023:	Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
- 08/2022 – nay:	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện pháp luật – Công ty Cổ phần Đầu tư IPAF
- 10/2022 – 12/2024:	Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần thực phẩm HomeFood
- 04/2023 – 09/2023:	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
- 09/2023 – nay:	Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
- 08/2023 - 01/2025:	Chủ tịch Hội đồng thành viên, Người đại diện theo pháp luật - Công ty TNHH Tư vấn quản trị doanh nghiệp IPA
- 03/2024 – 01/2025:	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật - Công ty Cổ phần Nếp sống Tinh thức IPAM LIFE
- 02/2024 – nay:	Chủ tịch Công ty, Người đại diện theo pháp luật - Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A
- 07/2024 – nay:	Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A

ÔNG NGUYỄN VŨ LONG – TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ tên:	NGUYỄN VŨ LONG
Ngày sinh:	27/11/1987
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại VNDIRECT:	Tổng Giám đốc
Thời điểm được bổ nhiệm:	18/09/2023
Quá trình công tác:	

- 12/2012-9/2015:	<i>Chuyên viên – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn</i>
- 9/2015 – 07/2021:	<i>Trưởng phòng Kinh doanh tiền tệ, Giám đốc Nguồn vốn, Giám đốc Khối Thị trường vốn – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT</i>
- 08/2021 – 22/11/2021:	<i>Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT</i>
- 22/11/2021 – 25/04/2023:	<i>Quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT</i>
- 25/04/2022 – 25/04/2023:	<i>Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT</i>
- 26/04/2023 – 18/09/2023:	<i>Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT</i>
- 18/09/2023 – nay:	<i>Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT</i>

ÔNG MAI HỮU ĐẠT – PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Họ tên:	MAI HỮU ĐẠT
Ngày sinh:	12/04/1974
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Tiến sĩ luật
Chức vụ đang nắm giữ tại VNDIRECT:	Phó Chủ tịch HĐQT
Thời điểm được bổ nhiệm:	25/04/2022
Quá trình công tác:	
- 1996 – 12/1998:	<i>Phòng nhân sự - pháp chế Công ty liên doanh ô tô Việt Nam – Deawoo</i>
- 01/1999 – 10/2005:	<i>Thanh tra viên Ủy ban chứng khoán Nhà nước</i>
- 10/2005 – 12/2006:	<i>Phòng đầu tư Công ty Numero</i>
- 12/2006 - 11/2009:	<i>Luật sư Công ty cổ phần chứng khoán Alpha</i>
- 05/2010 – 04/2012:	<i>Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông</i>
- 03/2010 – 30/04/2012:	<i>Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT</i>
- 03/2011 - 08/2013:	<i>Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A</i>
- 06/2012 - 04/2017:	<i>Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai</i>
- 2012 – 2017:	<i>Ban pháp chế Hiệp hội kinh doanh chứng khoán</i>

- 2013:	<i>Cố vấn pháp lý của HĐQT – Công ty Cổ phần sân Golf Chỉ Linh</i>
- 11-2013 – 11/2018:	<i>Trợ lý Chủ tịch HĐQT – Phụ trách pháp chế - Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội</i>
- 05/2015 - 05/2018:	<i>Thành viên HĐQT - Công ty TNHH BOT đường 188</i>
- 05/2015 - 10/2019:	<i>Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần ĐTPT 2B&D</i>
- 11/2013 - 04/2022:	<i>Ban kiểm soát nội bộ – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI</i>
- 08/2019 - 05/2020:	<i>Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Du lịch khách sạn Suối Mơ</i>
- 05/2019 - 15/04/2022:	<i>Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương</i>
- 25/04/2022 – nay:	<i>Thành viên, Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT</i>
- 09/05/2022 – nay:	<i>Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A</i>
- 25/05/2022 – nay:	<i>Giám đốc điều hành Vận hành – Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà</i>
- 15/08/2022 – nay:	<i>Giám đốc Công ty TNHH ANVIE</i>

ÔNG VŨ HIỀN – PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC HĐQT

Họ tên:	VŨ HIỀN
Ngày sinh:	15/10/1962
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư
Chức vụ hiện nay:	Phó chủ tịch thường trực HĐQT
Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2024
Quá trình công tác:	
- 1985 – 1989:	<i>Thuyền phó - Công ty Vận tải Biển Hà Nội</i>
- 1989 – 1995:	<i>Thuyền phó - Công ty Vận tải Biển Ngoại thương</i>
- 1996 – 1998:	<i>Trưởng phòng kinh doanh - Công ty Vận tải Biển Vũng Tàu - CN Hà Nội</i>
- 1998 – 2006:	<i>Giám đốc - Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận hàng hóa VTS</i>
- 2007 – nay:	<i>Chủ tịch HĐQT - CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A</i>
- 2009 – nay:	<i>Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT</i>
- 04/2009 – 02/2024:	<i>Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A</i>

- 10/2013 – nay:	Thành viên HĐQT - Công ty TNHH Quản lý Đầu tư H&H
- 10/2015 – nay:	Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH ANVIE
- 03/2017 – 04/2023:	Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An
- 02/2020 – nay:	Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà
- 10/2009 – nay:	Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Dược phẩm ECO
- 10/2024 – nay:	Phó chủ tịch thường trực HĐQT – Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT

ÔNG VŨ VIỆT ANH – THÀNH VIÊN HĐQT

Họ tên:	VŨ VIỆT ANH
Ngày sinh:	12/01/1980
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT độc lập
Thời điểm được bổ nhiệm:	25/04/2022
Quá trình công tác:	
- 2006:	Phân tích/ lập trình viên Java – Đại học Columbia
- 2006-2008:	Lập trình viên Java - Tervela Inc
- 2009 – nay:	Giám đốc – Công ty Cổ phần OCTECH
- 25/04/2022-nay:	Thành viên HĐQT độc lập – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

1.7.2. Ban kiểm soát

Lê Phương Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát
Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên Ban kiểm soát
Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên Ban kiểm soát

BÀ LÊ PHƯƠNG HẠNH – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Họ tên:	LÊ PHƯƠNG HẠNH
Ngày sinh:	28/08/1968
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế - chuyên ngành Ngân hàng
Chức vụ hiện nay:	Trưởng Ban Kiểm Soát
Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2025

Quá trình công tác:

- 1994 – 05/2006: Trưởng phòng kinh doanh – Văn phòng đại diện Công ty Helm AG, Cộng hòa liên bang Đức tại Hà Nội
- 06/2006 – 10/2006: Chuyên viên - Công ty Cổ phần Đầu tư IPA
- 11/2006 – 01/2009: Trưởng phòng Nghiệp vụ - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
- 02/2009 – 06/2009: Chuyên viên phát triển dự án – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A
- 07/2009 – 12/2024: Giám đốc khối Nghiệp vụ – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
- 05/2025 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

BÀ HUỖNH THANH BÌNH MINH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- | | |
|--------------------------|--|
| Họ tên: | HUỖNH THANH BÌNH MINH |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn: | Thạc sĩ kinh tế |
| Chức vụ hiện nay: | Thành viên Ban Kiểm Soát |
| Thời điểm được bổ nhiệm: | Năm 2011 |
| Quá trình công tác: | |
| - 2005 – 2006: | Chuyên viên tín dụng – Ngân hàng Á Châu |
| - 2007 - 2014: | Chuyên viên đầu tư – Quỹ Đầu tư Vietnam Investments Group |
| - 2012 – nay: | Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT |
| - 2015 – 2018: | Phó Giám đốc – Công ty TNHH Thương mại Vistar |
| - 2018 – nay: | Giám đốc Quỹ đầu tư TAEL Partners |

BÀ NGUYỄN NGỌC MAI – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- | | |
|--------------------------|---|
| Họ tên: | NGUYỄN NGỌC MAI |
| Ngày sinh: | 08/02/1994 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân kiểm toán |
| Chức vụ hiện nay: | Thành viên Ban Kiểm Soát |
| Thời điểm được bổ nhiệm: | Năm 2023 |
| Quá trình công tác: | |
| - 2016 - 2020: | Trợ lý kiểm toán – Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC |

- 2020 - 2022: *Kiểm toán viên – Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC*
- 2022 - nay: *Chuyên viên kế toán kiểm soát – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A*
- 06/2023 – nay: *Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT*

1.7.3 Ban điều hành

Phạm Minh Hương	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nguyễn Vũ Long	Tổng giám đốc
Điền Ngọc Tuấn	Giám đốc quản trị

ÔNG ĐIỀN NGỌC TUẤN – GIÁM ĐỐC QUẢN TRỊ

- Họ tên: **ĐIỀN NGỌC TUẤN**
- Ngày sinh: 02/01/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật
- Chức vụ hiện nay: Giám đốc Quản trị
- Thời điểm được bổ nhiệm: 10/2022
- Quá trình công tác:
- 2004 – 2009: *Trưởng phòng tư vấn Luật bản quyền - Công ty TNHH LÊ&LÊ Văn phòng Luật sư LÊ&LÊ*
- 2010 – 04/2015: *Trưởng ban Pháp chế/Giám đốc Ban pháp chế & Tuân thủ - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT*
- 05/2015 – 04/2017: *Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ - Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A*
- 04/2017 – nay: *Giám đốc Ban pháp chế & Tuân thủ - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT*
- 11/2013 – 11/2022: *Trưởng ban kiểm toán nội bộ - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT*
- 10/2019 – nay: *Người được ủy quyền Công bố thông tin – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT*
- 10/2022 – nay: *Giám đốc quản trị công ty - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT*

1.7.4. Kế toán trưởng

BÀ NGUYỄN THỊ HƯƠNG – KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ tên:	NGUYỄN THỊ HƯƠNG
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán doanh nghiệp
Chức vụ hiện nay:	Kế toán trưởng
Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2023
Quá trình công tác:	
- 09/2005 – 03/2009:	Kế toán – Công ty liên doanh vận chuyển Quốc tế Hải Vân
- 07/2009 – 07/2011:	Kiểm soát nội bộ - Công ty Cổ phần chứng khoán Woori CBV
- 08/2011 – 03/2017:	Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần công nghệ bao bì Phương Bắc
- 04/2017 – 02/2019:	Kế toán Trưởng – Phú Quý Group
- 04/2019 – 04/2020:	Chuyên viên kiểm toán nội bộ – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A
- 05/2020 – nay:	Trưởng ban kiểm toán nội bộ – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A
- 10/04/2023 – nay:	Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

1.8. Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền: kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực

Họ tên: HÀ KIỀU TRANG

- Chức vụ: Chuyên viên Quản trị rủi ro tại VNDIRECT
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính
- Chứng chỉ chuyên môn: Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 002949/QLQ
- Kinh nghiệm: 8 năm
 - + Nhận diện những rủi ro sẽ xảy ra, đo lường và đưa hạn mức phù hợp trong giao dịch chứng quyền có đảm bảo.
 - + Xây dựng quy trình kiểm soát, phân tán rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng quyền có đảm bảo.
 - + Rà soát quy trình quản trị rủi ro định kỳ.

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành

2.1. Tổng hợp tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm 2024, VNDIRECT tập trung vào 02 (hai) mảng dịch vụ trọng tâm: (1) Dịch vụ thị trường vốn và (2) Dịch vụ chứng khoán.

2.1.1. Kết quả kinh doanh Dịch vụ chứng khoán

Đơn vị: Tỷ đồng

Kết quả kinh doanh	2023	2024
Doanh thu Môi giới chứng khoán	867	720
Doanh thu Cho vay ký quỹ	1.154	1.255

Nguồn: Báo cáo tài chính VNDIRECT năm 2024 đã kiểm toán

Kết thúc năm 2024, VNDIRECT tiếp tục khẳng định vị thế trong top đầu các công ty chứng khoán, nằm trong top 6 thị phần môi giới chứng khoán tại HOSE với 5,9%, top 3 thị phần môi giới chứng khoán tại HNX và top 4 thị trường UPCOM với thị phần lần lượt đạt 7,3% và 5,6%. (Nguồn thông tin thị phần: HSX, HNX).

Tổng doanh thu mảng kinh doanh Dịch vụ chứng khoán cả năm 2024 của VNDIRECT đạt 1.975 tỷ đồng giảm 2% so với năm trước, VNDIRECT cho thấy khả năng thích ứng và duy trì hiệu quả hoạt động trong năm điều kiện kinh doanh thách thức: Năm 2024, mảng kinh doanh Dịch vụ chứng khoán của VNDIRECT gặp một sự cố nghiêm trọng: hệ thống công nghệ của Công ty bị tấn công bởi hacker. Trước sự cố bị tấn công bởi hacker công nghệ, Ban Tổng Giám đốc đã nhanh chóng kích hoạt các biện pháp quản trị rủi ro, phối hợp chặt chẽ với đội ngũ cán bộ nhân viên, đối tác nhằm khắc phục sự cố. Đồng thời, Ban Tổng giám đốc cũng đề ra phương hướng hành động lấy sự an toàn và lợi ích của khách hàng làm kim chỉ nam trong suốt quá trình khắc phục. Kết thúc năm 2024, Doanh thu Môi giới chứng khoán lũy kế cả năm 2024 đạt 720 tỷ đồng, giảm 17,0% so với cùng kỳ; Doanh thu cho vay giao dịch ký quỹ đạt 1.255 tỷ đồng, tăng 8,8% so với năm 2023, tại thời điểm 31/12/2024 Công ty đạt dư nợ 10.344 tỷ đồng, tăng 0,6% so với cùng kỳ 2023. Doanh thu Môi giới chứng khoán từ kênh offline tiếp tục chiếm trọng số so với kênh online. Chi phí Môi giới chứng khoán năm 2024 là 468 tỷ đồng, giảm 23,9% so với năm 2023. Việc tối ưu chi phí đã giúp biên lợi nhuận Môi giới chứng khoán năm 2024 tăng 35,0% so với năm 2023, mặc dù Doanh thu Môi giới chứng khoán năm 2024 giảm 17,0% nhưng việc biên lợi nhuận tăng lên đã giúp Doanh thu ròng Môi giới chứng khoán đạt 252 tỷ đồng cho thấy Doanh thu phí dịch vụ giao dịch chứng khoán có sự sụt giảm nhẹ so với năm trước VNDIRECT vẫn cho thấy khả năng thích ứng và duy trì hiệu quả hoạt động trong một năm thị trường đầy thách thức. Số lượng tài khoản mở mới tại VNDIRECT tăng 5% so với cuối năm 2024 (tăng 47.362 tài khoản). Số lượng khách hàng do VNDIRECT quản lý thời điểm cuối năm 2024 cũng tăng 5% so với cùng kỳ 2023 lên mức 940.797 khách hàng, trung bình giá trị tài sản Công ty quản lý (NAV) trong năm 2024 đạt trên 180 nghìn tỷ đồng.

Trong năm 2024, VNDIRECT tiếp tục với chiến lược O2O (online-to-offline) đối với các dịch vụ chứng khoán, dịch vụ tư vấn đầu tư và quản lý tài sản cho Khách hàng cá nhân. Trên nền tảng giao dịch, các tính năng và sản phẩm số đã được ra mắt và nâng cấp, bao gồm bộ lọc cổ phiếu mạnh mẽ, bảng giá mini tiện lợi trên DBOARD, tính năng cập nhật CCCD thẻ chip, hệ thống quản lý thiết bị tin cậy, ứng dụng Facematching trong giao kết hợp đồng giao dịch ký quỹ, ủy quyền giao dịch cơ sở/phái sinh linh hoạt, nâng cấp hệ thống cảnh báo Alert, Market Watch, biểu đồ kỹ thuật chuyên sâu và Tiêu điểm thị trường trực quan trên DBOARD. Ngoài ra, VNDIRECT đã triển khai dịch vụ giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh (Non-prefunding) dành cho nhà đầu tư tổ chức nước ngoài.

Nguồn: VNDIRECT

2.1.2. Kết quả kinh doanh Hoạt động Thị trường vốn

Doanh thu mảng Thị trường vốn VNDIRECT năm 2024 tiếp tục chủ yếu đến từ danh mục trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi (CCTG) và hợp đồng tiền gửi (HDTG), đây cũng là tài sản có tỷ trọng lớn nhất trong cấu trúc danh mục tài sản tài chính.

Đơn vị: Tỷ đồng

Kết quả kinh doanh	2023	2024
Doanh thu ròng Thị trường vốn từ Tài sản tài chính ²	2.813	1.918
Chi phí tài chính (đã phân bổ) ³	1.108	508
Hiệu quả Hoạt động Thị trường vốn	1.705	1.410
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	108	54

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	Tỷ trọng 2023 (%)	Tỷ trọng 2024 (%)
1. Tiền gửi	18.553	13.004	44%	29%
2. Trái phiếu	8.233	14.618	20%	33%
3. Cổ phiếu	2.439	3.339	6%	8%
4. Các khoản cho vay	10.286	10.344	25%	23%
5. Tài sản khác	2.231	2.990	5%	7%
TỔNG TÀI SẢN	41.742	44.295	100%	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính VNDIRECT năm 2024 đã kiểm toán

Môi trường lãi suất giảm, Doanh thu ròng Thị trường vốn từ tài sản tài chính đạt 1.918 tỷ đồng giảm 31,8%, chi phí tài chính cho Hoạt động thị trường vốn 508 tỷ đồng giảm mạnh 54,2% so với cùng kỳ: Năm 2024, hoạt động kinh doanh Tiền gửi và Trái phiếu với tình hình lãi suất huy động giảm về mức đáy trong nửa đầu năm 2024, bình quân kỳ hạn 12 tháng giảm xuống 4,86%, VNDIRECT đã giảm bớt quy mô HDTG và CCTG có lãi suất cố định ở thời điểm lãi suất vẫn ở mức thấp và tăng tỷ trọng đầu tư trái phiếu (tăng 78% so với năm 2023) vào trái phiếu Chính phủ và trái phiếu tổ chức tín dụng (TCTD) chiếm tỷ trọng khoảng 80%/quy mô tăng trái phiếu, chủ yếu do ngân hàng quốc doanh phát hành, có tính an toàn và tính thanh khoản cao, do vậy, ít gia tăng mức độ rủi ro của danh mục tài sản tài chính tổng thể. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, tuy năm 2024 ghi nhận sự phục hồi của thị trường, các tổ chức phát hành chưa thực sự đa dạng, các cơ hội đầu tư có chất lượng tốt, lợi nhuận/rủi ro đáp ứng khẩu vị của công ty không nhiều, do đó, công ty không lựa chọn phương án gia tăng nhiều về quy mô đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, thay vào đó tiếp tục tập trung cơ cấu lại danh mục trái phiếu doanh nghiệp cũ song song với việc đầu tư vào một số ít trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng cao trên cơ sở nguyên tắc chọn lọc là các doanh nghiệp đầu ngành, có năng lực quản trị tốt, dòng tiền đảm bảo.

² Doanh thu ròng Thị trường vốn từ Tài sản tài chính bao gồm Lỗ từ Tài sản tài chính FVTPL

³ Chi phí tài chính được phân bổ theo quy mô sử dụng vốn của các chỉ tiêu tài sản sinh lời.

Trong năm 2024, Công ty đã đàm phán được các khoản vay vốn kì hạn dài tại các ngân hàng lớn, tận dụng mặt bằng lãi suất thấp để giảm chi phí lãi vay.

Tiếp cận thận trọng, duy trì tỷ trọng thấp, Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán đạt 54 tỷ đồng, giảm 50% so với năm 2023: Nhận diện được những rủi ro trên thị trường, VNDIRECT lựa chọn chiến lược tăng quy mô danh mục trái phiếu của Tổ chức tín dụng nhằm bổ sung nguồn cung cho khách hàng có nhu cầu đầu tư và duy trì cách tiếp cận thận trọng hoạt động bảo lãnh phát hành với các trái phiếu doanh nghiệp khác. Giá trị trái phiếu VNDIRECT bảo lãnh phát hành 2024 tiếp tục được giữ ở mức thấp, chiếm tỷ trọng 2% trên tổng giá trị trái phiếu VNDIRECT tư vấn trong năm 2024 (năm 2023: 5%), với trọng tâm của hoạt động Ngân hàng đầu tư nằm ở sản phẩm tư vấn và dịch vụ đại lý. Tính đến hết năm 2024, có hơn 10.500 Khách hàng cá nhân và hơn 100 khách hàng tổ chức sử dụng sản phẩm đầu tư trái phiếu của VNDIRECT, với tổng doanh số phân phối sản phẩm đạt gần 60.000 tỷ đồng. Năm 2024, Công ty đạt hơn 16.500 tỷ doanh số sản phẩm đầu tư trái phiếu tổ chức tín dụng cho các khách hàng là doanh nghiệp. Trong năm 2024, Công ty lần đầu tiên ra mắt sản phẩm trái phiếu tổ chức tín dụng trên nền tảng số, giúp cho nhà đầu tư cá nhân có thêm lựa chọn đầu tư và dễ dàng tiếp cận giao dịch, theo đó, thu hút hơn 750 khách hàng quan tâm đầu tư.

Nguồn: VNDIRECT

2.1.3. Thông tin về hoạt động VNDIRECT

Vinh danh Top 10 thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2024

Nằm trong Top 10 thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2024, được ghi nhận và trao tặng bởi Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Private 100 - Top doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam

VNDIRECT đứng thứ 36 trong bảng xếp hạng Top 100 doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam (Private 100) và Top 4 công ty chứng khoán tư nhân nộp ngân sách lớn nhất do CafeF tổng hợp và công bố.

2.1.4. Các tranh chấp/kiện tụng mà công ty đang gặp phải

Cho đến thời điểm hiện tại, công ty không có tranh chấp hay kiện tụng gì.

2.2. Các tài liệu quảng cáo và thông tin giới thiệu về chứng quyền có bảo đảm

Công ty không có kế hoạch quảng cáo cho các chứng quyền trong đợt đăng ký chào bán mới.

2.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến Quý II/2025

Bảng 2: Kết quả hoạt động kinh doanh của VNDIRECT

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	+/- (% chênh lệch so với năm 2023)	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025
1	Tổng giá trị tài sản	41.742.090	44.294.777	6%	47.918.507

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

2	Vốn chủ sở hữu	16.507.820	19.715.069	19%	19.631.863
3	Doanh thu thuần	6.602.162	5.348.912	-19%	3.008.965
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.489.066	2.091.786	-16%	967.295
5	Lợi nhuận khác	-6.723	-3.462	49%	-1.008
6	Lợi nhuận trước thuế	2.482.342	2.088.324	-16%	966.286
7	Lợi nhuận sau thuế	2.022.251	1.718.425	-15%	751.040

(Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC bán niên năm 2025 đã soát xét của Công ty)

Lợi nhuận trước thuế năm 2024 của Công ty đạt 2.088 tỷ đồng, hoàn thành 83% kế hoạch lợi nhuận trước thuế Đại hội cổ đông thông qua. Doanh thu thuần Công ty đạt 5.349 tỷ đồng, giảm 19% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó Doanh thu ròng giảm 19% ở mức 4.088 tỷ đồng.

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2024 đạt 44.295 tỷ đồng, tăng 6% so với cuối năm 2023, trong khi Vốn chủ sở hữu tăng 19% so với cùng kỳ lên 19.715 tỷ đồng sau khi VNDIRECT hoàn thành tăng vốn điều lệ.

Mặc dù lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Công ty đạt 1.718 tỷ đồng, giảm 16% so với năm 2023, nhưng VNDIRECT tiếp tục đứng trong nhóm các công ty chứng khoán có lợi nhuận cao.

2.4. Các chứng quyền mà công ty đã phát hành

Bảng 3: Danh sách các mã chứng quyền do VNDIRECT phát hành tính đến ngày 30/06/2025

(Các chứng quyền sau thuộc:

Loại chứng quyền Mua, Kiểu thực hiện Châu Âu, Thanh toán bằng Tiền)

ST T	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Mã chứng khoán cơ sở	Giá thực hiện	Tỷ lệ chuyển đổi	Số lượng phát hành	Số lượng đang niêm yết	Thời hạn	Ngày đáo hạn	Tình trạng
1	Chứng quyền.MWG.VND.M.CA.T.2019.01	CMWG1902	MWG	90.000	4:1	3.000.000	0	06 tháng	11/12/2019	Đã đáo hạn
2	Chứng quyền.FPT.VND.M.CA.T.2019.01	CFPT1901	FPT	44.154,14	1,9624:1	2.000.000	0	03 tháng	11/12/2019	Đã đáo hạn
3	Chứng quyền.FPT.VND.M.CA.T.2019.02	CFPT1907	FPT	53.000	2:1	2.000.000	0	03 tháng	09/01/2020	Đã đáo hạn
4	Chứng quyền.MBB.VND.M.CA.T.2019.01	CMBB1906	MBB	20.000	2:1	3.000.000	0	03 tháng	09/01/2020	Đã đáo hạn
5	Chứng quyền.REE.VND.M.CA.T.2019.01	CREE1904	REE	34.000	2:1	3.000.000	0	03 tháng	09/01/2020	Đã đáo hạn
6	Chứng quyền.TCB.VND.M.CA.T.2019.01	CTCB1902	TCB	21.000	1:1	2.000.000	0	06 tháng	05/06/2020	Đã đáo hạn

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

7	Chứng quyền.VNM.VND.M.CA.T.2019.01	CVNM1906	VNM	114.025,42	1,9831:1	1.000.000	0	03 tháng	05/03/2020	Đã đáo hạn
8	Chứng quyền.VPB.VND.M.CA.T.2019.01	CVPB1901	VPB	18.000	1:1	2.000.000	0	03 tháng	05/03/2020	Đã đáo hạn
9	Chứng quyền.HPG.VND.M.CA.T.2020.01	CHPG2005	HPG	15.543,88	0,8181:1	2.000.000	0	06 tháng	01/10/2020	Đã đáo hạn
10	Chứng quyền.PNJ.VND.M.CA.T.2020.01	CPNJ2002	PNJ	67.528,78	1,9574:1	1.000.000	0	06 tháng	01/10/2020	Đã đáo hạn
11	Chứng quyền.MWG.VND.M.CA.T.2020.01	CMWG2005	MWG	92.000	2:1	1.000.000	0	06 tháng	01/10/2020	Đã đáo hạn
12	Chứng quyền.FPT.VND.M.CA.T.2020.01	CFPT2005	FPT	41.825,64	0,8536:1	1.000.000	0	03 tháng	01/07/2020	Đã đáo hạn
13	Chứng quyền.MBB.VND.M.CA.T.2020.01	CMBB2004	MBB	17.000	1:1	2.000.000	0	03 tháng	01/07/2020	Đã đáo hạn
14	Chứng quyền.REE.VND.M.CA.T.2020.01	CREE2002	REE	32.000	1:1	1.500.000	0	03 tháng	01/07/2020	Đã đáo hạn
15	Chứng quyền.TCB.VND.M.CA.T.2020.01	CTCB2009	TCB	22.000	1:1	3.000.000	0	06 tháng	30/03/2021	Đã đáo hạn
16	Chứng quyền.FPT.VND.M.CA.T.2020.02	CFPT2010	FPT	52.000	1:1	1.000.000	0	06 tháng	30/03/2021	Đã đáo hạn
17	Chứng quyền.MBB.VND.M.CA.T.2020.02	CMBB2008	MBB	17.390,43	0,8695:1	3.000.000	0	06 tháng	30/03/2021	Đã đáo hạn
18	Chứng quyền.MSN.VND.M.CA.T.2020.01	CMSN2010	MSN	55.000	2:1	1.500.000	0	06 tháng	30/03/2021	Đã đáo hạn
19	Chứng quyền.VPB.VND.M.CA.T.2020.01	CVPB2010	VPB	24.000	1:1	2.000.000	0	06 tháng	30/03/2021	Đã đáo hạn
20	Chứng quyền.VNM.VND.M.CA.T.2020.01	CVNM2012	VNM	110.000	2:1	1.000.000	0	06 tháng	30/03/2021	Đã đáo hạn
21	Chứng quyền.STB.VND.M.CA.T.2020.01	CSTB2011	STB	14.500	1:1	5.000.000	0	06 tháng	30/03/2021	Đã đáo hạn
22	Chứng quyền.HPG.	CHPG2020	HPG	19.115,76	0,7352:1	1.000.000	0	09 tháng	30/06/2021	Đã đáo hạn

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

	VND.M.CA. T.2020.02									
23	Chứng quyền.MWG VND.M.CA. T.2020.02	CMWG2013	MWG	94.671,59	1,9723:1	1.000.000	0	09 tháng	30/06/20 21	Đã đáo hạn
24	Chứng quyền.HPG. VND.M.CA. T.2020.03	CHPG2103	HPG	30.879,28	1,4704:1	4.000.000	0	06 tháng	06/07/20 21	Đã đáo hạn
25	Chứng quyền.MBB. VND.M.CA. T.2020.03	CMBB2101	MBB	26.000	2:1	4.000.000	0	06 tháng	06/07/20 21	Đã đáo hạn
26	Chứng quyền.MWG VND.M.CA. T.2020.03	CMWG2101	MWG	117.000	10:1	5.000.000	0	06 tháng	06/07/20 21	Đã đáo hạn
27	Chứng quyền.PNJ. VND.M.CA. T.2020.02	CPNJ2101	PNJ	77.253,59	9,9043:1	5.000.000	0	06 tháng	06/07/20 21	Đã đáo hạn
28	Chứng quyền.REE. VND.M.CA. T.2020.04	CREE2101	REE	48.000	4:1	4.000.000	0	06 tháng	06/07/20 21	Đã đáo hạn
29	Chứng quyền.TCB. VND.M.CA. T.2020.02	CTCB2102	TCB	36.000	2:1	5.000.000	0	06 tháng	06/07/20 21	Đã đáo hạn
30	Chứng quyền.VHM. VND.M.CA. T.2020.01	CVHM2102	VHM	87.000	10:1	5.000.000	0	06 tháng	06/07/20 21	Đã đáo hạn
31	Chứng quyền.VNM. VND.M.CA. T.2020.02	CVNM2102	VNM	107.654,01	9,7867:1	4.000.000	0	06 tháng	06/07/20 21	Đã đáo hạn
32	Chứng quyền.VPB. VND.M.CA. T.2020.02	CVPB2101	VPB	37.000	2:1	3.000.000	0	06 tháng	06/07/20 21	Đã đáo hạn
33	Chứng quyền.VRE. VND.M.CA. T.2020.01	CVRE2102	VRE	30.000	4:1	5.000.000	0	06 tháng	06/07/20 21	Đã đáo hạn
34	Chứng quyền.FPT. VND.M.CA. T.2021.2	CFPT2107	FPT	98.000	12:1	6.000.000	0	04 tháng	26/01/20 22	Đã đáo hạn
35	Chứng quyền.HPG. VND.M.CA. T.2021.2	CHPG2115	HPG	56.000	5:1	7.000.000	0	04 tháng	26/01/20 22	Đã đáo hạn
36	Chứng quyền.MBB. VND.M.CA. T.2021.2	CMBB2106	MBB	34.000	4:1	3.000.000	0	04 tháng	26/01/20 22	Đã đáo hạn

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

37	Chứng quyền.MSN. VND.M.CA. T.2021.2	CMSN2109	MSN	150.000	12:1	4.000.000	0	4,3 tháng	10/02/20 22	Đã đáo hạn
38	Chứng quyền.MWG VND.M.CA. T.2021.2	CMWG2110	MWG	131.000	12:1	3.000.000	0	04 tháng	26/01/20 22	Đã đáo hạn
39	Chứng quyền.PNJ. VND.M.CA. T.2021.2	CPNJ2108	PNJ	97.000	14:1	2.000.000	0	4,3 tháng	10/02/20 22	Đã đáo hạn
40	Chứng quyền.STB. VND.M.CA. T.2021.2	CSTB2111	STB	30.000	3:1	3.000.000	0	4,3 tháng	10/02/20 22	Đã đáo hạn
41	Chứng quyền.TCB. VND.M.CA. T.2021.2	CTCB2110	TCB	54.000	7:1	4.000.000	0	4,3 tháng	10/02/20 22	Đã đáo hạn
42	Chứng quyền.VHM. VND.M.CA. T.2021.2	CVHM2112	VHM	84.000	10:1	6.000.000	0	4,3 tháng	10/02/20 22	Đã đáo hạn
43	Chứng quyền.VPB. VND.M.CA. T.2021.2	CVPB2109	VPB	41.111	3,8889:1	3.000.000	0	04 tháng	26/01/20 22	Đã đáo hạn
44	Chứng quyền.VRE. VND.M.CA. T.2021.2	CVRE2111	VRE	32.000	4:1	3.000.000	0	04 tháng	26/01/20 22	Đã đáo hạn
45	Chứng quyền.FPT. VND.M.CA. T.2022.1	CFPT2203	FPT	78.418	3,3018:1	7.500.000	0	5 tháng	01/08/20 22	Đã đáo hạn
46	Chứng quyền.KDH. VND.M.CA. T.2022.1	CKDH2203	KDH	51.792	1,8172:1	7.000.000	0	4,5 tháng	18/07/20 22	Đã đáo hạn
47	Chứng quyền.MWG VND.M.CA. T.2022.1	CMWG2202	MWG	72.080	2,9826:1	4.000.000	0	5 tháng	01/08/20 22	Đã đáo hạn
48	Chứng quyền.TCB. VND.M.CA. T.2022.1	CTCB2203	TCB	52.000	2:1	6.000.000	0	5 tháng	01/08/20 22	Đã đáo hạn
49	Chứng quyền.TPB. VND.M.CA. T.2022.1	CTPB2202	TPB	42.000	2:1	3.500.000	0	4,5 tháng	18/07/20 22	Đã đáo hạn
50	Chứng quyền.VHM. VND.M.CA. T.2022.1	CVHM2204	VHM	79.674	3,8865:1	8.000.000	0	5 tháng	01/08/20 22	Đã đáo hạn

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN VNDIRECT

51	Chứng quyền.VPB. VND.M.CA. T.2022.1	CVPB2202	VPB	39.000	2:1	8.500.000	0	4,5 tháng	18/07/20 22	Đã đáo hạn
52	Chứng quyền.STB. VND.M.CA. T.2022.1	CSTB2204	STB	35.000	1,5:1	6.000.000	0	4,5 tháng	18/07/20 22	Hủy phát hành
53	Chứng quyền.HPG. VND.M.CA. T.2022.1	CHPG2205	HPG	50.000	2,5:1	9.000.000	0	5 tháng	01/08/20 22	Hủy phát hành
54	Chứng quyền.MBB. VND.M.CA. T.2022.1	CMBB2202	MBB	35.000	1,5:1	8.500.000	0	4,5 tháng	18/07/20 22	Hủy phát hành
55	Chứng quyền.HPG. VND.M.CA. T.2022.2	CHPG2213	HPG	26.476	2,2694:1	9.000.000	0	5 tháng	31/10/20 22	Đã đáo hạn
56	Chứng quyền.MBB. VND.M.CA. T.2022.2	CMBB2205	MBB	26.667	1,6667:1	8.000.000	0	5 tháng	31/10/20 22	Đã đáo hạn
57	Chứng quyền.STB. VND.M.CA. T.2022.2	CSTB2212	STB	26.000	2:1	4.000.000	0	5 tháng	31/10/20 22	Đã đáo hạn
58	Chứng quyền.FPT. VND.M.CA. T.2022.3	CFPT2206	FPT	90.943	4,9425:1	3.000.000	0	4,5 tháng	12/12/20 22	Đã đáo hạn
59	Chứng quyền.FPT. VND.M.CA. T.2022.4	CFPT2207	FPT	74.138	5,9310:1	4.000.000	0	4,5 tháng	12/12/20 22	Đã đáo hạn
60	Chứng quyền.HPG. VND.M.CA. T.2022.3	CHPG2217	HPG	25.000	2:1	3.000.000	0	5 tháng	26/12/20 22	Đã đáo hạn
61	Chứng quyền.HPG. VND.M.CA. T.2022.4	CHPG2216	HPG	19.000	3:1	4.000.000	0	5 tháng	26/12/20 22	Đã đáo hạn
62	Chứng quyền.KDH. VND.M.CA. T.2022.3	CKDH2210	KDH	39.000	4:1	3.000.000	0	5 tháng	26/12/20 22	Đã đáo hạn
63	Chứng quyền.MBB. VND.M.CA. T.2022.3	CMBB2208	MBB	27.000	2:1	4.000.000	0	5 tháng	26/12/20 22	Đã đáo hạn
64	Chứng quyền.MWG VND.M.CA T.2022.3	CMWG2208	MWG	63.000	8:1	4.000.000	0	5 tháng	26/12/20 22	Đã đáo hạn
65	Chứng quyền.ACB. VND.M.CA. T.2022.3	CACB2205	ACB	24.000	2:1	4.000.000	0	4,5 tháng	12/12/20 22	Đã đáo hạn

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

66	Chứng quyền.TCB. VND.M.CA. T.2022.3	CTCB2208	TCB	40.000	2:1	3.000.000	0	5 tháng	26/12/2022	Đã đáo hạn
67	Chứng quyền.TCB. VND.M.CA. T.2022.4	CTCB2209	TCB	34.000	3:1	4.000.000	0	5 tháng	26/12/2022	Đã đáo hạn
68	Chứng quyền.TPB. VND.M.CA. T.2022.3	CTPB2205	TPB	28.000	2:1	4.000.000	0	4,5 tháng	12/12/2022	Đã đáo hạn
69	Chứng quyền.VHM. VND.M.CA. T.2022.3	CVHM2212	VHM	65.000	5:1	4.000.000	0	4,5 tháng	12/12/2022	Đã đáo hạn
70	Chứng quyền.VPB. VND.M.CA. T.2022.3	CVPB2208	VPB	18.650	1,9982:1	4.000.000	0	4,5 tháng	12/12/2022	Đã đáo hạn
71	Chứng quyền.FPT. VND.M.CA. T.2023.1	CFPT2304	FPT	72.000	10:1	10.000.000	0	5 tháng	18/12/2023	Đã đáo hạn
72	Chứng quyền.FPT. VND.M.CA. T.2023.2	CFPT2305	FPT	68.000	10:1	2.000.000	0	9 tháng	17/04/2024	Đã đáo hạn
73	Chứng quyền.HPG. VND.M.CA. T.2023.1	CHPG2320	HPG	27.000	2:1	7.000.000	0	5 tháng	18/12/2023	Đã đáo hạn
74	Chứng quyền.HPG. VND.M.CA. T.2023.2	CHPG2321	HPG	24.500	3:1	10.000.000	0	9 tháng	17/04/2024	Đã đáo hạn
75	Chứng quyền.HPG. VND.M.CA. T.2023.3	CHPG2322	HPG	30.000	2:1	8.000.000	0	12 tháng	17/07/2024	Đã đáo hạn
76	Chứng quyền.POW. VND.M.CA. T.2023.1	CPOW2307	POW	13.500	2:1	5.000.000	0	5 tháng	18/12/2023	Đã đáo hạn
77	Chứng quyền.POW. VND.M.CA. T.2023.2	CPOW2308	POW	12.000	5:1	10.000.000	0	9 tháng	17/04/2024	Đã đáo hạn
78	Chứng quyền.POW. VND.M.CA. T.2023.3	CPOW2309	POW	14.500	2:1	5.000.000	0	10 tháng	17/05/2024	Đã đáo hạn
79	Chứng quyền.STB. VND.M.CA. T.2023.1	CSTB2317	STB	30.000	3:1	7.000.000	0	5 tháng	18/12/2023	Đã đáo hạn
80	Chứng quyền.STB. VND.M.CA. T.2023.2	CSTB2318	STB	32.000	4:1	6.000.000	0	10 tháng	17/05/2024	Đã đáo hạn

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

81	Chứng quyền.STB. VND.M.CA. T.2023.3	CSTB2319	STB	27.000	9:1	10.000.000	0	9 tháng	17/04/2024	Đã đáo hạn
82	Chứng quyền.VPB. VND.M.CA. T.2023.1	CVPB2305	VPB	18.000	3:1	10.000.000	0	9 tháng	17/04/2024	Đã đáo hạn
83	Chứng quyền.VPB. VND.M.CA. T.2023.2	CVPB2306	VPB	20.000	2:1	5.000.000	0	5 tháng	18/12/2023	Đã đáo hạn
84	Chứng quyền.ACB. VND.M.CA. T.2023.1	CACB2306	ACB	22.000	3:1	10.000.000	0	8 tháng	22/07/2024	Đã đáo hạn
85	Chứng quyền.ACB. VND.M.CA. T.2023.2	CACB2307	ACB	25.000	6:1	6.000.000	0	9 tháng	21/08/2024	Đã đáo hạn
86	Chứng quyền.FPT. VND.M.CA. T.2023.3	CFPT2316	FPT	82.000	10:1	10.000.000	0	8 tháng	22/07/2024	Đã đáo hạn
87	Chứng quyền.FPT. VND.M.CA. T.2023.4	CFPT2317	FPT	101.000	12,9522:1	5.000.000	0	12 tháng	21/11/2024	Đã đáo hạn
88	Chứng quyền.HPG. VND.M.CA. T.2023.4	CHPG2341	HPG	30.000	2:1	10.000.000	0	8 tháng	22/07/2024	Đã đáo hạn
89	Chứng quyền.HPG. VND.M.CA. T.2023.5	CHPG2342	HPG	24.000	9,0895:1	8.000.000	0	12 tháng	21/11/2024	Đã đáo hạn
90	Chứng quyền.MBB. VND.M.CA. T.2023.1	CMBB2317	MBB	20.000	5:1	10.000.000	0	9 tháng	21/08/2024	Đã đáo hạn
91	Chứng quyền.MBB. VND.M.CA. T.2023.2	CMBB2318	MBB	18.000	4:1	5.000.000	0	10 tháng	23/09/2024	Đã đáo hạn
92	Chứng quyền.MWG. VND.M.CA. T.2023.1	CMWG2318	MWG	42.000	6:1	5.000.000	0	8 tháng	22/07/2024	Đã đáo hạn
93	Chứng quyền.STB. VND.M.CA. T.2023.4	CSTB2336	STB	31.000	5:1	5.000.000	0	6 tháng	21/05/2024	Đã đáo hạn
94	Chứng quyền.STB. VND.M.CA. T.2023.5	CSTB2337	STB	27.000	7:1	10.000.000	0	12 tháng	21/11/2024	Đã đáo hạn
95	Chứng quyền.VIB. VND.M.CA. T.2023.1	CVIB2307	VIB	21.000	4:1	5.000.000	0	9 tháng	21/08/2024	Đã đáo hạn

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

96	Chứng quyền.VPB. VND.M.CA. T.2023.3	CVPB2321	VPB	18.000	7:1	10.000.000	0	9 tháng	21/08/2024	Đã đáo hạn
97	Chứng quyền.VPB. VND.M.CA. T.2023.4	CVPB2322	VPB	20.000	4:1	5.000.000	0	10 tháng	23/09/2024	Đã đáo hạn
98	Chứng quyền.VRE. VND.M.CA. T.2023.1	CVRE2322	VRE	24.000	3:1	5.000.000	0	8 tháng	22/07/2024	Đã đáo hạn

Tình hình thanh toán chứng quyền của Công ty: Công ty đã thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính là chứng quyền có bảo đảm từ năm 2019. Từ đó đến nay, công ty tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán khi chứng quyền đáo hạn, tất cả chứng quyền có lãi do Công ty phát hành đã được công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà đầu tư theo quy định của Cơ quan Nhà nước.

Công ty cam kết tiếp tục tuân thủ đầy đủ và đúng hạn nghĩa vụ thanh toán cho nhà đầu tư theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 202 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ đối với sản phẩm chứng quyền có bảo đảm, các sản phẩm tài chính khác (nếu có).

3. Tình hình tài chính

3.1. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn, không có khoản nợ nào quá hạn thanh toán trong thời gian qua.

3.2. Các khoản phải nộp theo luật định

Thực hiện theo chủ trương của HĐQT Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty không có khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước nào quá hạn.

3.3. Tổng dư nợ vay

Tình hình tổng dư nợ vay tại ngày 30/06/2025:

- **Tổng dư nợ vay:** 26.139 tỷ đồng.
- **Nợ quá hạn:** Công ty không có nợ quá hạn
- **Tổng dư nợ bảo lãnh:** Không có
- **Nợ quá hạn ngắn hạn/trung hạn/dài hạn:** Không có

Bảng 4: Chi tiết số dư các khoản vay của VNDIRECT

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	Tại ngày 30/06/2025
1	Vay và nợ ngắn hạn	20.468.484	22.436.245	26.139.220
	Vay ngân hàng	15.923.000	21.815.475	25.493.000
	Khác	4.545.484	620.770	646.220
2	Trái phiếu phát hành	800.000	400.000	
	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	400.000	400.000	
	Trái phiếu phát hành dài hạn	400.000	-	
	Tổng dư nợ vay	21.268.484	22.836.245	26.139.220

(Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC bán niên năm 2025 đã soát xét của Công ty)

3.4. Tình hình công nợ

Tình hình công nợ tại ngày 30/06/2025:

- Tổng số nợ phải thu và cho vay: 14.663 tỷ đồng. Cụ thể:

Bảng 5: Các khoản phải thu và cho vay tại ngày 30/06/2025

		Đơn vị: Triệu đồng
STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 30/06/2025
1	Các khoản cho vay	10.643.745
2	Các khoản phải thu	3.758.682
3	Trả trước cho người bán	3.593
4	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	236.417
5	Các khoản phải thu khác	62.668
Tổng các khoản phải thu và cho vay		14.705.105

- Tổng số nợ phải trả: 28.287 tỷ đồng.

(Nguồn: BCTC bán niên năm 2025 đã soát xét của Công ty)

3.5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 6: Các chỉ tiêu tài chính của VNDIRECT

Các chỉ tiêu	2023	2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về an toàn tài chính			
Giá trị vốn khả dụng (triệu đồng)	14.283.222	18.932.276	
Tổng Rủi ro (triệu đồng)	4.015.937	5.316.668	
Rủi ro thị trường (triệu đồng)	2.857.898	4.173.832	
Rủi ro thanh toán (triệu đồng)	718.451	759.784	
Rủi ro hoạt động (triệu đồng)	439.589	383.052	
Rủi ro tăng thêm (triệu đồng)	-	-	
Tỷ lệ vốn khả dụng (Giá trị vốn khả dụng/ Tổng Rủi ro) (%)	355,66	356,09	
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn (lần)	1,63	1,76	
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn (lần)	1,63	1,76	
3. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,60	0,55	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	1,53	1,25	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/Doanh thu thuần (%)	30,63	32,13	
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) (%)	13,05	9,49	
Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROAA) (%)	5,02	3,99	
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần (%)	37,70	39,11	
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	1,207	1,129	

(Nguồn: BCTC và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2023, 2024 đã kiểm toán của Công ty)

Năm 2024 Công ty tiếp tục đi theo định hướng thận trọng đảm bảo tỷ lệ tuân thủ cho các hoạt động kinh doanh, đồng thời với mục tiêu minh bạch thị trường và là nền tảng vững chắc cho sự phát triển thị trường tương lai, Công ty duy trì tỷ lệ vốn khả dụng ở mức cao đạt 356,09% tại ngày 31/12/2024.

VNDIRECT luôn đảm bảo khả năng thanh toán và chủ động đánh giá hoạt động kinh doanh định kỳ nhằm đưa ra các kịch bản thanh khoản với mục tiêu đảm bảo thanh khoản và tối ưu hiệu quả nguồn vốn tài sản cho Công ty. Xây dựng bộ đệm thanh khoản từ tài sản có tính thanh khoản cao cũng là một trong những chiến lược hoạt động của Công ty, do đó tài sản có tính thanh khoản cao luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu danh mục đầu tư.

Năm 2024 Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ tại ngày 31/12/2024 lên 15.222 tỷ đồng. Việc hoàn thành tăng vốn trong nửa sau của năm tài chính khiến tỷ suất lợi nhuận có sự sụt giảm so với năm 2023 cụ thể ROAE đạt 9,49% giảm 26,9% so với năm 2023, ROAA đạt 3,99% giảm 20,0 % so với 2023.

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền

Tên chứng quyền	: Chứng quyền.HPG.VND.M.CA.T.2025.1
Mã chứng khoán cơ sở	: HPG
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoà Phát
Loại chứng quyền	: Chứng quyền Mua
Kiểu thực hiện	: Kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền	: Thanh toán bằng tiền Việt Nam Đồng
Thời hạn	: 5 tháng
Ngày phát hành dự kiến	: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Ngày giao dịch cuối cùng	: 02 ngày làm việc trước ngày đáo hạn
Ngày đáo hạn	: 5 tháng kể từ ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi	: 2:1 (02 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)
Giá thực hiện	: Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	: Từ 5,0 tỷ đồng đến 12,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán
Giá chào bán	: 1.000 VNĐ - 2.500 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Tổng số lượng chào bán	: 10 triệu chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	: 10.000.000.000 - 25.000.000.000 VNĐ. Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Phương pháp tính giá chào bán	: Theo công thức Black-Scholes

Công thức Black Scholes

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X e^{-r_c T}}{k}$$

Với:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C: giá lý thuyết của chứng quyền mua;

N(d1), N(d2): xác suất phân phối chuẩn tích lũy;

X: giá thực hiện của chứng quyền;

S: giá chứng khoán cơ sở hiện tại;

T: thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm), là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/ 365;

r_c : lãi suất phi rủi ro (tính theo năm); Tổ chức phát hành sử dụng lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 15 năm tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội kỳ trúng thầu gần nhất;

σ : độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm); Tổ chức phát hành sử dụng độ biến động giá 500 ngày gần nhất tính đến ngày phát hành để dự báo mức biến động của giá chứng khoán cơ sở trong tương lai;

k: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền (số lượng chứng quyền cần thiết để quy đổi ra một đơn vị chứng khoán cơ sở).

Chi tiết các tham số áp dụng vào công thức:

Giá chứng khoán cơ sở (S)	Giá cổ phiếu HPG tại thời điểm định giá
Giá thực hiện (X)	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.
Lãi suất phi rủi ro (r_c)	2% - 10%
Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (do TCPH xác định) (σ)	5% - 100%
Thời gian còn lại đến ngày đáo hạn (T)	0,42 (năm)
Tỷ lệ chuyển đổi (k)	2:1 (02 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)

2. Thông tin về các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó

Đây là lần phát hành đầu tiên của mã chứng quyền có bảo đảm này.

3. Thông tin về chứng khoán cơ sở

3.1. Thông tin về chứng khoán cơ sở

Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoà Phát
Ngày niêm yết lần đầu	15/11/2007
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	174.233
Số lượng cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)	7.675.500.240
Chỉ số P/E (lần)	13,9
Chỉ số P/B (lần)	1,5
Tính thanh khoản	
- Khối lượng giao dịch bình quân 52 tuần gần nhất (cổ phiếu/ngày)	22.078.684
- Giá trị giao dịch bình quân 52 tuần gần nhất (đồng/ngày)	582.931.464.398
Tình hình biến động giá trong 52 tuần gần nhất:	
- Giá giao dịch cao nhất (đồng/cổ phiếu) (giá điều chỉnh)	24.582
- Giá giao dịch thấp nhất (đồng/cổ phiếu) (giá điều chỉnh)	17.749
Dao động bình quân giá chứng khoán cơ sở trong 6 tháng gần nhất	30,05%

(Các thông tin về chứng khoán cơ sở được tính toán tại ngày 30/06/2025. Nguồn: HSX)

Các sự kiện vi phạm pháp luật đối với tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong 01 năm gần nhất tính tới thời điểm hiện tại: Ngày 26/6/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 687/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giá đóng cửa điều chỉnh cuối tháng của chứng khoán cơ sở trong vòng 12 tháng gần nhất:

Tháng	Giá (đồng)
07/2024	22.666
08/2024	21.249
09/2024	21.957
10/2024	22.416
11/2024	22.291
12/2024	22.207
01/2025	22.124
02/2025	23.332
03/2025	22.291
04/2025	21.249
05/2025	21.457
06/2025	22.700

(Nguồn: HSX)

3.2. Thông tin về tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

- Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoà Phát
- Mã chứng khoán cơ sở: HPG
- Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất đồ điện dân dụng. Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng. Sản xuất sản phẩm từ plastic. Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác. Sản xuất kim loại màu và kim loại quý. Đúc kim loại màu. Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Trồng cây mía. Trồng cây có hạt chứa dầu. Trồng cây lấy quả chứa dầu. Trồng cây cao su. Trồng cây cà phê. Trồng cây lâu năm khác. Khai thác quặng sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất đường. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất bột giấy, giấy và bìa. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Bán mô tô, xe máy. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn đồ uống. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Hoạt động của các cơ sở thể thao. Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Hoạt động tư vấn quản lý. Quảng cáo. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

Bảng 7: Kết quả hoạt động kinh doanh của HPG

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm	Quý II/2025
Tổng giá trị tài sản (tỷ đồng)	187.782.587	224.489.708	19,55%	242.224.530
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	102.836.419	114.647.458	11,49%	122.359.504
Doanh thu (tỷ đồng)	120.355.232	140.561.387	16,79%	36.286.185
Thuế và các khoản phải nộp (tỷ đồng)	1.073.552	1.765.806	64,48%	1.381.630
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	7.792.729	13.693.502	75,72%	4.972.383
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	6.800.388	12.020.024	76,75%	4.264.524
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	6,61%	10,48%	58,55%	3,49%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và Quý II năm 2025 của HPG)

Bảng 8: Các chỉ số tài chính của HPG trong 02 năm gần nhất

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,16	1,20	

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,67	0,56
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,452	0,489
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,826	0,958
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (lần)	5,72%	8,66%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (lần)	6,61%	10,48%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (lần)	3,62%	5,35%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần (lần)	6,43%	9,55%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS) (VNĐ)	1.069	1.879

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 của HPG)

Tổ chức phát hành cam kết không phải người có liên quan của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở theo các quy định của pháp luật liên quan.

4. Thời gian phân phối chứng quyền

Dự kiến tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc sau khi người mua chứng quyền có bảo đảm tiếp cận Bản cáo bạch trong hồ sơ đăng ký chào bán và Công ty gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước văn bản xác nhận về tài sản bảo đảm thanh toán theo quy định, thời gian phân phối cụ thể sẽ được thông báo tại Thông báo phát hành của VNDIRECT.

5. Đăng ký mua chứng quyền

5.1. Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm

Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm, VNDIRECT sẽ công bố Giấy chứng nhận chào bán cùng Bản cáo bạch và Thông báo phát hành chứng quyền trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán và website của VNDIRECT theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5.2. Đăng ký mua, nộp cọc

Nhà đầu tư trực tiếp đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm tại trụ sở chính và chi nhánh VNDIRECT sau khi có chấp thuận về việc phát hành chứng quyền có bảo đảm của UBCK và theo các nội dung quy định tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT. VNDIRECT tiếp nhận đăng ký mua chứng quyền theo thời gian nêu trên bản Thông báo phát hành chứng quyền.

Hồ sơ đăng ký mua hợp lệ bao gồm:

- Giấy Đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm, CMND/CCCD/Hộ chiếu.
- Giấy Ủy quyền, CMND/CCCD/Hộ chiếu người được ủy quyền (trường hợp ủy quyền).
- Xác nhận nộp tiền.

Đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm hợp lệ cần đảm bảo các quy định sau:

- Số lượng chứng quyền đăng ký tối thiểu: 1.000 chứng quyền; khối lượng đặt mua là bội số của 100.

- Số lượng chứng quyền đăng ký tối đa: không vượt quá tổng số lượng chứng quyền có bảo đảm đăng ký chào bán.

- Tỷ lệ nộp tiền đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm: 100% giá trị đăng ký mua.

Giá trị đăng ký mua (Số tiền đặt mua) = Số lượng chứng quyền đăng ký * Giá chào bán.

(Giá chào bán được công bố trên bản Thông báo phát hành chứng quyền).

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền.

5.3. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền

Số tài khoản phong tỏa:

- Số tài khoản: 145001536784

- Mở tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Phố Hà Nội.

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền nêu trên. Tổ chức phát hành cam kết chỉ sử dụng tiền từ tài khoản phong tỏa nói trên sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản xác nhận kết quả phân phối chứng quyền có bảo đảm, hoặc UBCKNN đăng trên trang thông tin điện tử của mình về việc đã nhận đủ tài liệu báo cáo kết quả phát chứng quyền nói trên. VNDIRECT cam kết ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa không phải người có liên quan với VNDIRECT.

5.4. Các trường hợp được xem là đăng ký mua chứng quyền không hợp lệ

- Hồ sơ mua chứng quyền thiếu và/hoặc sai thông tin.

- Lệnh thanh toán mua chứng quyền khác với số tiền đăng ký mua trong giấy đăng ký chứng quyền.

- Thời gian ghi nhận lệnh thanh toán vào tài khoản phong tỏa sau thời hạn thanh toán quy định trong Thông báo phát hành.

- Lệnh thanh toán mua chứng quyền vào sai tài khoản phong tỏa.

- Lệnh thanh toán sai nội dung chuyển khoản.

- Nhà đầu tư thực hiện chuyển tiền nhưng không nộp đủ hồ sơ đăng ký mua chứng quyền.

5.5. Nguyên tắc giá phân phối chứng quyền

Giá phân phối chứng quyền sẽ là một mức giá duy nhất được VNDIRECT thông báo tại Thông báo phát hành chứng quyền sau khi VNDIRECT được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền.

5.6. Nguyên tắc số lượng phân phối chứng quyền

Số lượng chứng quyền có bảo đảm phân bổ cho từng nhà đầu tư sẽ được làm tròn xuống đến hàng trăm (100 chứng quyền có bảo đảm), phần lẻ đơn vị sẽ bị hủy bỏ, đồng thời tổng số lượng chứng quyền có bảo đảm phân phối cho tất cả các nhà đầu tư không vượt quá tổng số lượng chứng quyền có bảo đảm chào bán.

Trường hợp số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản chỉ dẫn khác số tiền ghi trên Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm, số lượng chứng quyền được phân phối dựa trên giá trị nhỏ hơn giữa số tiền thanh toán và giá trị đăng ký mua chứng quyền.

5.7. Nguyên tắc phân phối chứng quyền: Cách thức xử lý khi số lượng chứng quyền đăng ký mua hợp lệ của nhà đầu tư vượt quá số lượng chứng quyền VNDIRECT đăng ký chào bán

Trường hợp số lượng chứng quyền đăng ký mua hợp lệ của nhà đầu tư vượt quá số lượng chứng quyền VNDIRECT đăng ký chào bán, kết quả phân phối được xác định theo nguyên tắc ưu tiên theo thứ tự thời gian, cụ thể là đơn đăng ký mua nào được ghi nhận trước sẽ được ưu tiên phân bổ trước.

Trường hợp các nhà đầu tư cuối cùng có cùng thời gian đăng ký thì được phân bổ theo nguyên tắc tỷ lệ đăng ký mua của các nhà đầu tư, cụ thể như sau:

- Số lượng chứng quyền có bảo đảm của từng nhà đầu tư được mua = Tổng số chứng quyền có bảo đảm chào bán còn lại sau khi phân bổ theo nguyên tắc ưu tiên thứ tự thời gian $\times$ (Số chứng quyền có bảo đảm của từng nhà đầu tư đăng ký mua / Tổng số chứng quyền có bảo đảm của các nhà đầu tư cuối cùng đăng ký mua).

- Trường hợp số lượng chứng quyền phân bổ cho nhà đầu tư cuối cùng ít hơn số lượng chứng quyền đặt mua tối thiểu (1.000 chứng quyền) khi tính theo công thức phân bổ nêu trên, nhà đầu tư đó sẽ được phân bổ toàn bộ số lượng chứng quyền theo số lượng được tính ở công thức này, số lượng được làm tròn đến hàng trăm (100 chứng quyền).

Trường hợp sau khi phân bổ theo nguyên tắc nêu trên cho tất cả các nhà đầu tư, vẫn phát sinh số chứng quyền còn dư, số chứng quyền này sẽ được phân bổ vào tài khoản tự doanh VNDIRECT.

5.8. Nguyên tắc phân phối chứng quyền: Cách thức xử lý khi chứng quyền có bảo đảm chưa được phân phối hết

Trong trường hợp tổng số lượng chứng quyền có bảo đảm do các nhà đầu tư đăng ký mua thấp hơn số lượng chứng quyền có bảo đảm chào bán, VNDIRECT dự kiến phân bổ số chứng quyền có bảo đảm chưa phân phối hết vào tài khoản tự doanh của VNDIRECT và tiếp tục phân phối thông qua hoạt động tạo lập thị trường sau khi chứng quyền có bảo đảm được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.

5.9. Xác nhận kết quả phân phối chứng quyền

Trong vòng 01 (một) ngày làm việc sau ngày kết thúc đăng ký mua chứng quyền, VNDIRECT thông báo kết quả phân phối dự kiến đến nhà đầu tư qua Email/SMS. Kết quả phân phối chứng quyền chính thức được gửi sau khi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam phân bổ trực tiếp vào tài khoản chứng khoán của Nhà đầu tư đã đăng ký tại Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm.

5.10. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua chứng quyền

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc sau ngày kết thúc đăng ký mua chứng quyền, các trường hợp đăng ký mua không hợp lệ nêu trên sẽ được hoàn trả tiền về tài khoản của Nhà đầu tư theo tài khoản trong Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm.

Trường hợp nhà đầu tư được phân bổ lượng chứng quyền có giá trị thấp hơn giá trị nhà đầu tư đã đặt mua, VNDIRECT sẽ trả lại phần tiền chênh lệch vào tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày VNDIRECT thông báo kết quả đợt phân phối chứng quyền tới nhà đầu tư.

5.11. Đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm

Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc sau khi hoàn thành phân phối, VNDIRECT thực hiện báo cáo Ủy ban chứng khoán về kết quả phân phối và công bố thông tin về kết quả phân phối chứng quyền có bảo đảm. Đồng thời, VNDIRECT nộp hồ sơ đăng ký lưu ký chứng quyền tại Tổng Công ty Lưu ký và

Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và hồ sơ đăng ký niêm yết chứng quyền tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo đúng thời gian quy định để nhà đầu tư có thể giao dịch trên sàn niêm yết trong thời gian sớm nhất.

6. Thực hiện chứng quyền

6.1. Trường hợp thanh toán bằng tiền cho chứng quyền đáo hạn

Quy trình thanh toán bằng tiền: áp dụng theo quy định của SGDCK, VSDC và quy định của Công ty như sau (*Với giá định ngày T là ngày đăng ký cuối cùng đồng thời là ngày đáo hạn và T được tính theo ngày làm việc*):

- Ngày T-7: VSDC lập và gửi cho SGDCK và các Thành viên lưu ký Thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.
- *Chậm nhất 14h ngày T:* ngày đăng ký cuối cùng (cùng là ngày đáo hạn của chứng quyền). TCPH gửi thông báo về giá thanh toán chứng quyền cho VSDC (trên cơ sở là giá thanh toán do HOSE công bố), trên cơ sở đó quy định việc chứng quyền có được thực hiện để thanh toán chứng quyền hay không. Chỉ có những chứng quyền có lãi mới được thực hiện thanh toán.
- *Chậm nhất 9h sáng ngày T+1:* VSDC lập và chuyển Danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký cho Thành viên lưu ký dưới dạng chứng từ điện tử.
- *Chậm nhất 11h sáng ngày T+1:* Thành viên lưu ký có trách nhiệm đối chiếu thông tin người sở hữu chứng khoán trong Danh sách do VSDC cung cấp với thông tin do Thành viên lưu ký đang quản lý và gửi cho VSDC Thông báo xác nhận dưới dạng chứng từ điện tử để xác nhận các thông tin trong Danh sách. Trường hợp xác nhận có sai sót hoặc sai lệch số liệu, Thành viên lưu ký phải gửi thêm cho VSDC văn bản trong đó nêu rõ các thông tin sai sót hoặc sai lệch để phối hợp với VSDC điều chỉnh. Ngay sau khi điều chỉnh, VSDC sẽ cung cấp lại Danh sách đã hiệu chỉnh dưới dạng chứng từ điện tử cho Thành viên lưu ký.
- Ngày T+2: VSDC gửi TCPH Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền.
- Ngày T+3: VNDIRECT gửi Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền cho VSDC. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong Danh sách, TCPH phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do.
- Trong ngày T+3: VNDIRECT chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền có bảo đảm lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của VSDC.
- Ngày T+4: Tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký được VSDC phân bổ vào tài khoản của Thành viên lưu ký liên quan.
- Ngày T+5: Ngày thanh toán tiền. Thành viên lưu ký chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho khách hàng sở hữu chứng quyền lưu ký trong ngày thanh toán.

Trường hợp chứng quyền không có lãi với giá thanh toán thấp hơn hoặc bằng giá thực hiện, TCPH sẽ không phải thanh toán cho người sở hữu chứng quyền. Trong vòng 01 (một) ngày làm việc (T+1) sau ngày nhận được văn bản của TCPH, VSDC gửi thông báo cho SGDCK và các Thành viên lưu ký về việc hủy đợt chốt danh sách thực hiện chứng quyền.

Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền mua

Là số tiền thanh toán khi giá thanh toán lớn hơn giá thực hiện, được tính theo công thức [(Giá thanh toán – Giá thực hiện) / Tỷ lệ chuyển đổi]. Số tiền thanh toán ròng là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).

Giá thanh toán chứng quyền là trung bình giá đóng cửa trong 05 ngày giao dịch cuối cùng của chứng khoán cơ sở trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

Trong trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lỗi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

6.2. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán

Trường hợp VNDIRECT bị mất khả năng thanh toán thì các nguồn sau sẽ được sử dụng để thanh toán các nghĩa vụ của VNDIRECT đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm: Tài sản phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm có trên tài khoản tự doanh; Tài sản bảo đảm thanh toán đã được VNDIRECT ký quỹ tại ngân hàng lưu ký cho các đợt phát hành chứng quyền có bảo đảm; Bảo lãnh thanh toán cho chứng quyền có bảo đảm (nếu có). Trường hợp các nguồn trên không đủ để thanh toán, quyền lợi của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm sẽ được theo quy định pháp luật liên quan đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

Trường hợp VNDIRECT bị hợp nhất, sáp nhập thì sẽ áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp về hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp.

Trường hợp VNDIRECT bị giải thể, phá sản thì sẽ áp dụng theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản doanh nghiệp.

7. Quyền của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm

Quyền của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm mua: Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.

Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết theo quy định pháp luật.

Quyền chuyển nhượng, cho tặng, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp trong các quan hệ dân sự kinh tế theo quy định pháp luật.

Quyền được ưu tiên thanh toán khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán thì các nguồn sau sẽ được sử dụng để thanh toán các nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm: Tài sản phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm có trên tài khoản tự doanh; Tài sản bảo đảm thanh toán đã được tổ chức phát hành ký quỹ tại ngân hàng lưu ký cho các đợt phát hành chứng quyền có bảo đảm. Trường hợp các nguồn trên không đủ để thanh toán, quyền lợi của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số; hoặc do Sở Giao dịch Chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.

Trong vòng 24 giờ kể từ ngày có quyết định hủy niêm yết chứng quyền, VNDIRECT công bố cách thức xác định giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực, bao gồm căn cứ xác định các thông số tính toán giá thanh toán.

Giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực trong trường hợp hủy niêm yết theo quy định tại điểm a, b, e Khoản 1 và Khoản 3 Điều 9 Thông tư

107/2016/TT-BTC được xác định theo công thức định giá Black-Scholes nêu tại mục 1 phần VI của Bản cáo bạch này với các tham số được quy định như sau:

Tham số	Cơ sở tính toán
Giá giao ngay	Bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày có quyết định hủy niêm yết chứng quyền, không bao gồm ngày có quyết định hủy niêm yết chứng quyền.
Độ biến động của chứng khoán cơ sở	Độ lệch chuẩn của lợi suất ngày trong 500 ngày giao dịch gần nhất.
Lãi suất phi rủi ro	Lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 15 năm tại thời điểm hủy niêm yết dựa trên kết quả đấu thầu đợt đấu thầu gần nhất tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (nguồn: https://hnx.vn/tra-phieu/ket-qua-dau-thau.html).
Thời gian đến ngày đáo hạn	Thời gian đến ngày đáo hạn là số ngày từ ngày có quyết định hủy niêm yết chứng quyền đến ngày đáo hạn.

Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

8. Điều chỉnh chứng quyền

Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong các trường hợp sau: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới...

Cách thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở có sự kiện doanh nghiệp như sau:

- Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.
- Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Giá thực hiện mới sau điều chỉnh được làm tròn đến hàng đơn vị, tỷ lệ chuyển đổi mới sau điều chỉnh được làm tròn đến 4 chữ số thập phân sau dấu phẩy.

Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của Sở Giao dịch Chứng khoán, tổ chức phát hành sẽ thực hiện điều chỉnh.

9. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền

Phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh căn cứ theo quy định tại phụ lục hướng dẫn giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán tại biểu giá ban hành kèm Thông tư 83/2024/TT-BTC ban hành ngày 26/11/2024 Hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do nhà nước định giá áp dụng

tại Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam; và Quyết định số 1541/QĐ-BTC ban hành ngày 29/04/2025 Quyết định Ban hành mức giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Thuế phát sinh căn cứ theo Công văn số 1468/BTC-CST của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm ngày 05/02/2018.

9.1. Về thuế thu nhập doanh nghiệp (đối với nhà đầu tư tổ chức)

9.1.1 Đối với doanh nghiệp trong nước:

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 7 và Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN, trường hợp trong kỳ tính thuế doanh nghiệp (bao gồm công ty chứng khoán phát hành chứng quyền và nhà đầu tư là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam) có thu nhập từ chứng quyền có bảo đảm (thu nhập từ hoạt động đầu tư kinh doanh, chào bán và thanh toán chứng quyền, hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro của chứng quyền có bảo đảm) thì khoản thu nhập này doanh nghiệp phải kê khai, nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% theo quy định.

Khoản chênh lệch tăng/giảm do đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm và tài sản cơ sở cuối năm tài chính, doanh nghiệp không tính vào thu nhập/chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

9.1.2. Đối với tổ chức nước ngoài sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp (nhà thầu nước ngoài)

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam thì nhà thầu nước ngoài có thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm áp dụng tỷ lệ thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Trong đó, cách tính giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần áp dụng tương tự như cách tính thuế thu nhập cá nhân tại điểm 8.2 chương VI bản cáo bạch.

9.2. Về thuế thu nhập cá nhân (đối với nhà đầu tư cá nhân)

Thuế thu nhập cá nhân nhà đầu tư cần chi trả có sự khác biệt đáng kể khi lựa chọn chuyển nhượng chứng quyền trước khi đáo hạn hoặc giữ chứng quyền tới khi đáo hạn để thực hiện quyền. Nội dung chi tiết như bên dưới:

9.2.1. Trường hợp trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền

Do chứng quyền có bảo đảm được giao dịch tương tự như chứng khoán cơ sở nên khi chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền sẽ áp dụng thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán, được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%. Trong đó giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần là giá khớp lệnh chứng quyền trên Sở giao dịch chứng khoán nhân (x) Số lượng chứng quyền.

Ví dụ 1: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua có tài sản cơ sở là cổ phiếu của Công ty cổ phần sữa Việt Nam (VNM) với giá 1.400 đồng/chứng quyền, tỷ lệ chuyển đổi là 10:1, giá thực hiện là 150.000 đồng.

Nếu nhà đầu tư bán chứng quyền mua tại mức giá 2.000 đồng/chứng quyền thì số thuế phải nộp là $2.000 \times 100 \times 0,1\% = 200$ đồng.

9.2.2. Trường hợp trước ngày đáo hạn, chứng quyền bị hủy niêm yết

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

Theo quy định tại điểm a, b, c Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm thì giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm là:

- Giá mua lại theo mức giá thị trường của tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường nhân (x) số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc;
- Giá thanh toán chứng quyền do tổ chức phát hành công bố nhân (x) số lượng chứng quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực).

Giá thanh toán của chứng quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 107/2016/TT-BTC.

Ví dụ 2: Tương ứng các giả thiết tại Ví dụ 1 nêu trên. Nếu chứng quyền bị hủy niêm yết và tổ chức phát hành công bố giá thanh toán chứng quyền là 2.000 đồng/chứng quyền thì số thuế phải nộp là $2.000 \times 100 \times 0,1\% = 200$ đồng.

9.2.3. Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền

Do hiện hành mới quy định thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền nên thời điểm phát sinh thu nhập là thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền. Tại thời điểm thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền, thu nhập của nhà đầu tư áp dụng mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần. Trong đó, giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần bằng giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) (Số lượng chứng quyền chia (:) cho Tỷ lệ chuyển đổi).

Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở giao dịch chứng khoán công bố theo quy định tại điều 14 Thông tư số 107/2016/TT-BTC.

Ví dụ 3: Tương ứng các giả thiết tại Ví dụ 1 nêu trên, giá thanh toán của tài sản cơ sở (VNM) do Sở giao dịch chứng khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 155.000 đồng/cổ phiếu.

Số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền là $155.000 \times (100: 10) \times 0,1\% = 1.550$ đồng.

10. Hoạt động tạo lập thị trường

Nhằm đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền đang lưu hành, tổ chức phát hành có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:

10.1. Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Tổ chức phát hành phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền;
- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất)/giá chào mua cao nhất.
- Tổ chức phát hành khi tham gia đặt lệnh sẽ phải tuân thủ:
- Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền.

- Loại lệnh sử dụng là lệnh giới hạn
- Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch giá ở trên.
- Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán).
- Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.

10.2. Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Trong các trường hợp sau, tổ chức phát hành không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa. năm (05) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;
- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại bản cáo bạch của tổ chức phát hành nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng;
- Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng khối lượng tối thiểu của lệnh, tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp tổ chức phát hành chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán hoặc Giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền bán;
- Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền bán;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với giá thực hiện hoặc chứng quyền bán đang có giá chứng khoán cơ sở thấp hơn 30% so với giá thực hiện), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán. Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...
- Các trường hợp khác được Sở Giao dịch Chứng khoán áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

Hoạt động quản trị rủi ro chứng quyền có bảo đảm là một phần của Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT.

1.1. Mục tiêu

Quy trình quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh chứng quyền có bảo đảm của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT được xây dựng nhằm:

- Nhận diện được các rủi ro tiềm năng có thể xảy ra đối với hoạt động kinh doanh chứng quyền của tổ chức phát hành.

- Xử lý một cách nhanh chóng và hiệu quả đối với các vấn đề liên quan đến các rủi ro đã được nhận diện;

- Đảm bảo tính thống nhất giữa các bộ phận có liên quan trong quá trình quản trị rủi ro, đảm bảo hạn chế ở mức thấp nhất các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.

1.2. Nguyên tắc quản trị rủi ro

- Đảm bảo có khả năng xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu, đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ tại mọi thời điểm.

- Đảm bảo công tác quản trị rủi ro được thực hiện độc lập, khách quan, trung thực, thống nhất.

- Hệ thống quản trị rủi ro chứng quyền có bảo đảm được vận hành dựa trên các quy trình, quy chế nội bộ bằng văn bản.

- Tuân thủ quy định pháp luật và quy định của UBCKNN, HOSE.

- Đảm bảo bố trí nhân sự thực hiện công tác quản trị rủi ro chứng quyền có bảo đảm đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn chuyên môn theo quy định pháp luật hiện hành.

1.3. Quy trình quản trị rủi ro

Quy trình quản trị rủi ro chứng quyền là một chuỗi các bước được thực hiện liên tục nhằm hạn chế thấp nhất các rủi ro xảy ra đối với tổ chức phát hành. Để quản trị rủi ro hiệu quả, Công ty thực hiện các bước sau:



Bước 1: Xác định và nhận diện rủi ro đối với chứng quyền

a) Các rủi ro thường gặp đối với hoạt động kinh doanh chứng quyền có bảo đảm:

- *Rủi ro thanh toán*: Đây là loại rủi ro khi tổ chức phát hành không thể thực hiện được các nghĩa vụ đã cam kết đối với nhà đầu tư, chẳng hạn như tổ chức phát hành chứng quyền bị mất khả năng thanh toán khi nhà đầu tư thực hiện quyền.

- *Rủi ro thị trường*: Là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm và Chứng Khoán Cơ Sở. Rủi ro thị trường bao gồm cả những biến động điều tiết của thị trường và những hoạt động mang tính đầu cơ, làm giá Chứng Khoán Cơ Sở của tổ chức hoặc cá nhân nhằm trục lợi qua sản phẩm chứng quyền.

- *Rủi ro pháp lý*: Rủi ro khi Tổ Chức Phát Hành Chứng Quyền vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định và quy tắc của pháp luật hiện hành, dẫn đến bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ, đăng ký kinh doanh.

- *Rủi ro hoạt động*: Rủi ro do các lý do công nghệ (ví dụ hacker đánh sập hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống giao dịch bị lỗi phần mềm tính toán để thực hiện giao dịch hedging dẫn tới mua/bán chứng khoán cơ sở hoặc chứng quyền nhiều hơn trạng thái trung hòa rủi ro), nhân viên (lừa đảo, sai sót do cố tình hoặc vô tình), tài sản vốn, các lý do bên ngoài (thiên tai, chiến tranh...).

- *Rủi ro thanh khoản*: Rủi ro khi Công ty không thể thực hiện được hoặc thực hiện với chi phí cao hơn cho giao dịch mua/bán để đạt được trạng thái trung hòa rủi ro do cổ phiếu không có hoặc có thanh khoản thấp.

- *Rủi ro khác*: theo nhận diện trong từng thời kỳ, ứng với đặc thù hoạt động của VNDIRECT.

b) Bộ phận Sản phẩm phái sinh và bộ phận Vận hành tự doanh có chức năng rà soát các hoạt động, quy trình vận hành để xác định các rủi ro và báo cáo cho Bộ phận Quản trị rủi ro các rủi ro mới nhận diện/phát sinh và đề xuất bổ sung loại rủi ro (nếu có).

c) Bộ phận Quản trị rủi ro tiếp nhận thông tin nhận diện rủi ro từ Bộ phận Sản phẩm phái sinh và bộ phận Vận hành tự doanh, thực hiện tổng hợp và phân loại các rủi ro được xác định từ các đơn vị; Nhận diện mối liên hệ giữa các loại rủi ro có khả năng tương tác, tác động lẫn nhau nhằm phát hiện rủi ro tổng hợp và rủi ro lây lan; Bổ sung vào danh mục rủi ro nếu cần thiết.

d) Bộ phận Kiểm soát nội bộ thực hiện rà soát độc lập căn cứ trên danh mục rủi ro.

Bước 2: Đo lường và phân tích rủi ro

a) Bộ phận Sản phẩm phái sinh có chức năng chủ động đánh giá giá trị tài sản bị tác động bởi các hiện tượng và rủi ro dựa vào hai yếu tố là khả năng xảy ra rủi ro và mức độ phạm vi ảnh hưởng. Thực hiện báo cáo cho Bộ phận Quản trị rủi ro các thông tin, dữ liệu liên quan đến công tác đo lường, phân tích rủi ro.

b) Sau khi đánh giá và phân tích các hiện tượng rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chứng quyền để xác định những rủi ro trọng yếu, Bộ phận Sản phẩm phái sinh phối hợp với Bộ phận Quản trị rủi ro thực hiện việc tính toán, đo lường mức độ ảnh hưởng của các rủi ro chính đến hoạt động kinh doanh chứng quyền từ đó xây dựng các phương pháp xử lý rủi ro phù hợp. Bộ phận Sản phẩm phái sinh liên tục đo lường rủi ro để vận hành hoạt động kinh doanh hằng ngày.

c) Phân loại, đánh giá mức độ rủi ro và phương pháp đánh giá với các rủi ro chính trong hoạt động kinh doanh chứng quyền có bảo đảm:

- *Rủi ro thanh toán*: Với quy mô của VNDIRECT cũng như lịch sử về việc quản trị nguồn tiền và tài sản thì mức độ xảy ra rủi ro này tại VNDIRECT là thấp, bên cạnh đó Công ty cũng thực hiện hoạt động phòng ngừa rủi ro (Hedging) theo quy định để đảm bảo cổ phiếu thanh toán cho khách hàng khi đến ngày thực hiện quyền.

Phương pháp đánh giá:

- Thực hiện phân tích định kỳ báo cáo tài chính của Công ty để xem xét khả năng thanh toán tổng thể, không chỉ giới hạn ở nghiệp vụ chứng quyền.
- Đối chiếu Vị thế Phòng ngừa (Hedging): Thực hiện quy trình kiểm tra, đối chiếu định kỳ (hàng ngày) giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết với vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế cho các chứng quyền đang lưu hành.

- *Rủi ro thị trường*: Đây là rủi ro lớn nhất và có khả năng xảy ra cao trong hoạt động kinh doanh và phát hành chứng quyền có đảm bảo.

Phương pháp đánh giá:

- Phân tích Độ nhạy (Sensitivity Analysis): Sử dụng các hệ số Greeks để đánh giá mức độ nhạy cảm của danh mục trước các biến động của yếu tố thị trường.
- Mô hình hóa Rủi ro (Risk Modeling): sử dụng công cụ định lượng chạy các mô hình như Giá trị rủi ro (Value at Risk - VaR) để ước tính các khoản lỗ tiềm năng.
- Kiểm tra Sức chịu đựng (Stress Testing): Xây dựng và phân tích các kịch bản thị trường cực đoan (sốc giá, biến động tăng vọt, khủng hoảng,...).

- *Rủi ro pháp lý*: Có thể xảy ra nếu Công ty vô tình không thực hiện đúng một hoạt động nào đó hoặc chưa kịp cập nhật các thay đổi quy định trong chính sách.

Phương pháp đánh giá:

- Các bộ phận liên quan trực tiếp trong hoạt động kinh doanh chứng quyền có bảo đảm thực hiện rà soát định kỳ để kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật.
- Rà soát quy trình nội bộ: đối chiếu nội dung quy trình hiện tại với các văn bản pháp luật mới nhất để tìm ra điểm không còn phù hợp.

- *Rủi ro hoạt động*: Rủi ro xảy ra các lỗi liên quan đến hệ thống công nghệ là có thể xảy ra, bên cạnh đó các rủi ro liên quan đến nhân viên làm sai quy trình cũng có thể xảy ra.

Phương pháp đánh giá:

- Phân tích lỗi hệ thống và lỗi giao dịch định kỳ.
- Đánh giá chỉ số ưu tiên rủi ro (Risk Priority Number- RPN).

- *Rủi ro thanh khoản*: Trong điều kiện thị trường bình thường với các cổ phiếu lớn thì rủi ro này thấp. Tuy nhiên vẫn có thể xảy ra rủi ro thanh khoản do có thông tin tốt/xấu đột biến của doanh nghiệp, hoặc các thông tin có tác động tiêu cực tới toàn thị trường.

Phương pháp đánh giá:

- Phân tích dữ liệu giao dịch của chứng khoán cơ sở: đánh giá các chỉ tiêu về thanh khoản, chênh lệch giá mua bán (bid- ask spread), mức trượt giá (slippage), tỷ lệ khối lượng hedging trên thanh khoản ngày,...
- Phân tích độ sâu thị trường.

d) Tùy thuộc vào đặc tính của từng loại rủi ro, các phương pháp đo lường sẽ được sử dụng để lượng hóa nhất có thể mức độ ảnh hưởng, phạm vi ảnh hưởng của từng loại rủi ro đến hoạt động kinh doanh chứng quyền của Công ty và có thể sửa đổi/bổ sung phương pháp đánh giá đo lường để phù hợp trong các thời kỳ theo đánh giá của Bộ phận Quản trị rủi ro.

e) Bộ phận Quản trị rủi ro đưa ra đánh giá về cấp độ rủi ro, khả năng chấp nhận rủi ro, cách thức quản lý rủi ro và báo cáo Ban Tổng Giám đốc.

Bước 3: Theo dõi và kiểm soát rủi ro

a) Bộ phận Sản phẩm phái sinh và Bộ phận Quản trị rủi ro phối hợp tính toán và xây dựng các tham số ngưỡng cảnh báo mục tiêu, hạn mức rủi ro và có trách nhiệm cảnh báo kịp thời tới Bộ phận Quản trị rủi ro khi phát sinh dấu hiệu rủi ro có xu hướng vượt ngưỡng cho phép theo hạn mức rủi ro hoặc khi có diễn biến bất thường. Có phương án phòng ngừa rủi ro cho từng loại rủi ro để giảm thiểu những tác động, ảnh hưởng của những rủi ro này đến hoạt động kinh doanh chứng quyền nói riêng và hoạt động kinh doanh của Công ty nói chung.

b) Phương án tổng quát kiểm soát các rủi ro chính trong hoạt động kinh doanh chứng quyền:

- *Phòng ngừa rủi ro thanh toán:*

Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro:

- Xác định hạn mức rủi ro hợp lý cho sản phẩm chứng quyền, đảm bảo không vượt quá vốn khả dụng theo quy chế của SGDCK và phù hợp với định hướng kinh doanh và khẩu vị rủi ro của Công ty.
- Duy trì hệ số phòng ngừa rủi ro trung hòa theo một tỷ lệ nhất định nhưng không thấp hơn yêu cầu của UBCK.
- Công ty luôn có các tài sản dự phòng để đảm bảo khả năng thanh toán khi đến hạn.

Cách thức thực hiện:

- Tuân thủ hạn mức hợp lý cho sản phẩm chứng quyền.
- Thực hiện giao dịch mua/bán hàng ngày tài sản cơ sở hoặc chứng quyền để đảm bảo tỷ lệ hedging theo mức trung hòa rủi ro.

Cơ sở vật chất để thực hiện: Hệ thống phần mềm giao dịch, phần mềm excel, các báo cáo giám sát hằng ngày.

- *Phòng ngừa rủi ro thị trường:*

Nguyên tắc: Lựa chọn mã chứng khoán đủ tiêu chuẩn theo quy chế của SGDCK và các tiêu chí đánh giá của đơn vị có chức năng quản trị rủi ro để làm chứng khoán cơ sở cho sản phẩm chứng quyền.

Cách thức thực hiện: Mua/bán chứng khoán cơ sở hoặc mua/bán chứng quyền phù hợp để duy trì hệ số phòng ngừa rủi ro trung hòa Delta.

Cơ sở vật chất để thực hiện: Hệ thống phần mềm giao dịch, phần mềm excel, các báo cáo giám sát hằng ngày.

- *Phòng ngừa rủi ro pháp lý*

Nguyên tắc: Tuân thủ các quy định pháp lý liên quan. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ nhằm tuân thủ đúng các quy định về tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro.

Cách thức thực hiện:

- Phối hợp chặt chẽ với Pháp chế thực hiện rà soát các quy trình hoặc các chính sách sản phẩm trước khi được ban hành và đưa vào sử dụng.
- Thường xuyên cập nhật các thay đổi trong văn bản pháp luật để các bộ phận đánh giá ảnh hưởng và đề có thể hiệu chỉnh kịp thời các hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng nếu cần.
- Theo dõi việc tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình triển khai nghiệp vụ; phát hiện kịp thời các hành vi có dấu hiệu vi phạm hoặc tiềm ẩn rủi ro pháp lý để xử lý hoặc kiến nghị.

Công cụ thực hiện: Các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách, quy trình của Công ty.

- *Phòng ngừa rủi ro hoạt động*

Nguyên tắc: Giảm thiểu tối đa xảy ra các sự kiện rủi ro hoạt động.

Cách thức thực hiện:

- Xây dựng đầy đủ các quy trình hoạt động liên quan đến kinh doanh chứng quyền có đảm bảo. Thường xuyên kiểm tra và nâng cấp các hệ thống, quy trình liên quan đến vận hành sản phẩm để đảm bảo hạn chế tối đa rủi ro hoạt động.
- Thực hiện đào tạo đầy đủ cho các nhân sự liên quan về sản phẩm, quy trình để đảm bảo các quy trình được thực hiện đúng và đủ.
- Kiểm thử đầy đủ các hệ thống phần mềm giao dịch và hỗ trợ trước khi đưa vào sử dụng.

Công cụ thực hiện: Các công cụ hệ thống, Các quy trình làm việc, các tài liệu hướng dẫn đào tạo.

- *Phòng ngừa rủi ro thanh khoản:*

Nguyên tắc: đảm bảo chi phí giao dịch phòng ngừa rủi ro ở mức hợp lý.

Cách thực hiện:

- Luôn giao dịch để đảm bảo một tỷ lệ trung hòa rủi ro theo quy định, phát hành các chứng quyền trên mã chứng khoán đủ tiêu chuẩn theo quy chế của SGDCK có thanh khoản ổn định.
- Có quy định khối lượng, tình huống cổ phiếu hoặc tài sản cơ sở bắt buộc phải thực hiện giao dịch mua/bán để hạn chế rủi ro thanh khoản.

Cơ sở vật chất: Hệ thống phần mềm giao dịch, các báo cáo giám sát, nguyên tắc vận hành giao dịch.

c) Bộ phận Quản trị rủi ro thực hiện duy trì hệ thống theo dõi rủi ro định kỳ, cập nhật danh mục rủi ro, trạng thái rủi ro, báo cáo Ban Tổng Giám đốc định kỳ hoặc khi phát sinh dấu hiệu bất thường.

d) Bộ phận Kiểm soát nội bộ giám sát việc theo dõi rủi ro căn cứ trên báo cáo định kỳ hoặc đột xuất, thực hiện kiểm tra khi cần thiết hoặc theo chỉ đạo của Lãnh đạo trong trường hợp phát hiện dấu hiệu bất thường; Cảnh báo Ban Tổng Giám đốc khi phát hiện tình trạng thiếu sót hoặc thiếu cập nhật trạng thái rủi ro.

Bước 4: Giám sát hoạt động quản trị rủi ro

a) Bộ phận Sản phẩm phái sinh:

- Đảm bảo chứng khoán cơ sở được chọn để phát hành chứng quyền phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt.

- Giám sát các thông số và mô hình định giá, đảm bảo các tham số đầu vào để định giá chứng quyền là hợp lý và phản ánh đúng điều kiện thị trường.

- Giám sát rủi ro thị trường, thanh khoản và vị thế phòng ngừa rủi ro Hedging trong suốt vòng đời chứng quyền, dự báo những kịch bản rủi ro có thể xảy ra, từ đó đưa ra cảnh báo và đề xuất các phương án phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro.

- Đảm bảo các hoạt động tạo lập thị trường được thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Báo cáo rủi ro, các dấu hiệu bất thường gửi đến Bộ phận Quản trị rủi ro, Ban Lãnh đạo.

b) Bộ phận Quản trị rủi ro:

- Đối chiếu trạng thái rủi ro thực tế với các hạn mức rủi ro đã phê duyệt;

- Phát hiện các rủi ro chạm ngưỡng cảnh báo;

- Lập báo cáo định kỳ/đột xuất gửi đến Ban Tổng Giám đốc để đề xuất các giải pháp điều chỉnh hoạt động quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro.

c) Bộ phận Kiểm soát nội bộ:

- Kiểm tra việc tuân thủ quy trình trong công tác quản trị rủi ro khi cần thiết hoặc theo chỉ đạo của lãnh đạo trong trường hợp phát hiện dấu hiệu bất thường.

- Đưa ra kiến nghị xử lý khi phát hiện sai phạm hoặc thiếu sót.

d) Ban Tổng Giám đốc:

- Xem xét báo cáo và ra quyết định điều chỉnh Hạn mức hoặc Chính sách, Phương án phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

- Báo cáo lên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp vượt thẩm quyền quyết định của Ban Tổng Giám đốc

e) Hội đồng Quản trị:

- Xem xét báo cáo và ra quyết định, điều chỉnh hạn mức rủi ro hoặc phương án phòng ngừa rủi ro.

Bước 5: Xử lý rủi ro

a) Bộ phận Sản phẩm phái sinh:

- Lập và triển khai kế hoạch xử lý rủi ro phù hợp với đặc điểm từng tình huống khẩn cấp bao gồm một hoặc nhiều biện pháp: tránh rủi ro, chấp nhận rủi ro, giảm khả năng rủi ro, điều chuyển rủi ro;

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ và đúng tiến độ theo phương án phòng ngừa rủi ro đã được phê duyệt.

b) Bộ phận Quản trị rủi ro:

- Thẩm định kế hoạch xử lý rủi ro, theo dõi quá trình thực hiện;

- Cập nhật trạng thái rủi ro đến Ban Tổng Giám đốc sau xử lý;

- Thẩm định lại đề xuất từ các đơn vị liên quan hoạt động kinh doanh chứng quyền trước khi trình ban hành điều chỉnh chính sách QTRR, hạn mức rủi ro, các phương án phòng ngừa rủi ro đối với nghiệp vụ kinh doanh chứng quyền có bảo đảm.

c) Bộ phận Kiểm soát nội bộ:

- Kiểm tra việc triển khai phương án xử lý rủi ro khi cần thiết hoặc theo chỉ đạo của lãnh đạo trong trường hợp phát hiện dấu hiệu bất thường;

- Kiến nghị Ban Tổng Giám đốc hoặc Hội đồng Quản trị các biện pháp khắc phục nhằm đảm bảo hiệu quả của hoạt động quản trị rủi ro.

d) Ban Tổng Giám đốc:

- Xem xét, phê duyệt phương án xử lý rủi ro.

- Báo cáo lên Hội đồng quản trị trong các trường hợp vượt thẩm quyền quyết định của Ban Tổng Giám đốc.

1.4. Vai trò của nhà quản lý cấp cao trong việc theo dõi quản trị rủi ro

Hội đồng quản trị:

HĐQT Công ty tự mình hoặc thông qua các tiểu ban trực thuộc (được thành lập theo Điều lệ Công ty) thực hiện các chức năng liên quan đến QTRR, bao gồm:

- Giám sát, quản lý cấp cao đối với toàn bộ hoạt động của hệ thống QTRR;

- Thiết lập hệ thống QTRR đảm bảo tính độc lập, khách quan, trung thực, thống nhất;

- Thông qua Chiến lược quản trị rủi ro được thể hiện qua chính sách rủi ro trong dài hạn và trong từng thời kỳ.

- Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.

- Xem xét và phê duyệt kế hoạch dự phòng do Tổng Giám đốc xây dựng.

Tổng giám đốc:

- Thành lập bộ phận QTRR hoạt động tách biệt, độc lập với các bộ phận tác nghiệp.

- Chỉ đạo và quản lý công tác quản lý kiểm tra, rà soát thường xuyên với hoạt động QTRR;

- Xây dựng, rà soát thường xuyên kế hoạch dự phòng.

Ban kiểm soát/Kiểm toán nội bộ

Tùy theo từng thời kỳ, Ban Kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện các nhiệm vụ theo quy định pháp luật hiện hành và các văn bản nội bộ của Công ty, cụ thể như sau:

- Giám sát việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động QTRR của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc thiết lập các chính sách QTRR, quy chế, quy trình QTRR.

- Phối hợp với Hội đồng quản trị trong việc thiết lập các chính sách QTRR, quy chế, quy trình QTRR.

- Đánh giá về hiệu quả của hoạt động QTRR.

1.5. Sự kiểm soát giao dịch, hạn mức tín dụng và ký quỹ

Kiểm soát giao dịch

- Đối với giao dịch của khách hàng: lệnh chỉ vào hệ thống khi bên mua đủ tiền thanh toán và bên bán phải có chứng khoán sẵn sàng bán.

- Đối với giao dịch của tự doanh: bộ phận tự doanh được đầu tư theo hạn mức mà Ban Điều hành (EXCO) đã phê duyệt. Giao dịch của tự doanh hoàn toàn tách biệt với giao dịch của khách hàng.

Hạn mức ký quỹ: thực hiện theo Quyết định 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 của UBCKNN về việc hướng dẫn cho vay giao dịch ký quỹ đối với công ty chứng khoán:

- Tổng hạn mức cho vay: không vượt quá 200% vốn chủ sở hữu.
- Hạn mức với 1 khách hàng: không vượt quá 3% vốn chủ sở hữu.
- Hạn mức với 1 mã cổ phiếu: không vượt quá 10% vốn chủ sở hữu và không vượt quá 5% tổng số lượng cổ phiếu lưu hành.

1.6. Tổ chức đánh giá tín dụng

Không có.

2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến

2.1. Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền

Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;
- Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có).

Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

2.2. Phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền

2.2.1. Mục đích phòng ngừa rủi ro

Để đảm bảo khả năng thanh toán của TCPH cho người sở hữu chứng quyền tại ngày đáo hạn và hạn chế một cách hiệu quả những tổn thất do các loại hình rủi ro gây ra.

2.2.2. Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro:

Ban điều hành:

- Phê duyệt phương án phòng ngừa rủi ro theo Quy trình, quy chế nội bộ của Công ty.
- Chỉ đạo và xử lý kịp thời với những tình huống phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh chứng quyền có bảo đảm.

Bộ phận quản trị rủi ro:

- Thẩm định phương án phòng ngừa rủi ro, tham mưu cho Tổng Giám đốc.

Bộ phận kiểm soát nội bộ:

- Kiểm tra, giám sát theo kế hoạch hoặc đột xuất việc tuân thủ các chính sách, quy trình và hạn mức phòng ngừa rủi ro đã được phê duyệt.

Bộ phận có chức năng trực tiếp quản trị rủi ro:

- Nhận diện những rủi ro sẽ xảy ra, đo lường và đưa hạn mức phù hợp trong giao dịch chứng quyền có bảo đảm.
- Xây dựng quy trình kiểm soát, phân tán rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

- Đảm bảo đủ số lượng chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền đang lưu hành theo phương án phòng ngừa rủi ro.

- Rà soát hiệu quả quy trình quản trị rủi ro định kỳ.
- Thông tin nhân sự thuộc bộ phận trực tiếp quản lý rủi ro:

Họ & Tên: HÀ KIỀU TRANG

Chức vụ: Chuyên viên Quản trị rủi ro tại VNDIRECT

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính

Chứng chỉ chuyên môn: Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 002949/QLQ

Kinh nghiệm: Có 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - đầu tư.

2.2.3. Nguyên tắc thực hiện tổng quát

2.2.3.1. Chứng khoán phòng ngừa rủi ro

Tổ chức phát hành thực hiện phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền phát hành bằng cách (i) mua hoặc bán chứng khoán cơ sở của chứng quyền; và/hoặc (ii) mua hoặc bán các Chứng quyền có bảo đảm có cùng chứng khoán cơ sở do tổ chức khác phát hành để đảm bảo tổng số lượng Chứng khoán cơ sở quy đổi từ hai phương pháp trên luôn tuân thủ quy định của UBCK và Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

2.2.3.2. Vị thế phòng ngừa rủi ro

Tổ chức phát hành có thể định giá lý thuyết của chứng quyền mua theo công thức Black-Scholes đối với các chứng quyền kiểu Châu Âu với các giả định sau đây:

- C : Giá lý thuyết của chứng quyền mua
- $N(d_1)$, $N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy;
- X : Giá thực hiện của chứng quyền
- S : Giá chứng khoán cơ sở hiện tại
- D : Lợi suất cổ tức
- T : Thời gian còn lại đến khi đáo hạn: là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền
- r_c : Lãi suất phi rủi ro
- σ : độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở.

Hệ số phòng ngừa rủi ro được tổ chức phát hành tính theo công thức:

$$\Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

- Δ_{CALL} : giá trị delta của chứng quyền Mua
- $N(d_1)$ là xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black-Scholes, và:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$
$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

$$N(d_1) = \text{NORDIST}(d_1)$$

$$N(d_2) = \text{NORDIST}(d_2)$$

Số lượng chứng khoán cơ sở lý thuyết để phòng ngừa rủi ro được tính theo công thức:

$$Q_U = \text{Delta}_{\text{CALL}} \times Q_{CW} / k$$

Trong đó:

- Q_U : số lượng chứng khoán cơ sở quy đổi cần thiết cho phòng ngừa rủi ro
- k : tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền của tổ chức phát hành
- $\text{Delta}_{\text{CALL}}$: giá trị delta của chứng quyền Mua
- Q_{CW} : số lượng chứng quyền cần thực hiện phòng ngừa rủi ro

Công thức quy đổi khi sử dụng chứng quyền do các tổ chức khác phát hành để làm tài sản phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền mua:

$$Q_U = Q_s + Q_{CWO} / K_{CWO}$$

Trong đó:

- Q_U : số lượng chứng khoán cơ sở quy đổi cần thiết cho phòng ngừa rủi ro
- Q_s : số lượng chứng khoán cơ sở
- Q_{CWO} : số lượng chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở phát hành bởi tổ chức khác
- K_{CWO} : tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở phát hành bởi tổ chức khác

Tổ chức phát hành đảm bảo tổng số lượng chứng khoán cơ sở và số lượng chứng khoán cơ sở quy đổi để phòng ngừa rủi ro đảm bảo không ít hơn quá 20% của số lượng chứng khoán cơ sở lý thuyết được tính toán theo công thức trên.

3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền của tổ chức phát hành

Bộ phận Sản phẩm phải sinh phụ trách việc lựa chọn chứng khoán cơ sở, tạo lập thị trường cho chứng quyền hàng ngày, và kết hợp với Bộ phận Quản trị rủi ro để quản trị rủi ro cho các chứng quyền phát hành. Nhân sự được đào tạo bài bản về các nội dung và nghiệp vụ liên quan.

Đến nay, VNDIRECT đã có nhiều năm kinh nghiệm thực hiện các đợt phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm, và đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của TCPH theo quy định pháp luật trong công tác phát hành, niêm yết, tạo lập thị trường, thanh toán thực hiện chứng quyền có bảo đảm. Với ưu thế về số lượng khách hàng, tiềm lực tài chính tốt, các chỉ tiêu an toàn tài chính luôn duy trì ở mức cao so với quy định, hệ thống công nghệ hiện đại, quản trị rủi ro chặt chẽ, VNDIRECT có khả năng thanh toán đầy đủ các chứng quyền với nhà đầu tư, đồng thời đáp ứng nhu cầu mua hoặc bán lại chứng quyền của nhà đầu tư với số lượng đa dạng, đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền do VNDIRECT phát hành.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Ngân hàng lưu ký

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 6 Ngô Quyền, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0243.9349590

Fax: 0243.8257308

Website: www.vietinbank.vn

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành

Không áp dụng.

3. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: 16 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3831 5100

Fax: +84 24 3831 5100

Website: https://www.ey.com/en_vn

4. Tổ chức tư vấn

Không áp dụng.

IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Các nguyên tắc giải quyết các xung đột lợi ích có thể xảy ra

- Công khai, minh bạch;
- Ưu tiên lợi ích khách hàng trước lợi ích của VNDIRECT;
- Tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật có liên quan đến đợt phát hành.

Các bên liên quan đến đợt phát hành

- Chúng tôi cam kết tuân thủ nghĩa vụ thanh toán của sản phẩm và thực hiện các biện pháp đảm bảo thanh toán theo nội dung bản cáo bạch này.

- Chúng tôi cam kết Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở không phải người có liên quan của VNDIRECT đáp ứng theo quy định tại Điều 3, Khoản 3 Thông tư 107/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 về hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

- Chúng tôi cam kết Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hà Nội không phải là người có liên quan của VNDIRECT dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.

- Chúng tôi và các công ty con, chi nhánh của chúng tôi tham gia vào các hoạt động ngân hàng, đầu tư, môi giới, quản lý quỹ, bảo hiểm rủi ro, đầu tư và các hoạt động khác và có thể có các thông tin quan trọng về Công ty và/ hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc phát hành hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty và/ hoặc chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin và/ hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến Công ty và/ hoặc các chứng khoán cơ sở và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho Nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành chứng quyền.

- Trong quá trình kinh doanh thông thường, chúng tôi và các công ty con, chi nhánh của chúng tôi có thể thực hiện các giao dịch cho tài khoản của chúng tôi hoặc cho các khách hàng của chúng tôi và có thể tham gia vào một hoặc nhiều giao dịch liên quan đến Công ty và/ hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc các sản phẩm phái sinh liên quan. Điều này có thể gián tiếp ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Ngoài ra, chúng tôi không có các mối quan hệ khác với các bên cung cấp dịch vụ mà có khả năng gây ra xung đột lợi ích với việc phát hành chứng quyền. Các bên này bao gồm các bên tư vấn, kế toán, kiểm toán, luật, chuyên gia hoặc các bên khác cung cấp dịch vụ tư vấn.

X. CAM KẾT

Tổ chức phát hành cam kết tuân thủ nghĩa vụ thanh toán của sản phẩm đồng thời chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong bản cáo bạch này.

Hà Nội, ngày 25 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)


TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Vũ Long

XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ

Chúng tôi xác nhận thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do Tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các Chứng quyền đã phát hành theo đúng các nghĩa vụ trách nhiệm của Ngân hàng lưu ký theo Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 của Bộ tài chính về Hướng dẫn chào bán và giao dịch Chứng quyền có bảo đảm.

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2025

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG LƯU KÝ



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trọng Cường

XI. PHỤ LỤC

- Bản sao hợp lệ Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán và các Giấy phép điều chỉnh của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
- Bản sao hợp lệ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
- Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán năm gần nhất của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
- Nghị quyết về việc phát hành chứng quyền có bảo đảm của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
- Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền và phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền
- Hợp đồng nguyên tắc về việc tiếp nhận tài sản bảo đảm thanh toán ký với ngân hàng lưu ký
- Quyết định về việc bổ nhiệm và ủy quyền cho Giám đốc Khối Nguồn vốn số 345-2/2022/QĐ-CT HĐQT ngày 20/05/2022
- Văn bản ủy quyền số 444/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1 về việc ủy quyền thực hiện giao dịch liên quan đến dịch vụ lưu ký chứng khoán ngày 19/04/2023
- Văn bản ủy quyền số 489/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1 về việc ủy quyền thực hiện giao dịch liên quan đến nghiệp vụ ngân hàng lưu ký – ngân hàng giám sát và quản trị quỹ ngày 08/05/2024

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)



Handwritten signature

Số: 22/UBCK-GPHĐKD

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2006

BẢN SAO

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 161/2004/QĐ-TTg ngày 07 tháng 09 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Xét hồ sơ xin cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect ngày 19 tháng 4 năm 2006;

Theo đề nghị của Trưởng ban Quản lý Kinh doanh Chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

- Tên giao dịch: VNDIRECT SECURITIES CORPORATION
- Trụ sở chính đặt tại: số 100 Phố Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2006
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 (năm mươi tỷ) đồng.

Điều 2. Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect được thực hiện các loại hình kinh doanh sau đây:

1. Môi giới chứng khoán;
2. Tự doanh chứng khoán;
3. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;



1194
NHÂN
MẠI C
CÔNG V
NHÂN
PHỐ H
HỒ H

4. Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
5. Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
6. Lưu ký chứng khoán.

Điều 3. Trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ của Công ty.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect phải khai trương hoạt động. Sau thời hạn trên, nếu Công ty không khai trương hoạt động, Giấy phép này mặc nhiên hết hiệu lực.

Điều 5. Giấy phép này được lập thành hai (02) bản gốc: một (01) bản cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect, một (01) bản đăng ký tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG PHAN XUÂN
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 29-05-2025

Số chứng thực: 5930. Quyền số: 04 SGT/BS

CHỦ TỊCH TH



Vũ Bằng



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Thu Hằng

BẢN SAO

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 101 /GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH
Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD ngày 16 tháng 11 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán VNDirect;

Căn cứ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty cổ phần chứng khoán VNDirect;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ quản lý kinh doanh chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 22/UBCK-GPHĐKD ngày 16 tháng 11 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán VNDirect với nội dung như sau:

Người đại diện theo pháp luật

- Họ và tên: PHẠM MINH HƯƠNG
- + Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- + Sinh ngày: 17/6/1966
- + Căn cước công dân số 001166000107 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 20/7/2021
- + Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 5 ngõ 178 Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.
- Họ và tên: NGUYỄN VŨ LONG

Quốc tịch: Việt Nam

+ Chức danh: Tổng giám đốc
+ Sinh ngày: 27/11/1987 Quốc tịch: Việt Nam
+ Căn cước công dân số 042087000548 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 17/02/2020
+ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B0901 Tầng 9, Tòa nhà SkyCity Tower, 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.

- Họ và tên: ĐIỀU NGỌC TUẤN
+ Chức danh: Giám đốc quản trị
+ Sinh ngày: 02/01/1978 Quốc tịch: Việt Nam
+ Chứng minh nhân dân số 017326999 do Công an Hà Nội cấp ngày 11/12/2012
+ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T09 Times City 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

Điều 2. Giấy phép điều chỉnh này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD ngày 16 tháng 11 năm 2006.

Điều 3. Giấy phép này được lập thành hai (02) bản gốc; 01 bản cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán VNDirect; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. / *ss*

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG PHAN XUÂN
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 29-05-2025

Số chứng thực: 5928 Quyển số: 01.003965

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Hải Sinh



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Thu Hằng

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Số: 59 /GPĐC-UBCK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2024

BẢN SAO

GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH

Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 22/UBCK-GPHĐKD ngày 16 tháng 11 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thay đổi vốn điều lệ của Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Kinh doanh Chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD ngày 16 tháng 11 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT với nội dung như sau:

Vốn điều lệ: 15.222.999.080.000 đồng (Mười lăm nghìn, hai trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng).

Điều 2. Giấy phép điều chỉnh này có hiệu lực kể từ ngày ký, đồng thời là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng



khoản số 22/UBCK-GPHĐKD ngày 16 tháng 11 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT.

Điều 3. Giấy phép điều chỉnh này được lập thành hai (02) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. /

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG PHAN XUÂN
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 29-05-2025

Bùi Hoàng Hải

Số chứng thực: 5929...Quyển số: 01 SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Thu Hằng



Số: 70 /GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2025

GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH

Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD ngày 16 tháng 11 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT;

Căn cứ Tài liệu đề nghị cập nhật thông tin về địa chỉ đặt trụ sở chính do thay đổi về địa giới hành chính và Hồ sơ đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý kinh doanh chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD ngày 16 tháng 11 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT với nội dung như sau:

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật

– Họ và tên: Phạm Minh Hương

+ Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

+ Sinh ngày: 17/06/1966

Quốc tịch: Việt Nam

+ Căn cước công dân số 001166000107 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 20/07/2021.

+ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 42 dãy T3 KĐT Nam Thăng Long, TDP Nam Thăng Long, phường Phú Thượng, Thành phố Hà Nội.

– Họ và tên: Nguyễn Vũ Long

+ Chức danh: Tổng giám đốc

+ Sinh ngày: 27/11/1987

Quốc tịch: Việt Nam

+ Căn cước công dân số 042087000548 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 17/02/2020.

+ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B0901 Tầng 9, Tòa nhà SkyCity Tower, 88 Láng Hạ, phường Láng, Thành phố Hà Nội.

– Họ và tên: Điều Ngọc Tuấn

+ Chức danh: Giám đốc quản trị

+ Sinh ngày: 02/01/1978

Quốc tịch: Việt Nam

+ Căn cước công dân số 025078012885 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 14/04/2022.

+ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú T0912a24 Times City 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Giấy phép điều chỉnh này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 22/UBCK GPĐKKD ngày 16 tháng 11 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT.

Điều 3. Giấy phép điều chỉnh được lập thành hai (02) bản gốc: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. / .*phc*

Số chứng thực

31040

quyển số 01-SCT/BS

Ngày 26 tháng 08

KT CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Hoàng Hải



CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Thị Thu Thủy

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0102065366

Đăng ký lần đầu: ngày 07 tháng 11 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 14, ngày 29 tháng 08 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
VNDIRECT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VNDIRECT SECURITIES
CORPORATION

Tên công ty viết tắt: VNDIRECT

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.39724568

Số Fax: 024.39724600

Thư điện tử: Support@vndirect.com.vn

Website: www.vndirect.com.vn

3. Vốn điều lệ: 15.222.999.080.000 đồng.

*Bằng chữ: Mười lăm nghìn hai trăm hai mươi hai tỷ chín trăm chín mươi
chín triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.522.299.908

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: PHẠM MINH HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 17/06/1966

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 001166000107

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ liên lạc: 41T3 Khu đô thị Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN VŨ LONG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 27/11/1987

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 042087000548

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: B0901 tầng 09, Tòa nhà SkyCity Tower, 88 Láng Hạ, Phường Láng,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Họ, chữ đệm và tên: **ĐIỀU NGỌC TUẤN**

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *02/01/1978*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *025078012885*

Chức danh: **Giám đốc quản trị**

Địa chỉ liên lạc: *T0912a24 Times City 458 Minh Khai , Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trịnh Huy Tâm

CHỨNG THỰC BẢN SẴO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: **01/9487** Quyền số: **01-SCT/BS**

Ngày: **23 -09- 2025**



CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Dung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

SAO Y BẢN CHÍNH



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Phạm Minh Hương

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2025

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 445/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/6/2023; sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 638/2024/NQ-HĐQT ngày 13/07/2024 của Hội đồng quản trị; sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết số 300/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/05/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- d) *Việt Nam* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Giám đốc quản trị, Giám đốc tài chính và thành viên khác thuộc Ban điều hành Công ty;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Giám đốc quản trị và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
- o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
- p) *Công ty* là Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 16/11/2006.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung

và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, PHÒNG GIAO DỊCH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VNDIRECT SECURITIES CORPORATION
- Tên Công ty viết tắt: VNDIRECT

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 07/11/2006 và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 16/11/2006.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 024.39724568 Fax: 024.39724600
- E-mail: support@vndirect.com.vn Website: www.vndirect.com.vn

4. Mạng lưới hoạt động:

Công ty có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh (kể cả ở nước ngoài) để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Mạng lưới hoạt động của Công ty bao gồm Trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện được thành lập theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 56, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có ba (03) người đại diện theo pháp luật, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Giám đốc quản trị.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại các Điều 29 của Điều lệ này. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện đầy đủ thẩm quyền của Công ty trước bên thứ ba và không bị hạn chế trong bất kỳ bất giao dịch hoặc lĩnh vực nào.
- Tổng giám đốc có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều 35 của Điều lệ này. Tổng giám đốc là đại diện của Công ty trước bên thứ ba đối với các công việc, hoạt động, giao dịch của Công ty trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc.

- Giám đốc quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ phù hợp với quy định tại Điều 36 của Điều lệ này. Giám đốc quản trị là đại diện của Công ty trước bên thứ ba đối với các công việc, hoạt động, giao dịch của Công ty trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Giám đốc quản trị.

3. Cơ chế chuyển giao quyền và nghĩa vụ giữa những người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam, từ nhiệm/từ chức, bị miễn nhiệm/bãi nhiệm, trốn khỏi nơi cư trú, bị tạm giam, phạt tù, bị mất hoặc hạn chế, mất năng lực hành vi hoặc bị tước quyền hành nghề:

- Trường hợp người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị rơi vào trường hợp nêu trên thì Tổng Giám đốc sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- Trường hợp người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc rơi vào trường hợp nêu trên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh và Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

a) Các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

b) Dịch vụ nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân; thực hiện phân phối hoặc làm đại lý phân phối chứng khoán; quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán; cung ứng dịch vụ quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán cho các doanh nghiệp khác;

c) Cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh.

d) Giao dịch chứng khoán trên tài khoản tự doanh chứng khoán và được đầu tư, góp vốn, phát hành, chào bán các sản phẩm tài chính.

e) Dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán, thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán; đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán; tư vấn tái cơ cấu, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, mua bán doanh nghiệp; tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược doanh nghiệp; tư vấn chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán; tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp.

f) Cung cấp dịch vụ tài chính và các dịch vụ chứng khoán khác phù hợp với quy định của pháp luật sau khi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh và nguyên tắc hoạt động

1. Phạm vi hoạt động kinh doanh

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh đối với tất cả các ngành, nghề thuộc nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán và được thực hiện các hoạt động, cung cấp các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty là bao gồm tất cả các hoạt động kinh doanh (bao gồm các ngành, nghề kinh doanh, các nghiệp vụ kinh doanh, các sản phẩm, dịch vụ và các hoạt động khác) mà công ty chứng khoán được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc hoạt động

a). Nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành Công ty

- Công ty phải tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản trị công ty.
- Công ty phải phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành/Ban Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Công ty phải thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông, thành viên để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, giữa các thành viên, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, của thành viên.
- Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan.
- Công ty phải bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

b). Nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán

Công ty khi thực hiện hoạt động nghiệp vụ phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Công ty phải ban hành các quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ;
- Công ty phải ban hành quy tắc đạo đức hành nghề;
- Công ty và nhân viên công ty không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân phù hợp với quy định của pháp luật;
- Công ty có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;
- Công ty thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của công ty chứng khoán;
- Công ty có trách nhiệm giao kết hợp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng;
- Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Công ty khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau: Quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng; Thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc lỗ; Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác; Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua bán một loại chứng khoán nào đó; Cung cấp thông tin sai lệch, gian lận, hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng; Các hành vi khác trái với quy định của pháp luật.
- Công ty thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp

luật.

- Công ty thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật.
- Công ty xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.
- Công ty thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Phải thiết lập một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.
- Công ty thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của luật chứng khoán và pháp luật có liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 15.222.999.080.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm nghìn, hai trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng).

Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.522.299.908 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ khi Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần

theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. Quy định này không áp dụng trong trường hợp Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông có thể được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 10a. Chào bán sản phẩm tài chính

1. Công ty có thể chào bán chứng quyền có bảo đảm và/hoặc các sản phẩm tài chính khác trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty sẽ thực hiện các nghiệp vụ và/hoặc giao dịch có liên quan đến chứng quyền có bảo đảm và/hoặc sản phẩm tài chính khác mà Công ty chào bán.
2. Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty (không bao gồm lượng chứng quyền chưa lưu hành). Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và bản cáo bạch của Công ty khi chào bán chứng quyền có bảo đảm, bao gồm:
 - Quyền được thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở;
 - Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết;
 - Quyền chuyển nhượng, cho tặng, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp trong các quan hệ dân sự, kinh tế;
 - Quyền được ưu tiên thanh toán khi Công ty giải thể hoặc phá sản;
 - Các quyền khác của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm theo quy định của pháp luật và bản cáo bạch của Công ty khi chào bán chứng quyền có bảo đảm.
3. Người sở hữu sản phẩm tài chính khác có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và bản cáo bạch của Công ty khi chào bán sản phẩm tài chính đó.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

Ngoài ra, Công ty có những Người điều hành khác tham gia điều hành công việc của Công ty.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao (theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật doanh nghiệp). Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh

nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 25 và Điều 38 của Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và Điểm a Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát

còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất; hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

Chứng từ điện tử, dữ liệu điện tử được ghi nhận bởi hệ thống thông tin của Công ty trong đó có đủ thông tin xác định cổ đông ủy quyền, người được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền thì có giá trị như văn bản ủy quyền.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần

cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 35% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp/thư ký Đại hội;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại

hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến/tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ. Hội đồng quản trị có quyền quyết định và lựa chọn việc áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

11. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được tổ chức bằng tiếng Việt và có thể có phiên dịch sang tiếng nước ngoài nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty đối với mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, kể cả các vấn đề sau đây:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc

kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ này;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định sau đây: (i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên Hội đồng quản trị; (ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 25% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 02 ứng cử viên Hội đồng quản trị; (iii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 35% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 03 ứng cử viên Hội đồng quản trị; (iv) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 04 ứng cử viên Hội đồng quản trị; (v) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 65% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử đủ 05 ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 35% tổng số cổ phần phổ thông trở lên và có thời gian sở hữu cổ phần liên tục từ 03 năm trở lên thì có quyền đề cử thêm 01 ứng cử viên Hội đồng quản trị so với số ứng cử viên được quyền đề cử theo quy định nêu trên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm các ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán, Điều lệ này và các quy định cụ thể sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm (từ 02 năm trở lên) trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực chứng khoán, đầu tư tài chính, công nghệ tài chính;
- c) Không là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;
- d) Không đang là thành viên Hội đồng quản trị của trên 05 công ty khác.

5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các quy định tại Khoản 4 Điều này, quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và quy định cụ thể sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
- Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm p, điểm r và điểm s Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác được quy định tại Quy chế do Hội đồng quản trị công ty ban hành; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty; s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, phụ cấp, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao, phụ cấp và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty nêu tại Khoản 4 Điều này.

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và/hoặc theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, bao gồm:

a) Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty trước Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đại diện cho Công ty xác lập và thực hiện giao dịch của Công ty theo quy định của pháp luật, đại diện cho Công ty ký kết các hợp đồng của Công ty với các cá nhân/tổ chức, đại diện hợp pháp của chủ tài khoản đối với các tài khoản của Công ty mở tại các tổ chức tín dụng;

b) Quyết định đầu tư, bán tài sản, quyết định và ký/giao kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường và các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty; Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản của Công ty trở lên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị được ký/giao kết sau khi đã được Hội đồng quản trị thông qua hoặc ủy quyền;

c) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh mà Điều lệ này, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Nghị quyết Hội đồng quản trị quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Quyết định về mức lương, thù lao, các lợi ích khác, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với chức danh quản lý do Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

d) Các quyền và nhiệm vụ khác của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp, Bộ luật dân sự, Điều lệ này, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị phù hợp với quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định

mới của Hội đồng quản trị.

Không phụ thuộc vào quy định nêu trên, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền cho cấp dưới và/hoặc người khác thực hiện một, một số công việc thuộc thẩm quyền của mình.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 Người điều hành khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị thấy cần thiết phải tổ chức họp Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết có thể gửi sau khi gửi Thông báo mời họp nhưng chậm nhất là 24h trước khi bắt đầu cuộc họp.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp với quy định tại Điều lệ này hoặc Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban (hoặc một tên gọi khác do Hội đồng quản trị quyết định) trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, đầu tư, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty, Bộ phận kiểm toán nội bộ

1. Người phụ trách quản trị Công ty

a) Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

b) Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

c) Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Bộ phận kiểm toán nội bộ

a) Công ty có Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị để đảm bảo thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ sau đây:

- Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban điều hành nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
- Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
- Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
- Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
- Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
- Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
- Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
- Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con của Công ty.

b) Hoạt động kiểm toán nội bộ phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Tính độc lập: Bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập với các bộ phận khác của công ty, kể cả ban điều hành; hoạt động kiểm toán nội bộ độc lập với các hoạt động điều hành, nghiệp vụ của công ty; cán bộ làm công tác kiểm toán nội bộ không được đảm nhận các công việc thuộc đối tượng của kiểm toán nội bộ, không được kiêm nhiệm công việc tại các bộ phận nghiệp vụ như môi giới, tự doanh, phân tích, tư vấn đầu tư, bảo lãnh phát hành, quản trị rủi ro;
- Tính khách quan: Bộ phận kiểm toán nội bộ, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ phải đảm bảo tính khách quan, công bằng, không định kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình. Công ty phải bảo đảm kiểm toán nội bộ không chịu bất cứ sự can thiệp nào khi thực hiện đúng nhiệm vụ của mình; Nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ phải thể hiện tính khách quan trong quá trình thu thập, đánh giá và truyền đạt thông tin về hoạt động hoặc các quy trình, hệ thống đã hoặc đang

được kiểm toán; Nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ cần đưa ra đánh giá một cách công bằng về tất cả các vấn đề liên quan và không bị chi phối bởi mục tiêu quyền lợi riêng hoặc bởi bất kỳ ai khác khi đưa ra nhận xét, đánh giá của mình;

- Tính trung thực: Nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ phải thực hiện công việc của mình một cách trung thực, cẩn trọng và có trách nhiệm; tuân thủ luật pháp và thực hiện các nội dung công việc công khai theo quy định của pháp luật và nghề nghiệp;

- Bảo mật: Nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ cần tôn trọng giá trị và quyền sở hữu của thông tin nhận được, không được tiết lộ thông tin mà không có ủy quyền hợp lệ trừ khi có nghĩa vụ phải tiết lộ thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của công ty.

c) Nhân sự của bộ phận kiểm toán nội bộ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Người làm việc bộ phận này không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng 05 năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;

- Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

- Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh Công ty;

- Có chứng chỉ chuyên môn những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

- Không kiêm nhiệm các công việc nghiệp vụ khác trong Công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, Giám đốc quản trị, Giám đốc tài chính, các thành viên Ban điều hành và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị hoặc quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị trên cơ sở được Hội đồng quản trị phân quyền/ủy quyền.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Giám đốc quản trị, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác được quy định tại quy chế do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với quy định của Điều lệ này.

2. Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc và thành viên Ban Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc và thành viên Ban Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của Ban Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định

của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.

Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong phạm vi phù hợp với nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Tổng Giám đốc điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

5. Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc (theo hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc) cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.

Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

a) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;

b) Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực

tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;

c) Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;

d) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Người điều hành khác

1. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm hoặc thuê những người khác làm Người điều hành Công ty để tham gia vào việc điều hành Công ty cùng với Tổng giám đốc.

Người điều hành khác của Công ty là người, cùng với Tổng giám đốc, điều hành công việc hằng ngày của Công ty trong các lĩnh vực được Hội đồng quản trị phân công; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Người điều hành khác của Công ty bao gồm: Giám đốc quản trị, Giám đốc tài chính và các thành viên khác của Ban điều hành Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Người điều hành khác của Công ty không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Người điều hành khác của công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Người điều hành Công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành. Giám đốc quản trị, Giám đốc tài chính có các quyền và nghĩa vụ theo quy định cụ thể trong nghị quyết/quyết định và/hoặc quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.

Người điều hành Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong phạm vi phù hợp với nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành. Người điều hành Công ty phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Người điều hành Công ty điều hành trái với các quy định nêu trên mà gây thiệt hại cho công ty thì Người điều hành Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

IX. KIỂM SOÁT NỘI BỘ, BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Bộ phận kiểm soát nội bộ

1. Công ty phải thiết lập bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban điều hành Công ty. Bộ phận kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát việc tuân thủ trong Công ty, bao gồm:

a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;

b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực

thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;

c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;

d) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;

e) Tách biệt tài sản của khách hàng;

g) Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;

h) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

i) Nội dung khác theo nhiệm vụ Ban điều hành hoặc Tổng Giám đốc giao.

2. Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm mục tiêu:

a) Hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan;

b) Bảo đảm quyền lợi khách hàng;

c) Hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;

d) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của Công ty.

3. Yêu cầu nhân sự của Bộ phận kiểm soát nội bộ như sau:

a) Bố trí tối thiểu 01 nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;

b) Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán, có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

c) Không phải là người có liên quan đến các trường bộ phận chuyên môn/nghề nghiệp vụ chứng khoán, người thực hiện nghiệp vụ chứng khoán, Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh Công ty;

d) Có chứng chỉ chuyên môn những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

e) Không kiêm nhiệm các công việc nghiệp vụ khác trong Công ty.

Điều 38. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây: (i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên Ban kiểm soát; (ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 25% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 02 ứng cử viên Ban kiểm soát; (iii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 35% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử đủ 03 ứng cử viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 35% tổng số cổ phần phổ thông trở lên và có thời gian sở hữu cổ phần liên tục từ 03 năm trở lên thì có quyền đề cử thêm 01 ứng cử viên Ban kiểm soát so với số ứng cử viên được quyền đề cử nêu trên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử không đủ số lượng cần thiết,

Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Thành phần Ban Kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

6. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp

thuận thực hiện kiểm toán Bảo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và ngăn ngừa xung đột lợi ích

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông

thông qua bảng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài

liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Người lao động và công đoàn

1. Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt

Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Công ty được thành lập.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 53. Trách nhiệm công bố thông tin

Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 54. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 55. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Công ty sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY

Điều 56. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Tối thiểu 06 tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

4. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

5. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: Các chi phí thanh lý; Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; Nợ thuế; Các khoản nợ khác của Công ty. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ nêu trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 57. Tổ chức lại Công ty

1. Việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình Công ty)

phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trình tự, thủ tục và các vấn đề liên quan đến việc tổ chức lại Công ty được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay Người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 59. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới mà dẫn đến điều khoản trong Điều lệ này bị coi là trái pháp luật thì áp dụng những quy định đó của pháp luật để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. HIỆU LỰC

Điều 60. Hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2023. Khoản 1 Điều 6 (Điều khoản về mức vốn điều lệ) của Điều lệ được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 638/2024/NQ-HĐQT ngày 15/07/2024 của Hội đồng quản trị. Khoản 3 Điều 2, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3, Điều 10a, Điểm a Khoản 2 và Khoản 3 Điều 12, Điểm c Khoản 3 Điều 14, Khoản 2 Điều 16, Khoản 2, 3, 4 Điều 25, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 28, Điểm f Khoản 3 Điều 29, Khoản 1 Điều 38 được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 500/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/5/2025 của Đại hội đồng cổ đông. Điều lệ này (gồm các điều khoản được sửa đổi, bổ sung) thay thế tất cả các bản Điều lệ đã ban hành trước đây của Công ty.

2. Điều lệ được lập thành ba (03) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ tên, chữ ký của Người đại diện theo pháp luật: 



NGUYỄN VŨ LONG
Tổng Giám đốc



ĐIỀU NGỌC TUẤN
Giám đốc quản trị

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh báo cáo tài chính	16 - 69

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014521 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 11 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102065366 đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 10 năm 2024, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 59/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 07 năm 2024).

Hoạt động chính của Công ty trong năm bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, ứng trước tiền bán chứng khoán và giao dịch kỳ quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 15.222.999.080.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 12.178.440.090.000 đồng).

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các chi nhánh tại Thanh Xuân – Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vinh – Nghệ An, Cần Thơ, Bình Dương, Quảng Ninh, Nam Định, Thanh Hóa và các phòng giao dịch tại Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có hai (02) công ty liên kết.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2006, Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022, Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023, Bổ nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2023
Ông Vũ Hiền	Thành viên HĐQT Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2009, Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022 Bổ nhiệm ngày 11 tháng 10 năm 2024
Ông Mai Hữu Đạt	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 07 năm 2022
Ông Nguyễn Vũ Long	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2022, Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023, Bổ nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2023
Ông Vũ Việt Anh	Thành viên độc lập HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Hoàng Thúy Nga	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2013, Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022
Bà Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2023
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2012, Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Vũ Long	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2023
Ông Điều Ngọc Tuấn	Giám đốc Quản trị	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này là Bà Phạm Minh Hương, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Ông Nguyễn Vũ Long, chức danh Tổng Giám đốc; và Ông Điều Ngọc Tuấn, chức danh Giám đốc Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Vũ Long
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 61607706/E-67850720

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT ("Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025 và được trình bày từ trang 06 đến trang 69, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

CHỨNG THỰC BẢN SÁO ĐƯỢC TÀI CHÍNH
Số chứng thực:..... Quyển số:..... SCT/BS

2095 --- 01

Ngày: 25-08-2025

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025



PHÓ CHỦ TỊCH
Lưu Đình Lượng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)		43.105.620.017.289	40.414.384.838.078
110	I. Tài sản tài chính		42.935.352.780.537	40.278.851.863.343
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	881.175.660.472	4.861.988.279.037
111.1	1.1 Tiền		734.466.660.472	2.667.988.279.037
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		146.709.000.000	2.194.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1 & 7.4	24.519.200.006.786	16.729.988.737.590
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.2	5.560.973.000.000	7.432.445.000.000
114	4. Các khoản cho vay	7.3	10.343.627.985.292	10.285.791.836.320
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	8	(122.288.257.021)	(119.377.907.624)
117	6. Các khoản phải thu	9	1.728.245.383.775	938.674.588.232
117.1	6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		555.540.757.453	22.096.265.742
117.2	6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		1.172.704.626.322	916.578.322.490
117.3	6.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		95.427.412.362	95.427.412.362
117.4	6.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		1.077.277.213.960	821.150.910.128
118	7. Trả trước cho người bán	9	31.617.305.015	3.552.779.272
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	178.047.781.530	134.658.683.926
122	9. Các khoản phải thu khác	9	7.902.515.693	38.840.257.831
129	10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(193.148.601.005)	(27.710.391.241)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		170.267.236.752	135.532.974.735
131	1. Tạm ứng		10.532.344.261	13.339.726.731
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	32.570.592.866	10.390.964.466
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11	106.245.970.000	96.585.217.160
137	4. Tài sản ngắn hạn khác		20.918.329.625	15.217.066.378
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)		1.189.156.655.182	1.327.705.333.288
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		1.036.150.771.556	1.160.966.673.916
211	1. Các khoản phải thu dài hạn		91.716.310.944	90.236.858.889
212	2. Các khoản đầu tư dài hạn		948.663.852.000	1.074.440.612.000
212.1	2.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.2	-	201.650.000.000
212.3	2.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12	914.505.332.000	836.115.332.000
212.4	2.3 Đầu tư dài hạn khác	12	34.158.520.000	36.675.280.000
213	3. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	12	(4.229.391.388)	(3.710.796.973)
220	II. Tài sản cố định		84.089.253.850	106.034.003.084
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	40.960.432.082	52.527.041.886
222	1.1 Nguyên giá		205.271.274.760	193.971.384.930
223a	1.2 Giá trị khấu hao lũy kế		(164.310.842.678)	(141.444.343.044)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	43.128.821.768	53.506.961.198
228	2.1 Nguyên giá		182.797.824.279	164.679.758.279
229a	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(139.669.002.511)	(111.172.797.081)
240	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.180.792.000	2.546.865.013
250	IV. Tài sản dài hạn khác		65.735.837.776	58.157.791.275
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	3.104.972.428	3.393.442.428
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	27.630.865.348	19.764.348.847
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	20.000.000.000	20.000.000.000
255	4. Tài sản dài hạn khác	16	15.000.000.000	15.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		44.294.776.672.471	41.742.090.171.366

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)		24.579.707.979.260	25.234.270.644.372
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		24.502.482.888.459	24.736.424.516.683
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	18	22.436.244.635.316	20.468.484.164.989
312	1.1 Vay ngắn hạn		22.436.244.635.316	20.468.484.164.989
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	19	400.000.000.000	400.000.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	20	1.113.475.966.297	821.595.397.087
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn		28.958.603.137	65.658.430.298
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		23.324.256.848	20.574.256.848
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	236.583.401.372	243.387.566.722
323	7. Phải trả người lao động		11.308.502.822	28.043.562.100
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		3.952.994.203	4.029.025.381
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	58.395.523.084	150.575.598.290
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		1.254.974.200	2.371.435.512.100
330	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	90.000.000.000
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		188.984.031.180	72.641.002.868
340	II. Nợ phải trả dài hạn		77.225.090.801	497.846.127.689
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	19	-	400.000.000.000
356	2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	23	77.225.090.801	97.846.127.689
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)		19.715.068.693.211	16.507.819.526.994
410	I. Vốn chủ sở hữu	24.2	19.715.068.693.211	16.507.819.526.994
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		15.222.828.001.540	12.178.398.511.540
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		15.222.999.080.000	12.178.440.090.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		15.222.999.080.000	12.178.440.090.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		(171.078.460)	(41.578.460)
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối	24.1	4.492.240.691.671	4.329.421.015.454
417.1	2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		4.183.340.328.462	3.938.036.504.694
417.2	2.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		308.900.363.209	391.384.510.760
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)		44.294.776.672.471	41.742.090.171.366

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		101.986.716.060	101.986.716.060
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	24.4	1.522.299.908	1.217.844.009
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của CTCK	25.1	10.981.481.720.000	7.622.045.590.000
009	4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK	25.2	325.032.290.000	407.194.630.000
010	5. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	25.3	1.056.813.400.000	578.294.940.000
012	6. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK	25.4	5.393.272.890.000	1.747.837.730.000
013	7. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	25.5	707.970.000	190.000
014	8. Chứng quyền (số lượng)		-	129.980.100
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư		87.664.897.954.800	83.305.192.855.500
021.1	1.1 Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		72.283.889.714.800	72.563.078.785.500
021.2	1.2 Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		4.154.055.170.000	344.230.650.000
021.3	1.3 Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		10.643.324.820.000	9.317.872.660.000
021.4	1.4 Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		3.148.330.000	64.109.620.000
021.5	1.5 Tài sản tài chính chờ thanh toán		580.479.920.000	1.015.901.140.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		1.011.294.690.000	2.787.689.350.000
022.1	2.1 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		650.420.310.000	1.408.067.340.000
022.2	2.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		360.874.380.000	1.379.622.010.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	25.6	560.198.130.000	945.350.877.000
024b	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư	25.7	36.553.388.231.000	37.744.990.705.500
025	5. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	25.8	195.075.580.000	202.234.500.000

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	6. Tiền gửi của khách hàng		5.412.854.193.669	6.366.886.514.636
027	6.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.9	4.163.893.199.315	4.335.470.285.643
027.1	6.2 Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	25.9	151.281.513.760	238.571.995.977
028	6.3 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	25.9	1.094.688.500.833	1.792.222.791.362
029	6.4 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		2.799.101.528	149.129.804
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		63.001.151	71.731.832
029.2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		2.736.100.377	77.397.972
030	6.5 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	25.10	191.878.233	472.311.850
031	7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.11	5.412.662.315.436	6.366.414.202.786
031.1	7.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		4.897.820.970.825	5.351.656.416.631
031.2	7.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		363.559.830.851	776.185.790.178
031.3	7.3 Phải trả tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC		151.281.513.760	238.571.995.977
035	8. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	25.12	191.878.233	472.311.850

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025



Bà Lê Thị Hoài
Người lập



Bà Nguyễn Thị Hương
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Vũ Long
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		2.758.053.155.000	3.803.176.987.380
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	26.1	1.640.445.035.364	2.094.804.454.784
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	26.2	653.743.694.020	1.148.956.786.104
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	26.3	414.018.946.216	545.677.855.892
01.4	1.4 Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành		49.845.479.400	13.737.890.600
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	26.3	421.441.706.902	505.989.797.968
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	26.3	1.254.855.005.185	1.154.085.633.047
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		719.863.796.160	867.030.313.818
07	5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		53.974.806.167	107.575.367.174
09	6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		88.975.473.588	92.478.235.601
10	7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		11.949.090.909	10.588.870.278
11	8. Thu nhập hoạt động khác		15.831.430.975	20.496.961.163
20	Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 → 11)		5.324.944.464.886	6.561.422.166.429
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		1.261.254.474.488	1.495.901.101.309
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	26.1	453.950.446.204	541.397.737.633
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	26.2	752.023.183.659	943.607.842.876
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		609.670.425	1.983.325.000
21.4	1.4 Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành		54.671.174.200	8.912.195.800
24	2. Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	27	130.321.116.264	(88.909.241.606)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	28	51.389.156.101	34.327.608.913
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	28	468.171.485.937	615.494.378.512
28	5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	9.043.509.778	8.264.882.221
29	6. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	28	480.280.308	536.415.223
30	7. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	28	30.514.060.783	28.812.889.357
31	8. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	28	31.537.599.000	25.302.442.765
32	9. Chi phí dịch vụ khác	28	139.401.770.807	74.523.925.815
40	Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 → 32)		2.122.113.453.466	2.194.254.402.509

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	10.049.687.758
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		23.968.433.872	22.589.692.639
43	3. Lãi bán, thanh lý khoản đầu tư vào công ty con		-	5.000.000.000
44	4. Doanh thu hoạt động đầu tư khác		-	3.100.433.425
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 → 44)		23.968.433.872	40.739.813.822
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	3.381.482.970
52	2. Chi phí lãi vay		667.433.396.169	1.444.405.517.726
54	3. Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		518.594.415	1.629.996.901
55	4. Chi phí tài chính khác		13.750.163.058	39.357.337.679
60	Cộng chi phí tài chính (60 = 51 → 55)		681.702.153.642	1.488.774.335.276
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	29	453.311.535.893	430.067.613.400
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 62)		2.091.785.755.757	2.489.065.629.066
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		172.577.075	918.699.567
72	2. Chi phí khác		3.634.200.535	7.641.876.660
80	Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)		(3.461.623.460)	(6.723.177.093)
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)		2.088.324.132.297	2.482.342.451.973
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		2.191.429.316.736	2.272.167.813.945
92	2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		(103.105.184.439)	210.174.638.028
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)		369.899.102.085	460.091.531.995
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	390.520.138.973	418.056.604.389
100.2	2. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	30.2	(20.621.036.888)	42.034.927.606
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)		1.718.425.030.212	2.022.250.919.978
500	XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		1.718.425.030.212	2.022.250.919.978
501	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (Trình bày lại)	31	1.129	1.207



Bà Lê Thị Hoài
Người lập



Bà Nguyễn Thị Hương
Kế toán Trưởng



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Ông Nguyễn Vũ Long
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		2.088.324.132.297	2.482.342.451.973
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		(345.140.500.901)	559.269.660.720
03	Khấu hao và hao mòn TSCĐ		59.830.029.068	45.094.916.569
04	Các khoản dự phòng		100.442.278.973	1.090.758.394
05	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(9.743.209.479)
06	Chi phí lãi vay		667.433.396.169	1.444.405.517.726
07	Lãi hoạt động đầu tư		(141.578.789)	(5.000.000.000)
08	Dự thu tiền lãi		(1.172.704.626.322)	(916.578.322.490)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		807.212.952.274	954.150.035.577
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lỗ đánh giá lại phải trả chứng quyền		806.694.357.859	952.520.038.676
16	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		518.594.415	1.629.996.901
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(703.589.173.420)	(1.162.694.676.704)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lãi đánh giá lại phải trả chứng quyền		(703.589.173.420)	(1.162.694.676.704)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.846.807.410.250	2.833.067.471.566
31	(Tăng)/giảm tài sản tài chính FVTPL		(7.887.490.758.835)	1.745.022.069.528
32	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.073.122.000.000	(2.033.995.000.000)
33	Tăng các khoản cho vay		(57.836.148.972)	(1.224.976.085.241)
35	(Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(533.444.491.711)	1.630.228.167.138
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		916.578.322.490	592.628.754.261
37	(Tăng)/giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(43.389.097.804)	134.658.683.926
39	Tăng các khoản phải thu khác		(20.699.955.472)	(140.302.094.983)
40	(Tăng)/giảm các tài sản khác		2.807.382.470	(42.309.905.574)
41	Giảm chi phí phải trả (Không bao gồm chi phí lãi vay)		(1.589.377.928)	(1.349.405.172)
42	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(30.046.144.901)	22.946.057.628
43	Thuế TNDN đã nộp	21	(385.940.177.985)	(349.911.964.805)
44	Lãi vay đã trả		(758.024.093.447)	(1.505.272.991.991)
45	Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		(33.949.827.161)	56.191.302.459
46	Tăng/(giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(76.031.178)	9.693.031.522
47	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(11.384.126.338)	(23.565.308.436)
48	Tăng/(giảm) phải trả người lao động		(16.735.059.278)	10.147.234.856
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác và phải trả chứng quyền		(2.083.125.663.490)	536.731.422.503
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(84.293.247.770)	(74.612.516.124)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		(7.108.709.086.860)	2.175.018.923.061

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(38.526.073.487)	(67.189.121.400)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		148.445.455	-
63	3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		(79.380.000.000)	(181.134.789.000)
64	4. Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		3.506.760.000	165.000.000.000
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(114.250.868.032)	(83.323.910.400)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		2.435.536.820.000	-
72.2	2. Tiền thu từ bán lại cổ phiếu quỹ		-	368.523.950
73	3. Tiền vay gốc		98.919.193.496.792	86.884.568.962.506
73.2	- Tiền vay khác		98.919.193.496.792	86.884.568.962.506
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(97.351.433.026.465)	(86.573.031.464.639)
74.3	- Tiền chi trả gốc vay khác		(97.351.433.026.465)	(86.573.031.464.639)
76	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(761.149.954.000)	-
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.242.147.336.327	311.906.021.817
90	IV. TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(3.980.812.618.565)	2.403.601.034.478
101	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	4.861.988.279.037	2.458.387.244.559
101.1	Tiền		2.667.988.279.037	1.788.175.744.559
101.2	Các khoản tương đương tiền		2.194.000.000.000	670.211.500.000
103	VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	881.175.660.472	4.861.988.279.037
103.1	Tiền		734.466.660.472	2.667.988.279.037
103.2	Các khoản tương đương tiền		146.709.000.000	2.194.000.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		299.586.874.746.888	306.332.467.175.973
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(295.335.786.066.970)	(307.188.015.092.036)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		801.109.265.214.783	933.848.673.461.187
07.1	4. Tăng/(giảm) tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC		(87.290.482.217)	23.917.632.391
08	5. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(806.204.315.459.249)	(931.445.208.715.879)
11	6. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(22.499.840.585)	(20.729.815.633)
14	7. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		4.446.013.857.590	6.681.876.560.856
15	8. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(4.446.294.291.207)	(6.681.910.515.387)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		(954.032.320.967)	1.551.070.691.472
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		6.366.886.514.636	4.815.815.823.164
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		6.366.886.514.636	4.815.815.823.164
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		4.335.470.285.643	3.593.076.453.523
32.1	- Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC		238.571.995.977	214.654.363.586
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		1.792.222.791.362	1.007.421.938.976
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		149.129.804	118.490.698
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		472.311.850	544.576.381
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		5.412.854.193.669	6.366.886.514.636
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		5.412.854.193.669	6.366.886.514.636
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.9	4.163.893.199.315	4.335.470.285.643
42.1	- Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	25.9	151.281.513.760	238.571.995.977
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	25.9	1.094.688.500.833	1.792.222.791.362
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		2.799.101.528	149.129.804
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	25.10	191.878.233	472.311.850

Bà Lê Thị Hoài
Người lập

Bà Nguyễn Thị Hương
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Vũ Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2024	Năm trước		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
				Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6
L. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		14.485.200.083.066	16.507.819.526.994	2.022.250.919.978	368.523.950	4.845.468.167.763	(1.638.219.001.546)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		12.178.029.987.590	12.178.398.511.540	-	368.523.950	3.044.558.990.000	(129.500.000)
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		12.178.440.090.000	12.178.440.090.000	-	-	3.044.558.990.000	-
1.2 Tăng dự vốn cổ phần	24.2	14.508.178	(41.578.460)	-	(56.086.638)	-	(129.500.000)
1.3 Có phiếu quỹ		(424.610.586)	-	-	424.610.588	-	-
2. Lợi nhuận chưa phân phối		2.307.170.095.476	4.329.421.015.454	2.022.250.919.978	-	1.800.909.177.763	(1.638.089.501.546)
2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	24.1	2.083.925.295.138	3.938.036.504.694	1.854.111.209.556	-	1.800.909.177.763	(1.555.605.353.995)
2.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	24.1	223.244.800.338	391.384.510.760	168.139.710.422	-	-	(82.484.147.551)
TỔNG CỘNG	24.2	14.485.200.083.066	16.507.819.526.994	2.022.250.919.978	368.523.950	4.845.468.167.763	(1.638.219.001.546)
						16.507.819.526.994	19.715.068.693.211
						12.178.398.511.540	15.222.828.001.540
						12.178.440.090.000	15.222.999.080.000
						(41.578.460)	(171.078.460)
						4.329.421.015.454	4.492.240.691.671
						3.938.036.504.694	4.163.340.328.462
						391.384.510.760	308.900.363.209

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2025



Ông Nguyễn Vũ Long
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Hương
Kế toán Trưởng

Bà Lê Thị Hoài
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014521 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 11 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102065366 đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 10 năm 2024, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 59/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 07 năm 2024).

Hoạt động chính trong năm của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, ứng trước tiền bán chứng khoán và giao dịch kỳ quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của công ty là 15.222.999.080.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 12.178.440.090.000 đồng).

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các chi nhánh tại Thanh Xuân – Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vinh – Nghệ An, Cần Thơ, Bình Dương, Quảng Ninh, Nam Định, Thanh Hóa và các phòng giao dịch tại Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 1.077 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.174 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 15.222.999.080.000 đồng, vốn chủ sở hữu là 19.715.068.693.211 đồng và tổng tài sản là 44.294.776.672.471 đồng.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có hai (02) công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 3633/GP-UB ngày 01 tháng 08 năm 1998 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 41A/GPĐC32/KDBH ngày 05 tháng 01 năm 2022	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và kinh doanh dịch vụ tài chính	803.957.090.000 VND	20%	20%
Công ty Cổ phần Âm Thực Mặt Trời Vàng	Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0108951120 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 10 năm 2019 và các lần thay đổi	Kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống	1.265.501.000.000 VND	5,55%	36%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính

Công ty đã lập báo cáo tài chính này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ, biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các tài sản tài chính HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các tài sản tài chính HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Lãi dự thu được ghi nhận trên khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Công ty thực hiện trích lập dự phòng chung đối với các khoản cho vay với tỷ lệ 0,75%/tổng dư nợ cho vay, không bao gồm dư nợ cho vay đã trích lập dự phòng cụ thể. Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

4.5 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết (ngoại trừ trái phiếu) trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với cổ phiếu của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính;
- Chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC"), căn cứ vào báo cáo tài chính của tổ chức phát hành tại thời điểm lập báo cáo tài chính;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 *Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính* (tiếp theo)

- ▶ Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính;
- ▶ Đối với trái phiếu Chính phủ, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính;
- ▶ Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

4.6 *Phân loại lại tài sản tài chính*

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào thời điểm ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.8 *Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn*

4.8.1 *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư công ty liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn.

Phương pháp giá gốc

Là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Theo phương pháp giá gốc, nhà đầu tư ghi nhận ban đầu khoản đầu tư theo giá gốc. Nhà đầu tư chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà nhà đầu tư nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn (tiếp theo)

4.8.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được lập riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất, và được xem xét vào cuối năm tài chính. Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào góp vốn vào các đơn vị khác nếu khoản đầu tư bị tổn thất do đơn vị đầu tư bị lỗ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

4.9 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.10 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thì hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dịch vụ khác".

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.12 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
Công cụ quản lý	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
Phần mềm	03 - 10 năm

4.13 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.14 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao hoặc hao mòn của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.16 Các khoản vay và phát hành trái phiếu không chuyển đổi

Các khoản vay và trái phiếu không chuyển đổi được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo sổ dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.17 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Phải trả chứng quyền

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá thực hiện, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giữa giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bảng số chứng quyền còn được phép phát hành. Cuối năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào "Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành"). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch được ghi nhận vào "Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành").

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh. Lãi/Lỗ khi mua lại chứng quyền, khi đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục "Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL" hoặc "Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL" tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Cuối năm, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL.

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Lợi ích của nhân viên

4.18.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên theo các quy định pháp luật hiện hành. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.18.2 Trợ cấp thôi việc

Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

Khoản 5 Điều 8 Nghị định 145/2020/NĐ-CP quy định tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động thôi việc. Nếu hợp đồng lao động cuối cùng bị tuyên vô hiệu (vì có nội dung tiền lương thấp hơn mức tối thiểu vùng hoặc mức trong thỏa ước lao động tập thể) thì tiền lương tính trợ cấp sẽ do các bên thỏa thuận nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu vùng hoặc mức lương theo thỏa ước lao động tập thể.

4.18.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Nghị định số 28/2015/NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về Bảo hiểm thất nghiệp và Điều 57, Luật việc làm số 38/2013/QH13, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.19 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.20 Hợp đồng phái sinh tiền tệ

Công ty tham gia vào các giao dịch tiền tệ với các ngân hàng cung cấp dịch vụ (giao dịch mua bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ,...) cho mục đích phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro về tỷ giá, lãi suất và dòng tiền trong tương lai. Lãi/lỗ phát sinh từ giao dịch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

4.23 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.25 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTPL của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

4.26 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.27 Lãi trên cổ phiếu

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty là các khoản lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm sau khi được điều chỉnh bởi cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, những khoản chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu.

Số lượng cổ phiếu phổ thông được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ hiện tại và tất cả các kỳ trình bày phải được điều chỉnh cho các sự kiện (Trừ việc chuyển đổi cổ phiếu phổ thông tiềm năng) tạo ra sự thay đổi về số lượng cổ phiếu phổ thông mà không dẫn đến thay đổi về nguồn vốn.

4.28 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các dịch vụ được cung cấp cho các đối tác, nhà đầu tư. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

4.29 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan được hiểu là 'Người có liên quan' theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung có hiệu lực tại từng thời kỳ.

4.30 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền	734.466.660.472	2.667.988.279.037
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	733.705.141.683	2.667.173.209.668
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	761.518.789	815.069.369
Các khoản tương đương tiền	146.709.000.000	2.194.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	146.709.000.000	2.194.000.000.000
Tổng cộng	881.175.660.472	4.861.988.279.037

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (triệu VND)
a. Của Công ty	3.168.069.430	296.683.470
- Cổ phiếu	255.151.466	7.921.699
- Trái phiếu	1.939.600.801	280.916.044
- Chứng khoán khác	973.317.163	7.845.727
b. Của Nhà đầu tư	30.091.415.428	1.085.918.946
- Cổ phiếu	27.520.896.714	602.546.757
- Trái phiếu	440.177.189	70.594.014
- Chứng khoán khác	2.130.341.525	412.778.175
Tổng cộng	33.259.484.858	1.382.602.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục "*Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp*" trên báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ ("CCQ") niêm yết	1.442.424.222.565	1.438.820.196.532	1.107.852.472.120	1.153.426.495.964	
VPB	448.323.523.360	418.203.609.600	455.483.188.180	418.927.449.600	
STB	103.830.420.030	121.722.731.100	2.804.116.692	2.674.476.861	
FPT	69.140.757.982	85.819.222.500	8.730.788.898	9.219.960.567	
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ khác	821.129.521.193	813.074.633.332	640.834.378.350	722.604.608.936	
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	-	-	127.464.078.913	123.410.809.726	
VPB	-	-	46.132.541.880	42.430.080.000	
STB	-	-	31.113.838.138	29.675.384.189	
FPT	-	-	20.791.958.474	21.956.897.533	
Cổ phiếu khác	-	-	29.425.740.421	29.348.448.004	
Cổ phiếu, CCQ chưa niêm yết	1.905.644.964.885	1.900.049.784.551	1.111.431.641.735	1.162.241.954.895	
TNRE	1.349.490.000.000	1.349.490.000.000	450.000.000.000	450.000.000.000	
VNDBF	105.200.000.000	139.756.022.602	105.200.000.000	130.141.094.389	
VNDAF	50.500.000.000	80.331.700.000	50.500.000.000	70.037.500.000	
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ khác	400.454.964.885	330.472.061.949	505.731.641.735	512.063.360.506	
Trái phiếu niêm yết	3.985.606.183.773	3.987.783.221.122	687.194.811.995	686.121.064.799	
Trái phiếu chưa niêm yết	10.630.536.085.581	10.630.536.085.581	7.546.995.264.122	7.546.995.264.122	
Chứng chỉ tiền gửi	6.562.010.719.000	6.562.010.719.000	6.057.793.148.084	6.057.793.148.084	
Tổng cộng	24.526.222.175.804	24.519.200.006.786	16.638.731.416.969	16.729.988.737.590	

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng	5.560.973.000.000	7.432.445.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng	-	201.650.000.000
Tổng cộng (*)	5.560.973.000.000	7.634.095.000.000

(*) Số dư phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,60%/năm đến 8,00%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 4,20%/năm đến 10,30%/năm).

7.3 Các khoản cho vay

	Đơn vị tính: VND	
	Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)
Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ	10.148.543.290.594	10.106.403.813.017
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	195.084.694.698	195.084.694.698
Tổng cộng	10.343.627.985.292	10.301.488.507.715

(*) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng cụ thể suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.4. Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính (FVTPL)

Các loại tài sản tài chính	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch đánh giá		Đơn vị tính: VND
		Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	1.442.424.222.565	43.596.392.383	(47.200.418.416)	1.438.820.196.532
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	1.905.644.964.885	68.276.753.849	(73.871.934.183)	1.900.049.784.551
Trái phiếu niêm yết	3.985.606.183.773	2.659.756.352	(482.719.003)	3.987.783.221.122
Trái phiếu chưa niêm yết	10.630.536.085.581	-	-	10.630.536.085.581
Chứng chỉ tiền gửi	6.562.010.719.000	-	-	6.562.010.719.000
Tổng cộng	24.526.222.175.804	114.532.902.584	(121.555.071.602)	24.519.200.006.786
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	1.107.852.472.120	96.761.136.709	(51.187.112.865)	1.153.426.495.964
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa	127.464.078.913	1.455.476.197	(5.508.745.384)	123.410.809.726
nợ ro của chứng quyền	1.111.431.641.735	87.534.786.983	(36.724.473.823)	1.162.241.954.895
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	687.194.811.995	-	(1.073.747.196)	686.121.064.799
Trái phiếu niêm yết	7.546.995.264.122	-	-	7.546.995.264.122
Trái phiếu chưa niêm yết	6.057.793.148.084	-	-	6.057.793.148.084
Chứng chỉ tiền gửi				
Tổng cộng	16.638.731.416.969	185.751.399.889	(94.494.079.268)	16.729.988.737.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay		
- Dự phòng cụ thể	42.139.477.577	42.596.604.419
- Dự phòng chung	80.148.779.444	76.781.303.205
Tổng cộng	122.288.257.021	119.377.907.624

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.752.664.385.008	1.088.015.918.020
1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	555.540.757.453	22.096.265.742
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	1.172.704.626.322	916.578.322.490
Trong đó:		
- Các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	95.427.412.362	95.427.412.362
- Các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	1.077.277.213.960	821.150.910.128
3. Trả trước cho người bán	31.617.305.015	3.552.779.272
4. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	178.047.781.530	134.658.683.926
5. Các khoản phải thu khác	7.902.515.693	38.840.257.831
6. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(193.148.601.005)	(27.710.391.241)
Dài hạn	91.716.310.944	90.236.858.889
1. Các khoản phải thu dài hạn	91.716.310.944	90.236.858.889
Tổng cộng	1.844.380.695.952	1.178.252.776.909

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

		Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Tại cuối năm		Đơn vị tính: VND
		Giá trị phải thu khó đòi	Số dự phòng	Số trích lập	Số hoàn nhập	Số dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam		-	-	96.602.831.426	-	96.602.831.426	229.575.723.008	
Công ty Cổ phần Năng lượng Tài tạo Trung Nam		-	-	43.006.849.315	-	43.006.849.315	86.013.698.630	
Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Đắk Lắk 1		-	-	29.400.000.000	-	29.400.000.000	58.800.000.000	
Công ty Cổ phần Phần mềm Diệt Virus BKAV		31.562.456.875	22.093.719.812	-	(22.093.719.812)	-	-	
Các đối tượng khác		5.616.671.429	5.616.671.429	18.522.248.835	-	24.138.920.264	67.340.000.875	
Tổng cộng		37.179.128.304	27.710.391.241	187.531.929.576	(22.093.719.812)	193.148.601.005	441.729.422.511	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	3.531.018.600	3.050.355.274
Chi phí phần mềm	15.229.106.403	6.664.844.053
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	32.317.811	68.714.871
Chi phí khác	13.778.150.052	607.050.268
Tổng cộng	32.570.592.866	10.390.964.466
b. Dài hạn		
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	6.598.352.614	7.748.784.724
Chi phí phần mềm	18.575.399.448	6.992.257.622
Chi phí khác	899.485.031	1.592.414.120
Công cụ dụng cụ	1.557.628.255	3.430.892.381
Tổng cộng	27.630.865.348	19.764.348.847

11. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Ong Trung ương (*)	80.000.000.000	80.000.000.000
Các đối tượng khác	26.245.970.000	16.585.217.160
Tổng cộng	106.245.970.000	96.585.217.160
b. Dài hạn		
Các đối tượng khác	3.104.972.428	3.393.442.428
Tổng cộng	3.104.972.428	3.393.442.428

(*) Tiền đặt cọc không chịu lãi suất mua bất động sản cho mục đích làm văn phòng trụ sở chính của Công ty với thời hạn đặt cọc còn lại không quá 12 tháng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT, ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC VÀ DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	914.505.332.000	-	914.505.332.000	836.115.332.000
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	836.115.332.000	-	836.115.332.000	836.115.332.000
- Công ty Cổ phần Âm Thực Mệt Trời Vàng	78.390.000.000	-	78.390.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	34.158.520.000	(4.229.391.388)	29.929.128.612	32.964.483.027
Tổng cộng	948.663.852.000	(4.229.391.388)	944.434.460.612	869.079.815.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH ("TSCĐ") HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Công cụ quản lý	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	22.312.126.483	165.199.077.507	6.460.180.940	193.971.384.930
Tăng trong năm	-	19.774.080.500	-	19.774.080.500
Thanh lý trong năm	-	(8.474.190.670)	-	(8.474.190.670)
Số dư cuối năm	22.312.126.483	176.498.967.337	6.460.180.940	205.271.274.760
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số dư đầu năm	20.915.254.789	119.510.365.023	1.018.723.232	141.444.343.044
Khấu hao trong năm	1.197.318.595	29.490.486.949	646.018.094	31.333.823.638
Thanh lý trong năm	-	(8.467.324.004)	-	(8.467.324.004)
Số dư cuối năm	22.112.573.384	140.533.527.968	1.664.741.326	164.310.842.678
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.396.871.694	45.688.712.484	5.441.457.708	52.527.041.886
Số dư cuối năm	199.553.099	35.965.439.369	4.795.439.614	40.960.432.082

Các thông tin khác về TSCĐ hữu hình:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	110.670.016.610	76.207.094.405

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Phần mềm

Nguyên giá	
Số dư đầu năm	164.679.758.279
Tăng trong năm	18.118.066.000
Số dư cuối năm	182.797.824.279
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	111.172.797.081
Hao mòn trong năm	28.496.205.430
Số dư cuối năm	139.669.002.511
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	53.506.961.198
Số dư cuối năm	43.128.821.768

Các thông tin khác về TSCĐ vô hình:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	98.171.659.614	86.473.801.114

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC").

Theo quy định hiện hành của VSDC, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại VSDC và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, mỗi giới.

16. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác phản ánh tiền nộp Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh. Theo Quy chế quản lý và Sử dụng Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ chung.

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh		
- Tiền nộp ban đầu	15.000.000.000	15.000.000.000

17. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ, THẾ CHẤP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang cầm cố các tài sản sau cho các khoản vay ngắn hạn:

	Đơn vị tính: VND		
Tài sản	Số cuối năm	Số đầu năm	Mục đích đảm bảo
Ngắn hạn			
Tài sản tài chính ngắn hạn	15.049.000.000.000	11.225.000.000.000	Vay ngắn hạn
Dài hạn			
Tài sản tài chính dài hạn	-	200.000.000.000	Vay ngắn hạn
Tổng cộng	15.049.000.000.000	11.425.000.000.000	

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	Lãi suất %/năm	Số đầu năm	Số vay trong năm	Số đã trả trong năm	Số cuối năm
Các khoản vay ngắn hạn bằng VND	2,0% - 7,4%	20.468.484.164.989	125.908.167.988.860	(123.940.407.518.533)	22.436.244.635.316
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		5.240.000.000.000	11.580.000.000.000	(11.944.000.000.000)	4.876.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		2.153.000.000.000	39.547.974.492.013	(37.118.774.492.068)	4.582.199.999.945
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		3.075.000.000.000	28.542.000.000.000	(27.567.000.000.000)	4.050.000.000.000
- Các tổ chức tín dụng khác		5.455.000.000.000	39.966.079.500.757	(37.113.805.063.895)	8.307.274.436.862
- Vay khác		4.545.484.164.989	6.272.113.996.090	(10.196.827.962.570)	620.770.198.509
Tổng cộng (*)		20.468.484.164.989	125.908.167.988.860	(123.940.407.518.533)	22.436.244.635.316

(*) Các khoản vay được thực hiện cho mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	400.000.000.000	400.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	-	400.000.000.000
Tổng cộng (*)	400.000.000.000	800.000.000.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, trái phiếu do Công ty phát hành có kỳ hạn gốc là 36 tháng với lãi suất 7,58%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: kỳ hạn gốc từ 24 tháng đến 36 tháng với lãi suất từ 10,00%/năm đến 10,20%/năm). Số dư trái phiếu phát hành được Công ty phân loại ngắn hạn và dài hạn dựa theo kỳ hạn còn lại của trái phiếu tại ngày cuối năm và đầu năm.

20. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và VSDC	14.441.398.117	18.542.471.090
Phải trả mua các tài sản tài chính (*)	1.099.034.568.180	767.223.362.997
Phải trả chứng quyền đang lưu hành	-	35.829.563.000
Tổng cộng	1.113.475.966.297	821.595.397.087

(*) Phải trả ngày T0 liên quan đến giao dịch mua chứng khoán tại thời điểm cuối năm.

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	230.567.669	1.149.525.702	(1.243.850.635)	136.242.736
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
(Thuyết minh số 30.1)	195.241.321.844	390.520.138.973	(385.940.177.985)	199.821.282.832
Thuế thu nhập cá nhân	46.727.359.579	505.695.009.674	(520.251.413.906)	32.170.955.347
Các loại thuế khác	1.188.317.630	38.087.877.889	(34.821.275.062)	4.454.920.457
Tổng cộng	243.387.566.722	935.452.552.238	(942.256.717.588)	236.583.401.372

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay tổ chức tín dụng và các đối tượng khác	31.474.821.610	80.558.671.436
Chi phí lãi vay trái phiếu phát hành	24.904.111.453	66.410.958.905
Chi phí phải trả khác	2.016.590.021	3.605.967.949
Tổng cộng	58.395.523.084	150.575.598.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN") HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

Phải trả thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ/tính thuế của các khoản mục sau đây:

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL tạm thời không chịu thuế	(1.404.433.823)	18.251.464.105
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành tạm thời không chịu thuế	-	965.138.960
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước khi phân loại từ tài sản tài chính FVTPL sang đầu tư công ty liên kết	78.629.524.624	78.629.524.624
Tổng cộng	77.225.090.801	97.846.127.689

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Lợi nhuận chưa phân phối

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	4.183.340.328.462	3.938.036.504.694
Lợi nhuận chưa thực hiện	308.900.363.209	391.384.510.760
Tổng cộng	4.492.240.691.671	4.329.421.015.454

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 *Tính hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	12.178.440.090.000	14.508.178	(424.610.588)	2.307.170.095.476	14.485.200.083.066
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	2.022.250.919.978	2.022.250.919.978
Giao dịch cổ phiếu quỹ	-	(56.086.638)	424.610.588	-	368.523.950
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	12.178.440.090.000	(41.578.460)	-	4.329.421.015.454	16.507.819.526.994
Phát hành cổ phiếu tăng vốn trong năm (*)	2.435.666.320.000	-	-	-	2.435.666.320.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	1.718.425.030.212	1.718.425.030.212
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (**)	608.892.670.000	-	-	(608.892.670.000)	-
Trả cổ tức bằng tiền (**)	-	-	-	(761.149.954.000)	(761.149.954.000)
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(129.500.000)	-	-	(129.500.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (***)	-	-	-	(185.562.729.995)	(185.562.729.995)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	15.222.999.080.000	(171.078.460)	-	4.492.240.691.671	19.715.068.693.211

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 445/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 06 năm 2023 về việc phân phối lợi nhuận năm 2022 và chào bán, phát hành cổ phiếu.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 566/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 06 năm 2024 về việc trả cổ tức bằng tiền năm 2023.

(***) Theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty số 645-1/2024/QĐ-VNDIRECT ngày 06 tháng 06 năm 2024 về việc trích lập quỹ khen thưởng năm 2023.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.3 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước (tại 01/01/2024 và 01/01/2023)	3.938.036.504.694	2.083.925.295.138
2. Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	1.800.909.177.763	1.854.111.209.556
3. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm ((3)=(1)+(2))	5.738.945.682.457	3.938.036.504.694
4. Số trích từ lợi nhuận	(185.562.729.995)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(185.562.729.995)	-
5. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	(761.149.954.000)	-
6. Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho Nhà đầu tư sở hữu Cổ phiếu	(23.265.959.875)	-
7. Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn ((7)=(5)-(6))	(737.883.994.125)	-

24.4 Cổ phiếu

	Đơn vị tính: cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.522.299.908	1.217.844.009
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	1.522.299.908	1.217.844.009
- Cổ phiếu phổ thông	1.522.299.908	1.217.844.009
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.522.299.908	1.217.844.009
- Cổ phiếu phổ thông	1.522.299.908	1.217.844.009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

25.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	8.204.492.170.000	7.464.001.110.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	2.241.160.550.000	132.160.550.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	70.000.000.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	465.829.000.000	25.883.930.000
Tổng cộng	10.981.481.720.000	7.622.045.590.000

25.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	325.032.290.000	407.194.630.000

25.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu và chứng quyền	960.000.000	75.254.440.000
Trái phiếu	1.055.853.400.000	503.040.500.000
Tổng cộng	1.056.813.400.000	578.294.940.000

25.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng chỉ quỹ	236.098.350.000	196.098.350.000
Cổ phiếu	1.366.773.540.000	566.021.280.000
Trái phiếu	3.790.401.000.000	985.718.100.000
Tổng cộng	5.393.272.890.000	1.747.837.730.000

25.5 Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu	707.970.000	190.000

25.6 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu, trái phiếu, chứng quyền và chứng chỉ quỹ	560.198.130.000	945.350.877.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.7 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng chỉ quỹ	378.888.461.000	298.631.935.500
Cổ phiếu	35.974.604.770.000	36.845.654.770.000
Trái phiếu	199.895.000.000	600.704.000.000
Tổng cộng	36.553.388.231.000	37.744.990.705.500

25.8 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu	195.075.580.000	202.234.500.000

25.9 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.163.893.199.315	4.335.470.285.643
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.800.333.368.464	3.559.284.495.465
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	363.559.830.851	776.185.790.178
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	151.281.513.760	238.571.995.977
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	1.094.688.500.833	1.792.222.791.362
Tổng cộng	5.409.863.213.908	6.366.265.072.982

25.10 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu của Tổ chức phát hành	191.878.233	472.311.850

25.11 Phải trả Nhà đầu tư của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	5.412.662.315.436	6.366.414.202.786
- Nhà đầu tư trong nước	4.897.820.970.825	5.351.656.416.631
- Nhà đầu tư nước ngoài	363.559.830.851	776.185.790.178
- Phải trả tiền ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	151.281.513.760	238.571.995.977
Tổng cộng	5.412.662.315.436	6.366.414.202.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.12 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	191.878.233	472.311.850

25.13 Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả phí môi giới, giao dịch chứng khoán	1.171.173.917	864.880.647

25.14 Phải trả vay CTCK của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nghiệp vụ margin	10.533.558.578.399	10.128.927.380.534
Phải trả gốc margin (Thuyết minh số 7.3)	10.148.543.290.594	9.911.807.420.780
- Phải trả gốc margin của Nhà Đầu tư trong nước	10.148.543.290.594	9.911.807.420.780
Phải trả lãi margin	385.015.287.805	217.119.959.754
- Phải trả lãi margin của Nhà Đầu tư trong nước	385.015.287.805	217.119.959.754
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Thuyết minh 7.3)	195.084.694.698	373.984.415.540
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	195.081.465.423	373.112.880.291
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	3.229.275	871.535.249
Tổng cộng	10.728.643.273.097	10.502.911.796.074

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. LÃI(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

26.1 Lãi(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi(lỗ) bán chứng khoản năm nay VND	Lãi(lỗ) bán chứng khoản năm trước VND
I LÃI BÁN							
1	Cổ phiếu niêm yết	68.695.056	34.795	2.390.262.068.250	2.193.098.481.449	197.163.586.801	79.666.978.956
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	60.011	19.664	1.180.085.800	1.152.212.264	27.873.536	267.809.000
3	Trái phiếu niêm yết	328.063.420	109.357	35.875.960.053.889	35.780.388.860.451	95.571.193.438	163.041.082.195
4	Trái phiếu chưa niêm yết và chứng chỉ tiền gửi	211.749.125	509.686	107.925.638.971.963	106.696.387.055.528	1.229.251.916.435	1.792.015.297.633
5	Hợp đồng tương lai chỉ số	-	-	-	-	64.500.740.000	40.409.240.000
6	Chứng quyền phát hành niêm yết	289.994.200	868	251.753.086.400	305.682.811.554	53.929.725.154	19.404.047.000
	Tổng lãi bán	898.561.812		146.444.794.266.302	144.976.709.421.246	1.640.445.035.364	2.094.804.454.784
II LỖ BÁN							
1	Cổ phiếu niêm yết	55.352.930	26.931	1.490.716.423.350	1.577.179.416.606	(86.462.993.256)	(23.684.433.354)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	4.256.079	12.012	51.122.514.200	137.848.180.000	(86.725.665.800)	(274.886.500)
3	Trái phiếu niêm yết	398.563.899	115.403	45.995.413.644.463	46.073.700.308.735	(78.286.664.272)	(137.151.546.018)
4	Trái phiếu chưa niêm yết và chứng chỉ tiền gửi	50.945.044	170.958	8.709.476.035.731	8.813.413.409.207	(103.937.373.476)	(349.427.924.461)
5	Hợp đồng tương lai chỉ số	-	-	-	-	(54.587.650.000)	(25.304.074.000)
6	Chứng quyền phát hành niêm yết	258.423.500	1.894	489.432.417.000	445.482.317.600	(43.950.099.400)	(5.554.873.300)
	Tổng lỗ bán	767.541.452		56.736.161.034.744	57.047.623.632.148	(453.950.446.204)	(541.397.737.633)
	Tổng cộng	1.666.103.264		203.180.955.301.046	202.024.333.053.394	1.186.494.589.160	1.553.406.717.151

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. LÃI(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị thị trường	Đơn vị tính: VND		
				Số dư chênh lệch đánh giá lại tại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm
I	FVTPL					
1	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	1.442.424.222.565	1.438.820.196.532	(3.604.026.033)	45.574.023.844	(49.178.049.877)
2	Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	-	-	-	(4.053.269.187)	4.053.269.187
3	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	1.905.644.964.885	1.900.049.784.551	(5.595.180.334)	50.810.313.070	(56.405.493.494)
4	Trái phiếu niêm yết	3.985.606.183.773	3.987.783.221.122	2.177.037.349	(1.073.747.196)	3.250.784.545
5	Trái phiếu chưa niêm yết	10.630.536.085.581	10.630.536.085.581	-	-	-
6	Chứng chỉ tiền gửi	6.562.010.719.000	6.562.010.719.000	-	-	-
Tổng cộng		24.526.222.175.804	24.519.200.006.786	(7.022.169.018)	91.257.320.531	(98.279.489.639)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Từ tài sản tài chính FVTPL	414.018.946.216	545.677.855.892
Từ tài sản tài chính HTM	421.441.706.902	505.989.797.968
Từ các khoản cho vay và phải thu	1.254.855.005.185	1.154.085.633.047
Tổng cộng	<u>2.090.315.658.303</u>	<u>2.205.753.286.907</u>

27. CHI PHÍ/(HOÀN NHẬP) DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỖN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐỔI, LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	2.910.349.397	(111.002.961.418)
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi về tiền lãi từ các tài sản tài chính và phải thu	127.410.766.867	22.093.719.812
Tổng cộng	<u>130.321.116.264</u>	<u>(88.909.241.606)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động tự doanh	51.389.156.101	34.327.608.913
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	468.171.485.937	615.494.378.512
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	9.043.509.778	8.264.882.221
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	480.280.308	536.415.223
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30.514.060.783	28.812.889.357
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31.537.599.000	25.302.442.765
Chi phí dịch vụ khác	139.401.770.807	74.523.925.815
Tổng cộng	730.537.862.714	787.262.542.806

TỔNG HỢP CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THEO KHOẢN MỤC CHI PHÍ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí môi giới chứng khoán	316.264.120.175	449.537.803.665
Chi phí hoạt động lưu ký	30.006.499.131	28.812.889.357
Chi phí lương và các khoản phúc lợi	240.947.633.622	224.098.237.515
Chi phí văn phòng phẩm	165.227.824	186.901.112
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.411.889.890	3.490.794.633
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	339.660.201	658.415.821
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.280.787.810	8.850.529.491
Chi phí khác	76.000.881.352	71.626.971.212
Chi phí dự phòng và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	60.121.162.709	-
Tổng cộng	730.537.862.714	787.262.542.806

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các khoản phúc lợi	78.010.921.214	171.758.324.768
Chi phí thuê văn phòng	50.849.875.914	60.224.042.361
Chi phí văn phòng phẩm	489.785.450	380.542.593
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.475.393.572	4.972.765.868
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	59.490.368.867	44.436.500.748
Chi phí dịch vụ mua ngoài	261.950.840.876	148.275.711.062
Chi phí khác	44.350.000	19.726.000
Tổng cộng	453.311.535.893	430.067.613.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

30.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

Bảng ước tính thuế TNDN hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	2.088.324.132.297	2.482.342.451.973
Tổng các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	15.165.553.942	(349.141.139.775)
Các khoản điều chỉnh tăng	814.037.317.987	956.810.786.712
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	54.671.174.200	8.912.195.800
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	752.023.183.659	943.607.842.876
- Chi phí dự phòng các khoản cho vay	2.910.349.397	-
- Chi phí không được trừ khi tính thuế	4.432.610.731	4.290.748.036
Các khoản điều chỉnh giảm	(798.871.764.045)	(1.305.951.926.487)
- Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức	(95.282.590.625)	(32.254.288.365)
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(653.743.694.020)	(1.148.956.786.104)
- Hoàn nhập dự phòng các khoản cho vay	-	(111.002.961.418)
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	(49.845.479.400)	(13.737.890.600)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	2.103.489.686.239	2.133.201.312.198
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	420.697.937.248	426.640.262.440
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	195.241.321.844	127.096.682.260
Điều chỉnh giảm thuế các năm trước	(30.177.798.275)	(8.583.658.051)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(385.940.177.985)	(349.911.964.805)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	199.821.282.832	195.241.321.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN") (tiếp theo)

30.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại

Biến động của thuế TNDN hoãn lại trong năm như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	97.846.127.689	55.811.200.083
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(19.655.897.928)	(37.559.735.978)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại chứng quyền đang lưu hành	(965.138.960)	965.138.960
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phân loại lại tài sản tài chính FVTPL sang đầu tư vào công ty liên kết	-	78.629.524.624
Số dư cuối năm	77.225.090.801	97.846.127.689

Công ty đã ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(19.655.897.928)	(37.559.735.978)
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại chứng quyền đang lưu hành	(965.138.960)	965.138.960
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phân loại lại tài sản tài chính FVTPL sang đầu tư vào công ty liên kết	-	78.629.524.624
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	(20.621.036.888)	42.034.927.606

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế của năm 2024. Cho mục đích lập báo cáo tài chính các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông – VND	1.718.425.030.212	2.022.250.919.978
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi - VND	-	(185.562.729.995)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu - VND	1.718.425.030.212	1.836.688.189.983
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu – Cổ phiếu	1.522.299.908	1.522.299.908
Lãi cơ bản trên cổ phiếu – VND/Cổ phiếu (*)	1.129	1.207

(*) Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu, nếu số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu, Công ty điều chỉnh hồi tố "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" cho tất cả các kỳ báo cáo. Theo đó số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm 2023 được điều chỉnh cho số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu trong năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

32.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Danh sách bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Âm Thực Mặt Trời Vàng	Công ty liên kết
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện	Công ty liên kết
	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan Giám đốc quản trị Công ty đồng thời là Phó Tổng Giám đốc thường trực, Giám đốc quản trị hoạt động Công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin của bên liên quan
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, người đại diện pháp luật bên liên quan
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty đồng thời là Tổng Giám đốc, người đại diện pháp luật bên liên quan Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT, người đại diện pháp luật bên liên quan Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan Cổ đông sở hữu trên 10% số phiếu có quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty đồng thời là Giám đốc điều hành vận hành bên liên quan Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT, người đại diện pháp luật bên liên quan
Công ty Cổ phần Nếp sống Tinh thức IPAM LIFE	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT, người đại diện pháp luật bên liên quan Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty đồng thời là Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT, người đại diện pháp luật bên liên quan Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, người đại diện pháp luật bên liên quan
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty đồng thời là Kế toán Trưởng bên liên quan Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan
Công ty TNHH Tư vấn Quản trị Doanh nghiệp IPA	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng thành viên ("HĐTV"), người đại diện pháp luật bên liên quan Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Giám đốc Công ty kiêm Thành viên HĐTV, người đại diện pháp luật bên liên quan
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Trung Nam	Công ty sở hữu trên 10% vốn góp của bên liên quan
Công ty Cổ phần DSTATION	Công ty sở hữu trên 10% vốn góp của bên liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư IPAF	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT, người đại diện pháp luật bên liên quan Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Tổng Giám đốc bên liên quan Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là thành viên Ban đại diện quỹ
Quỹ đầu tư chủ động VND (VNDAF)	
Quỹ đầu tư thành viên IPA (IPAMF)	Số lượng chứng chỉ quỹ Công ty nắm giữ chiếm trên 50% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.722.462.016	2.031.134.428
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A	1.392.380.516	675.529.803
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	1.126.665.887	961.067.730
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	130.468.720	144.536.895
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	66.096.291	250.000.000
Công ty Cổ phần Âm Thực Mặt Trời Vàng	6.000.000	-
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	850.602	-
Mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ	64.043.094.680	42.250.572.926
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	28.674.892.017	28.102.169.221
Công ty Cổ phần DSTATION	11.197.194.608	-
Công ty TNHH Tư vấn Quản trị Doanh nghiệp IPA	9.138.236.160	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	5.780.480.448	5.103.850.778
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	5.475.832.299	7.317.784.376
Công ty Cổ phần Nếp sống Tinh thức IPAM LIFE	3.050.396.366	900.057.991
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A	536.703.474	466.710.560
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	150.000.000	360.000.000
Công ty Cổ phần Âm Thực Mặt Trời Vàng	39.359.308	-
Lãi tiền gửi giao dịch chứng khoán và vay khác	5.077.309.308	1.273.026.668
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	2.712.078.003	364.049.004
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	2.148.658.743	20.867.226
Công ty Cổ phần Âm Thực Mặt Trời Vàng	112.165.492	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	56.723.456	50.198.541
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	22.957.700	486.520.209
Công ty Cổ phần DSTATION	12.650.203	-
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A	12.074.053	540.145
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	1.658	350.851.543
Lãi trái phiếu đã nhận trong năm	288.298.707.911	94.655.820.513
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	227.298.681.094	47.232.275.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	61.000.026.817	47.423.545.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.1 *Nghệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chuyển nhượng khoản đầu tư	-	165.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	-	165.000.000.000
Đầu tư vào công ty khác	899.490.000.000	450.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Trung Nam	899.490.000.000	450.000.000.000
Cổ tức bằng tiền cho cổ đông	217.987.314.200	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	196.659.238.500	-
Bà Phạm Minh Hương	21.328.075.700	-
Nhận vốn góp	701.151.500.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	629.309.560.000	-
Bà Phạm Minh Hương	71.841.940.000	-
Giao dịch mua chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi	9.274.652.258.982	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	6.677.043.230.110	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	1.646.665.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	940.387.154.160	-
Công ty Cổ phần DSTATION	5.874.546.462	-
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	4.682.328.250	-
Giao dịch chuyển nhượng chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi	7.993.219.738.919	918.447.860.208
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	5.347.181.802.509	706.717.860.208
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	1.765.258.661.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	865.788.591.520	211.730.000.000
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	9.181.736.490	-
Công ty Cổ phần DSTATION	5.808.947.400	-
Gốc vay đã nhận trong năm	134.647.798.939	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	126.977.798.939	-
Công ty Cổ phần DSTATION	7.670.000.000	-
Gốc vay đã trả trong năm	77.927.600.430	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	73.757.600.430	-
Công ty Cổ phần DSTATION	4.170.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn	86.082.740.938	86.073.050.315
Công ty Cổ phần Năng lượng Tài tạo Trung Nam	86.013.698.630	86.013.698.630
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A	69.042.308	59.351.685
Phải trả người bán ngắn hạn	1.880.045.301	756.901.305
Công ty TNHH Tư vấn Quản trị Doanh nghiệp IPA	1.139.284.440	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	386.347.500	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	305.078.165	703.357.592
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A	48.233.404	46.064.638
Công ty Cổ phần Nếp sống Tinh thức IPAM LIFE	1.101.792	7.479.075
Phải thu ngắn hạn khác	156.510.000	41.241.379
Công ty Cổ phần DSTATION	156.510.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	-	41.241.379
Trả trước cho người bán	200.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Quản trị Doanh nghiệp IPA	200.000.000	300.000.000
Phải trả ngắn hạn khác – Tiền gửi	-	50.091.170.987
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	-	49.960.238.570
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	-	130.932.417
Vay ngắn hạn	56.720.198.509	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	53.220.198.509	-
Công ty Cổ phần DSTATION	3.500.000.000	-
Mệnh giá trái phiếu nắm giữ cho mục đích kinh doanh	1.375.878.200.000	518.416.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	1.050.878.200.000	487.898.700.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	325.000.000.000	30.517.300.000
Mệnh giá cổ phiếu nắm giữ cho mục đích kinh doanh	486.000.000	486.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	486.000.000	486.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	82.186.000.000	80.800.000.000
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần DSTATION	886.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	800.000.000	800.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Quản trị Doanh nghiệp IPA	500.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	15.150.000.000	15.150.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư IPAF	15.150.000.000	15.150.000.000

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng chỉ quỹ	Số chứng chỉ quỹ nắm giữ	Số chứng chỉ quỹ đang lưu hành
VNDAF	5.000.000	16.068.637
IPAMF	4.000.000	5.000.000
	Tỷ lệ nắm giữ (%)	
	31,12%	
	80,00%	

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)*

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thưởng, thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác:

Họ và tên	Chức danh	Năm nay		Năm trước	
		Tiền lương, thưởng	Thù lao	Tiền lương, thưởng	Thù lao
Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch HĐQT	4.782.499.996	192.000.000	4.004.500.000	192.000.000
Ông Nguyễn Vũ Long	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	10.846.423.073	192.000.000	7.418.500.000	192.000.000
Ông Mai Hữu Đạt	Phó Chủ tịch HĐQT	919.500.000	192.000.000	1.165.642.857	192.000.000
Ông Vũ Hiền	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Thành viên	-	192.000.000	-	192.000.000
Ông Vũ Việt Anh	Thành viên độc lập HĐQT	-	192.000.000	-	192.000.000
Ban Kiểm soát	Trưởng ban và Thành viên Ban Kiểm soát	-	360.000.000	-	360.000.000
Các thành viên quản lý khác		7.840.987.182	-	8.596.500.000	-
Tổng cộng		24.389.410.251	1.320.000.000	21.185.142.857	1.320.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Đơn vị tính: VND			
	Mối giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Các bộ phận khác
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.072.983.295.708	2.770.467.597.084	423.338.683.997	82.123.321.969
2. Các chi phí trực tiếp	765.590.125.658	1.792.873.187.782	53.912.141.958	191.440.151.710
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thuế phân bổ	1.307.393.170.050	977.594.409.302	369.426.542.039	(109.316.829.741)
3. Khấu hao, hao mòn và các chi phí không phân bổ	175.681.911.342	234.792.554.178	35.877.254.440	6.959.815.933
4. Lỗ từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	3.461.623.460
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thuế	1.131.711.258.708	742.801.855.124	333.549.287.599	(119.738.269.134)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	10.641.562.169.525	25.730.172.758.642	6.553.720.112.527	1.062.447.020.316
1. Tài sản phân bổ	-	-	-	306.874.611.461
2. Tài sản không phân bổ	10.641.562.169.525	25.730.172.758.642	6.553.720.112.527	1.369.321.631.777
Tổng tài sản	14.441.398.117	1.120.954.391.205	22.892.623.568.379	78.629.524.624
1. Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	473.059.096.935
2. Nợ phải trả không phân bổ	14.441.398.117	1.120.954.391.205	22.892.623.568.379	551.688.621.559
Tổng nợ phải trả				24.579.707.979.260

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.2 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

					Đơn vị tính: VND	
					Kinh doanh nguồn vốn	Các bộ phận khác
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023					Tổng cộng	
1.	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.021.115.946.865	3.803.176.987.380	505.989.797.968	271.879.248.038	6.602.161.980.251
2.	Các chi phí trực tiếp	1.004.657.720.085	2.429.828.087.222	119.686.280.321	128.856.650.157	3.683.028.737.785
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế phân bổ					386.303.517.647	2.919.133.242.466
3.	Khấu hao, hao mòn và các chi phí không phân bổ	131.656.344.433	247.740.551.533	32.960.388.653	17.710.328.781	430.067.613.400
4.	Lỗ từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	6.723.177.093	6.723.177.093
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế					353.343.128.994	2.482.342.451.973
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023						
1.	Tài sản phân bổ	10.285.791.836.320	17.639.522.277.087	12.496.083.279.037	-	40.421.397.392.444
2.	Tài sản không phân bổ	-	-	-	1.320.692.778.922	1.320.692.778.922
Tổng tài sản					13.320.692.778.922	41.742.090.171.366
1.	Nợ phải trả bộ phận	-	821.595.397.087	23.790.495.275.379	-	24.612.090.672.466
2.	Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	622.179.971.906	622.179.971.906
Tổng nợ phải trả					622.179.971.906	25.234.270.644.372

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số cuối năm
Dưới 01 năm	222.056.800	92.400.000
Từ 01 – dưới 05 năm	59.608.796.800	72.716.733.001
Từ 05 năm	112.343.734.123	130.924.786.703
Tổng cộng	172.174.587.723	203.733.919.704

32.4 Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho nhà đầu tư để mua chứng khoán.

32.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh tại cuối năm.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghị vụ quản lý rủi ro là nghị vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, chứng quyền có bảo đảm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty, do đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị. Nợ phải trả tài chính phần lớn có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa, dịch vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Cho mục đích giảm thiểu rủi ro ngoại tệ, Công ty thực hiện ký kết các hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo bằng ngoại tệ, hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ,... với các ngân hàng thương mại.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Các cổ phiếu, trái phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, trái phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thường xuyên thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Nguồn vốn của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 5* và *Thuyết minh số 7.2*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh số 8*, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có tính thanh khoản tốt.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Tổng cộng	Số dư đã dự phòng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			Đơn vị tính: VND
				<= 90 ngày	91 - 180 ngày	> 180 ngày	
Số đầu năm	10.285.791.836.320	132.052.141.932	10.099.778.982.866	25.752.357.617	5.486.918.429	2.514.048.992	20.207.386.484
Số cuối năm	10.343.627.985.292	60.987.712.164	10.067.215.053.502	132.760.736.461	47.818.990.404	8.661.158.397	26.184.334.364

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày kết thúc năm tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ trên 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	734.466.660.472	146.709.000.000	-	-	881.175.660.472
Tài sản tài chính	224.431.972.168	24.519.200.006.786	15.680.169.013.124	-	948.663.852.000	41.372.464.844.078
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	24.519.200.006.786	-	-	-	24.519.200.006.786
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	5.560.973.000.000	-	-	5.560.973.000.000
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-	-
(không bao gồm dự phòng)	224.431.972.168	-	10.119.196.013.124	-	914.505.332.000	10.343.627.985.292
Góp vốn đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	34.158.520.000	914.505.332.000
Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	34.158.520.000
Tài sản khác	293.469.034.395	69.172.398.963	1.734.932.837.889	115.756.642.024	87.270.045.850	2.300.600.959.121
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	106.245.970.000	3.104.972.428	-	109.350.942.428
Phải thu khác (không bao gồm dự phòng)	293.469.034.395	2.721.725.077	1.628.686.867.889	112.651.669.596	-	2.037.529.296.957
Tài sản khác	-	66.450.673.886	-	-	-	66.450.673.886
Tài sản cố định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang)	-	-	-	-	87.270.045.850	87.270.045.850
Tổng cộng	517.901.006.563	25.322.839.066.221	17.561.810.851.013	115.756.642.024	1.035.933.897.850	44.554.241.463.671
NỢ PHẢI TRẢ						
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	22.436.244.635.316	-	-	22.436.244.635.316
Trái phiếu phát hành	-	-	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	1.113.475.966.297	-	-	1.113.475.966.297
Chi phí phải trả	-	-	58.395.523.084	-	-	58.395.523.084
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	236.583.401.372	-	-	236.583.401.372
Phải trả, phải nộp khác	-	294.741.347.232	40.267.105.959	-	-	335.008.453.191
Tổng cộng	-	294.741.347.232	24.284.966.632.028	-	-	24.579.707.979.260
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	517.901.006.563	25.028.097.718.989	(6.723.155.781.015)	115.756.642.024	1.035.933.897.850	19.974.533.484.411

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Tài sản bảo đảm

Công ty cũng sử dụng các tài sản tài chính ngắn hạn và dài hạn để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại các tổ chức tín dụng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư các tài sản tài chính được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty là 15.049 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 11.425 tỷ đồng).

Công ty có giữ các chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản cho vay ký quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025



Bà Lê Thị Hoài
Người lập



Bà Nguyễn Thị Hương
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Vũ Long
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Số: 483/2025/NQ-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc phát hành chứng quyền có bảo đảm đợt 01 năm 2025

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Căn cứ:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Chứng khoán VNDIRECT;
- Nghị quyết số 185/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 22/05/2025 của Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc chào bán chứng quyền có bảo đảm ("Chứng quyền") đợt 01 của Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT ("Công ty") trong năm 2025 với thông tin như nêu tại Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Thông qua việc đăng ký lưu ký Chứng quyền tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết Chứng quyền trên Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

Sau khi hoàn thành phân phối chứng quyền, toàn bộ chứng quyền được chấp thuận chào bán sẽ được đăng ký lưu ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật của công ty toàn quyền thực hiện các công việc để phát hành và lưu hành chứng quyền theo kế hoạch được phê duyệt theo Nghị quyết này, bao gồm nhưng không giới hạn: (i) quyết định giá chào bán chứng quyền trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty sau khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, với điều kiện giá chào bán chứng quyền nằm trong khoảng giá phù hợp với chi tiết chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán theo Phụ lục đính kèm quyết định này và (ii) các công việc và thủ tục khác liên quan đến việc chào bán, đăng ký lưu ký/hủy đăng ký lưu ký, niêm yết/hủy niêm yết và lưu hành Chứng quyền.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Ban Tổng Giám đốc, các

Khởi/Phòng/Ban và cán bộ nhân viên có liên quan của Công ty có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Công ty.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thư: 8823 Quyển số: 01-SCT/2025

Ngày: 20-08-2025

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỨC TỊCH HĐQT



CÔNG CHỨNG VIÊN

Trịnh Vũ Diễm Hằng

PHỤ LỤC: THÔNG TIN CÁC CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Đính kèm Nghị quyết Hội đồng quản trị số 46/2025/NQ-HĐQT ngày 22/05/2025)

Các thông tin khác của mỗi Chứng quyền như sau:

Tên chứng quyền	Chứng quyền. HPG.VND.M.CA.T.2025.1	Chứng quyền. HPG.VND.M.CA.T.2025.2	Chứng quyền. HPG.VND.M.CA.T.2025.3
Mã Chứng khoán cơ sở (CKCS)	HPG	HPG	HPG
Tổ chức phát hành CKCS	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoà Phát	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoà Phát	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoà Phát
Loại chứng quyền	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua
Kiểu chứng quyền	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện CW	Tiền	Tiền	Tiền
Thời hạn (tháng)	5	11	17
Tỷ lệ chuyển đổi	2:1 (02 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	2:1 (02 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	2:1 (02 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)
Giá thực hiện	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.
Khung giá chào bán dự kiến	1.000 VNĐ – 2.500 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 3.400 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 4.000 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	10.000.000.000 – 25.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 34.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 40.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Tài sản đảm bảo thanh toán	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 12,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 17,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 20,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán
Thời gian chào bán dự kiến	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Thời gian đăng ký mua chứng quyền dự kiến	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Ngày niêm yết dự kiến	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền

Tên chứng quyền	Chứng quyền. MWG.VND.M.CA.T.2025. 1	Chứng quyền. MWG.VND.M.CA.T.2025. 2	Chứng quyền. MWG.VND.M.CA.T.2025.3
Mã Chứng khoán cơ sở (CKCS)	MWG	MWG	MWG
Tổ chức phát hành CKCS	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động
Loại chứng quyền	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua
Kiểu chứng quyền	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện CW	Tiền	Tiền	Tiền
Thời hạn (tháng)	5	11	17
Tỷ lệ chuyển đổi	4:1 (04 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	4:1 (04 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	4:1 (04 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)
Giá thực hiện	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của

	của VNDIRECT.	đảm của VNDIRECT.	VNDIRECT.
Khung giá chào bán dự kiến	1.000 VNĐ – 2.800 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 3.800 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 4.500 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	10.000.000.000 – 28.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 38.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 45.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Tài sản đảm bảo thanh toán	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 14,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 19,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 22,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán
Thời gian chào bán dự kiến	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Thời gian đăng ký mua chứng quyền dự kiến	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Ngày niêm yết dự kiến	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền

Tên chứng quyền	Chứng quyền. FPT.VND.M.CA.T.2025.1	Chứng quyền. FPT.VND.M.CA.T.2025.2	Chứng quyền. FPT.VND.M.CA.T.2025.3
Mã Chứng khoán cơ sở (CKCS)	FPT	FPT	FPT

Tổ chức phát hành CKCS	Công ty Cổ phần FPT	Công ty Cổ phần FPT	Công ty Cổ phần FPT
Loại chứng quyền	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua
Kiểu chứng quyền	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện CW	Tiền	Tiền	Tiền
Thời hạn (tháng)	5	11	17
Tỷ lệ chuyển đổi	8:1 (08 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	8:1 (08 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	8:1 (08 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)
Giá thực hiện	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.
Khung giá chào bán dự kiến	1.000 VNĐ - 2.900 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ - 3.900 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ - 4.700 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	10.000.000.000 - 29.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 - 39.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 - 47.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Tài sản đảm bảo thanh toán	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 14,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 19,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 23,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán
Thời gian chào bán dự kiến	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký

	chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Thời gian đăng ký mua chứng quyền dự kiến	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Ngày niêm yết dự kiến	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền

Tên chứng quyền	Chứng quyền. STB.VND.M.CA.T.2025.1	Chứng quyền. STB.VND.M.CA.T.2025.2	Chứng quyền. STB.VND.M.CA.T.2025.3
Mã Chứng khoán cơ sở (CKCS)	STB	STB	STB
Tổ chức phát hành CKCS	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
Loại chứng quyền	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua
Kiểu chứng quyền	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện CW	Tiền	Tiền	Tiền
Thời hạn (tháng)	5	11	17
Tỷ lệ chuyển đổi	3:1 (03 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	3:1 (03 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	3:1 (03 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)
Giá thực hiện	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.
Khung giá chào bán dự kiến	1.000 VNĐ – 2.500 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 3.400 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 4.000 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Số lượng chứng quyền đăng ký	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền

chào bán			
Tổng giá trị chào bán	10.000.000.000 – 25.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 34.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 40.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Tài sản đảm bảo thanh toán	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 12,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 17,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 20,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán
Thời gian chào bán dự kiến	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Thời gian đăng ký mua chứng quyền dự kiến	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Ngày niêm yết dự kiến	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền

Tên chứng quyền	Chứng quyền. MBB.VND.M.CA.T.2025.1	Chứng quyền. MBB.VND.M.CA.T.2025.2	Chứng quyền. MBB.VND.M.CA.T.2025.3
Mã Chứng khoán cơ sở (CKCS)	MBB	MBB	MBB
Tổ chức phát hành CKCS	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội
Loại chứng quyền	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua
Kiểu chứng quyền	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện CW	Tiền	Tiền	Tiền
Thời hạn (tháng)	5	11	17

Tỷ lệ chuyển đổi	2:1 (02 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	2:1 (02 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	2:1 (02 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)
Giá thực hiện	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.
Khung giá chào bán dự kiến	1.000 VNĐ – 2.300 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 3.100 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 3.700 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	10.000.000.000 – 23.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 31.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 37.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Tài sản đảm bảo thanh toán	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 11,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 15,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 18,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán
Thời gian chào bán dự kiến	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Thời gian đăng ký mua chứng quyền dự kiến	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo

	đảm của VNDIRECT	đảm của VNDIRECT	đảm của VNDIRECT
Ngày niêm yết dự kiến	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền

Tên chứng quyền	Chứng quyền. TCB.VND.M.CA.T.2025.1	Chứng quyền. TCB.VND.M.CA.T.2025.2	Chứng quyền. TCB.VND.M.CA.T.2025.3
Mã Chứng khoán cơ sở (CKCS)	TCB	TCB	TCB
Tổ chức phát hành CKCS	Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Loại chứng quyền	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua
Kiểu chứng quyền	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện CW	Tiền	Tiền	Tiền
Thời hạn (tháng)	5	11	17
Tỷ lệ chuyển đổi	2:1 (02 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	2:1 (02 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	2:1 (02 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)
Giá thực hiện	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.
Khung giá chào bán dự kiến	1.000 VNĐ – 2.600 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 3.500 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 4.200 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	10.000.000.000 – 26.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 35.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 42.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Tài sản đảm bảo thanh toán	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký

	là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 13,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 17,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 21,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán
Thời gian chào bán dự kiến	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Thời gian đăng ký mua chứng quyền dự kiến	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Ngày niêm yết dự kiến	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền

Tên chứng quyền	Chứng quyền. ACB.VND.M.CA.T.2025.1	Chứng quyền. ACB.VND.M.CA.T.2025.2	Chứng quyền. ACB.VND.M.CA.T.2025.3
Mã Chứng khoán cơ sở (CKCS)	ACB	ACB	ACB
Tổ chức phát hành CKCS	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu
Loại chứng quyền	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua
Kiểu chứng quyền	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện CW	Tiền	Tiền	Tiền
Thời hạn (tháng)	5	11	17
Tỷ lệ chuyển đổi	2:1 (02 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	2:1 (02 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	2:1 (02 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)
Giá thực hiện	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành

	chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.
Khung giá chào bán dự kiến	1.000 VNĐ – 2.500 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 3.300 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 3.900 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	10.000.000.000 – 25.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 33.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 39.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Tài sản đảm bảo thanh toán	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 12,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 16,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 19,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán
Thời gian chào bán dự kiến	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Thời gian đăng ký mua chứng quyền dự kiến	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Ngày niêm yết dự kiến	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền

Tên chứng quyền	Chứng quyền. HDB.VND.M.CA.T.2025.1	Chứng quyền. HDB.VND.M.CA.T.2025.2	Chứng quyền. HDB.VND.M.CA.T.2025.3
Mã Chứng khoán cơ sở (CKCS)	HDB	HDB	HDB

Tổ chức phát hành CKCS	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh
Loại chứng quyền	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua
Kiểu chứng quyền	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện CW	Tiền	Tiền	Tiền
Thời hạn (tháng)	5	11	17
Tỷ lệ chuyển đổi	3:1 (03 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	3:1 (03 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	3:1 (03 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)
Giá thực hiện	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.
Khung giá chào bán dự kiến	1.000 VNĐ – 1.400 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 1.900 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 2.200 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	10.000.000.000 – 14.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 19.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 22.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Tài sản đảm bảo thanh toán	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 7,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 9,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 11,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán
Thời gian chào bán dự kiến	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm.	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm.	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm.

	Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Thời gian đăng ký mua chứng quyền dự kiến	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Ngày niêm yết dự kiến	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền

Tên chứng quyền	Chứng quyền VIB.VND.M.CA.T.2025.1	Chứng quyền VIB.VND.M.CA.T.2025.2
Mã Chứng khoán cơ sở (CKCS)	VIB	VIB
Tổ chức phát hành CKCS	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam
Loại chứng quyền	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua
Kiểu chứng quyền	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện CW	Tiền	Tiền
Thời hạn (tháng)	8	14
Tỷ lệ chuyển đổi	2:1 (02 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	2:1 (02 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)
Giá thực hiện	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.
Khung giá chào bán dự kiến	1.000 VNĐ – 2.200 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 2.700 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	10.000.000.000 – 22.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 27.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Tài sản đảm bảo thanh toán	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công

	Thương Việt Nam	Thương Việt Nam
Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 11,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 13,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán
Thời gian chào bán dự kiến	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Thời gian đăng ký mua chứng quyền dự kiến	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Ngày niêm yết dự kiến	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền

Tên chứng quyền	Chứng quyền. VPB.VND.M.CA.T.2025.1	Chứng quyền. VPB.VND.M.CA.T.2025.2
Mã Chứng khoán cơ sở (CKCS)	VPB	VPB
Tổ chức phát hành CKCS	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
Loại chứng quyền	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua
Kiểu chứng quyền	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện CW	Tiền	Tiền
Thời hạn (tháng)	8	14
Thời gian chào bán dự kiến	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Tỷ lệ chuyển đổi	3:1 (03 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	3:1 (03 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)
Giá thực hiện	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.
Khung giá chào bán dự kiến	1.000 VNĐ – 1.400 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 1.700 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT

Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	10.000.000.000 – 14.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 17.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Tài sản đảm bảo thanh toán	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 7,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 8,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán
Thời gian chào bán dự kiến	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Thời gian đăng ký mua chứng quyền dự kiến	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Ngày niêm yết dự kiến	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền

Tên chứng quyền	Chứng quyền. SHB.VND.M.CA.T.2025.1	Chứng quyền. SHB.VND.M.CA.T.2025.2
Mã Chứng khoán cơ sở (CKCS)	SHB	SHB
Tổ chức phát hành CKCS	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
Loại chứng quyền	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua
Kiểu chứng quyền	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện CW	Tiền	Tiền
Thời hạn (tháng)	8	14
Tỷ lệ chuyển đổi	3:1 (03 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	3:1 (03 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)
Giá thực hiện	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.
Khung giá chào bán dự kiến	1.000 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng	1.000 VNĐ – 1.200 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát

	quyền có bảo đảm của VNDIRECT	hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	10.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 12.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Tài sản đảm bảo thanh toán	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán	Từ 5,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 6,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán
Thời gian chào bán dự kiến	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Thời gian đăng ký mua chứng quyền dự kiến	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Ngày niêm yết dự kiến	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền

Tên chứng quyền	Chứng quyền. VNM.VND.M.CA.T.2025.1	Chứng quyền. VNM.VND.M.CA.T.2025.2
Mã Chứng khoán cơ sở (CKCS)	VNM	VNM
Tổ chức phát hành CKCS	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Loại chứng quyền	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua
Kiểu chứng quyền	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện CW	Tiền	Tiền
Thời hạn (tháng)	8	14
Tỷ lệ chuyển đổi	10:1 (10 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	10:1 (10 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)
Giá thực hiện	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.

Khung giá chào bán dự kiến	1.000 – 1.400 VNĐ VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 1.700 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	10.000.000.000 – 14.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 17.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Tài sản đảm bảo thanh toán	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 7,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 8,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán
Thời gian chào bán dự kiến	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Thời gian đăng ký mua chứng quyền dự kiến	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Ngày niêm yết dự kiến	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền

Tên chứng quyền	Chứng quyền. LPB.VND.M.CA.T.2025.1	Chứng quyền. LPB.VND.M.CA.T.2025.2
Mã Chứng khoán cơ sở (CKCS)	LPB	LPB
Tổ chức phát hành CKCS	Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam	Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam
Loại chứng quyền	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua
Kiểu chứng quyền	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện CW	Tiền	Tiền
Thời hạn (tháng)	8	14
Tỷ lệ chuyển đổi	8:1 (08 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	8:1 (08 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)
Giá thực hiện	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể

	được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.
Khung giá chào bán dự kiến	1.000 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 1.300 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	10.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 13.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Tài sản đảm bảo thanh toán	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán	Từ 5,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 6,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán
Thời gian chào bán dự kiến	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Thời gian đăng ký mua chứng quyền dự kiến	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Ngày niêm yết dự kiến	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền

Tên chứng quyền	Chứng quyền. MSN.VND.M.CA.T.2025.1	Chứng quyền. MSN.VND.M.CA.T.2025.2
Mã Chứng khoán cơ sở (CKCS)	MSN	MSN
Tổ chức phát hành CKCS	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Loại chứng quyền	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua
Kiểu chứng quyền	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện CW	Tiền	Tiền
Thời hạn (tháng)	8	14
Tỷ lệ chuyển đổi	15:1 (15 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	15:1 (15 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)
Giá thực hiện	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham

	chiều của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	chiều của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.
Khung giá chào bán dự kiến	1.000 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 1.200 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	10.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 12.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Tài sản đảm bảo thanh toán	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán	Từ 5,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 6,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán
Thời gian chào bán dự kiến	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Thời gian đăng ký mua chứng quyền dự kiến	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Ngày niêm yết dự kiến	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền

Tên chứng quyền	Chứng quyền. VJC.VND.M.CA.T.2025.1	Chứng quyền. VJC.VND.M.CA.T.2025.2
Mã Chứng khoán cơ sở (CKCS)	VJC	VJC
Tổ chức phát hành CKCS	Công ty cổ phần Hàng không VIETJET	Công ty cổ phần Hàng không VIETJET
Loại chứng quyền	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua
Kiểu chứng quyền	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện CW	Tiền	Tiền
Thời hạn (tháng)	8	14
Tỷ lệ chuyển đổi	20:1 (20 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	20:1 (20 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)

Giá thực hiện	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.
Khung giá chào bán dự kiến	1.000 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ – 1.300 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	10.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 – 13.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Tài sản đảm bảo thanh toán	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán	Từ 5,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng đến 6,5 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán
Thời gian chào bán dự kiến	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Thời gian đăng ký mua chứng quyền dự kiến	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Ngày niêm yết dự kiến	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền

Tên chứng quyền	Chứng quyền. TPB.VND.M.CA.T.2025.1	Chứng quyền. TPB.VND.M.CA.T.2025.2
Mã Chứng khoán cơ sở (CKCS)	TPB	TPB
Tổ chức phát hành CKCS	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong
Loại chứng quyền	Chứng quyền Mua	Chứng quyền Mua
Kiểu chứng quyền	Kiểu Châu Âu	Kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện CW	Tiền	Tiền
Thời hạn (tháng)	8	14

Tỷ lệ chuyển đổi	5:1 (05 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)	5:1 (05 chứng quyền đổi 01 chứng khoán cơ sở)
Giá thực hiện	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.	Trong khoảng từ thấp hơn không quá 20% đến cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền này, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT.
Khung giá chào bán dự kiến	1.000 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	1.000 VNĐ/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán	10 triệu chứng quyền	10 triệu chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	10.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	10.000.000.000 VNĐ Tổng giá trị chào bán cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Tài sản đảm bảo thanh toán	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán	Từ 5,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán	Từ 5,0 tỷ đồng. Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán
Thời gian chào bán dự kiến	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày chào bán chính thức sẽ được công bố cụ thể trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Thời gian đăng ký mua chứng quyền dự kiến	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT	Tối thiểu 03 ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của VNDIRECT
Ngày niêm yết dự kiến	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 09 năm 2025

PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM THANH TOÁN CHO NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN VÀ PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA RỦI RO CHO CHỨNG QUYỀN

Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền và phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm ứng với Bản cáo bạch chào bán chứng quyền có bảo đảm của Chứng quyền.HPG.VND.M.CA.T.2025.1

Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT

1. Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền

Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;
- Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có).

Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

2. Phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền

2.1. Mục đích phòng ngừa rủi ro

Để đảm bảo khả năng thanh toán của tổ chức phát hành cho người sở hữu chứng quyền tại ngày đáo hạn và hạn chế một các hiệu quả những tổn thất do các loại hình rủi ro gây ra.

2.2. Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro

2.2.1. Ban điều hành:

- Phê duyệt phương án phòng ngừa rủi ro theo Quy trình, quy chế nội bộ của Công ty.
- Chỉ đạo và xử lý kịp thời với những tình huống phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh chứng quyền có bảo đảm.

2.2.2. Bộ phận quản trị rủi ro:

- Thẩm định phương án phòng ngừa rủi ro, tham mưu cho Tổng Giám đốc.

2.2.3. Bộ phận kiểm soát nội bộ:



B

- Kiểm tra, giám sát theo kế hoạch hoặc đột xuất việc tuân thủ các chính sách, quy trình và hạn mức phòng ngừa rủi ro đã được phê duyệt.

2.2.6. Bộ phận có chức năng trực tiếp quản trị rủi ro:

- Nhận diện những rủi ro sẽ xảy ra, đo lường và đưa hạn mức phù hợp trong giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

- Xây dựng quy trình kiểm soát, phân tán rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

- Đảm bảo đủ số lượng chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền đang lưu hành theo phương án phòng ngừa rủi ro.

- Rà soát hiệu quả quy trình quản trị rủi ro định kỳ.

- Thông tin nhân sự thuộc bộ phận quản lý rủi ro:

Họ & Tên: HÀ KIỀU TRANG

Chức vụ: Chuyên viên Quản trị rủi ro tại VNDIRECT

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính

Chứng chỉ chuyên môn:

+ Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 002949/QLQ

Số năm kinh nghiệm: Có 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - đầu tư.

2.3. Nguyên tắc thực hiện tổng quát

2.3.1 Chứng khoán phòng ngừa rủi ro

Tổ chức phát hành thực hiện phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền phát hành bằng cách mua hoặc bán chứng khoán cơ sở của chứng quyền để đảm bảo cho hệ số phòng ngừa rủi ro luôn tuân thủ quy định của UBCK và Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. Ngoài ra tổ chức phát hành cũng thực hiện mua hoặc bán các loại chứng khoán khác có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền (nếu có).

2.3.2 Vị thế phòng ngừa rủi ro

Tổ chức phát hành có thể định giá lý thuyết của chứng quyền mua theo công thức Black and Scholes đối với các chứng quyền kiểu Châu Âu với các giả định sau đây:

- C: Giá lý thuyết của chứng quyền mua;
- $N(d_1)$, $N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy;
- X: Giá thực hiện của chứng quyền
- S: Giá chứng khoán cơ sở hiện tại
- D: lợi suất cổ tức

- T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn: là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền
 - r_c : Lãi suất phi rủi ro
 - σ : độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở.
- Hệ số phòng ngừa rủi ro được tổ chức phát hành tính theo công thức:

$$\Delta_{CALL} = e^{(D \cdot T)} * N(d_1)$$

Trong đó:

- Δ_{CALL} : giá trị delta của chứng quyền Mua
- $N(d_1)$ là xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black and Scholes, và:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

$$N(d_1) = \text{NORDIST}(d_1)$$

$$N(d_2) = \text{NORDIST}(d_2)$$

Số lượng chứng khoán cơ sở lý thuyết để phòng ngừa rủi ro được tính theo công thức:

$$Q_U = \Delta_{CALL} * Q_{CW} / k$$

Trong đó:

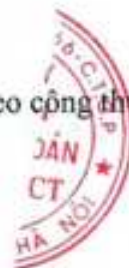
- Δ_{CALL} : giá trị delta của chứng quyền Mua
- Q_U : số lượng chứng khoán cơ sở cần để phòng ngừa rủi ro
- Q_{CW} : số lượng chứng quyền cần thực hiện phòng ngừa rủi ro
- k : tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền của tổ chức phát hành

Công thức quy đổi khi sử dụng chứng quyền do các tổ chức khác phát hành để làm tài sản phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền mua:

$$Q_U = Q_S + Q_{CWO} / K_{CWO}$$

Trong đó:

- Q_U : số lượng chứng khoán cơ sở quy đổi cần thiết cho phòng ngừa rủi ro
- Q_S : số lượng chứng khoán cơ sở
- Q_{CWO} : số lượng chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở phát hành bởi tổ chức khác
- K_{CWO} : tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở phát hành bởi tổ chức khác



Handwritten signature or mark.

Tổ chức phát hành đảm bảo tổng số lượng chứng khoán cơ sở và số lượng chứng khoán cơ sở quy đổi để phòng ngừa rủi ro đảm bảo không ít hơn quá 20% của số lượng chứng khoán cơ sở lý thuyết được tính toán theo công thức trên.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY 




TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Vũ Long

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

BẢN SAO

V/v: Tiếp nhận tài sản bảo đảm thanh toán

Số: 01/HĐNT-CW-VTBHN-VNDS

Hợp Đồng Nguyên Tắc này ("Hợp Đồng") được lập ngày 27 tháng 7 năm 2023 bởi và giữa:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Địa chỉ : Số 6 Ngô Quyền, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Giấy chứng nhận ĐKKD số : 0100111948-001 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP Hà Nội cấp ngày 11/08/2009

Giấy chứng nhận thành viên lưu ký chứng khoán : 127/GCNTVLK do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 28/12/2010

Thông báo về ủy quyền chi nhánh hoạt động lưu ký số : 625/VSD-LK.NV của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam ngày 30/01/2023

Thông báo về ủy quyền cho chi nhánh thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán số : 8448/UBCK-QLKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 22/12/2022

Điện thoại : (+84-24) 39349590 Fax: (+084-24) 38257308

Đại diện bởi : *Dương Văn Quân*

Chức vụ : **GIÁM ĐỐC**
Theo Văn bản ủy quyền số 444/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1 ngày 19/04/2023 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Sau đây gọi tắt là "Ngân Hàng" hoặc "Ngân Hàng Lưu Ký".

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Giấy phép thành lập số : 0102065366 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP Hà Nội cấp ngày 16/11/2006 và các giấy phép điều chỉnh.

Số Tài khoản tiền : 149001536780 mở tại Vietinbank Chi Nhánh TP Hà Nội
gửi (nếu có)

Điện thoại : 024.39724568

Đại diện : Bà **ĐẶNG HOÀNG MY**

Chức vụ : Giám đốc Khối Nguồn vốn
Theo Văn bản ủy quyền số 345-2/2022/QĐ-CT HĐQT ngày
20/05/2022 của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của
Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT.

Sau đây gọi tắt là "**Tổ Chức Phát Hành**".

Ngân Hàng và Tổ Chức Phát Hành sau đây được gọi riêng là "**Bên**" và gọi chung là "**Các Bên**".

Các Bên thoả thuận ký Hợp Đồng này với những điều khoản dưới đây:

ĐIỀU 1: KÝ QUỸ VÀ TIẾP NHẬN TÀI SẢN BẢO ĐẢM

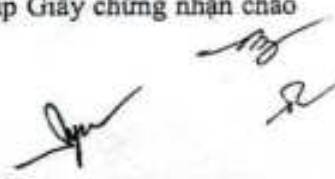
- 1.1 Hai Bên đồng ý rằng, trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi Tổ Chức Phát Hành được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền, Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện ký quỹ bảo đảm thanh toán tại Ngân Hàng Lưu Ký.
- 1.2 Tài sản bảo đảm thanh toán tại Ngân Hàng là tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi phát hành bởi Ngân Hàng Lưu Ký của Tổ Chức Phát Hành ký quỹ tại Ngân Hàng ("**Tài Sản Bảo Đảm**"). Tài Sản Bảo Đảm sẽ không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay hoặc các nghĩa vụ tài chính khác của Tổ Chức Phát Hành hay của bất kỳ của bên thứ ba khác. Tổ Chức Phát Hành cam kết giá trị Tài Sản Bảo Đảm ban đầu tối thiểu là năm mươi phần trăm (50%) giá trị loại chứng quyền Tổ Chức Phát Hành dự kiến chào bán.
- 1.3 Các Bên sẽ thực hiện ký kết Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán để quy định cụ thể về việc ký quỹ tiền, chứng chỉ tiền gửi của Tổ Chức Phát Hành.

ĐIỀU 2. HOÀN TRẢ TÀI SẢN BẢO ĐẢM

Tổ Chức Phát Hành được nhận lại Tài Sản Bảo Đảm là số tiền ký quỹ, chứng chỉ tiền gửi theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán cụ thể và theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 3. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- 3.1 Thông báo cho Ngân Hàng và thực hiện ký kết hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán với Ngân Hàng khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền



100111
NGÂN
HƯNG M
V&S TH
NHÂN
HÀ I
KIỂM
0200
CÔNG
CỔ P
HƯNG
NDII
TRU

- 3.2 Cung cấp đầy đủ, chính xác và trung thực các hồ sơ, tài liệu liên quan đến giao dịch ký quỹ, theo yêu cầu của Ngân Hàng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.
- 3.3 Yêu cầu Ngân Hàng Lưu Ký hoàn trả Tài Sản Bảo Đảm theo thỏa thuận tại Điều 2 Hợp Đồng này.
- 3.4 Thanh toán đầy đủ, đúng hạn, phí và các chi phí cho Ngân Hàng Lưu Ký theo hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán cụ thể.
- 3.5 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ

- 4.1 Thực hiện phong tỏa, lưu giữ Tài Sản Bảo Đảm, quản lý tách biệt Tài Sản Bảo Đảm với tài sản khác của Tổ Chức Phát Hành tại Ngân hàng Lưu Ký, hoàn trả Tài Sản Bảo Đảm cho Tổ Chức Phát Hành theo quy định tại Điều 2 Hợp Đồng này.
- 4.2 Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tiền liên quan đến hoạt động của Tổ Chức Phát Hành theo yêu cầu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán có thẩm quyền;
- 4.3 Xác nhận báo cáo do Tổ Chức Phát Hành lập có liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm;
- 4.4 Thực hiện nghĩa vụ báo cáo giám sát định kỳ hàng tháng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Tài Sản Bảo Đảm theo quy định tại Thông tư 107/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Tài Chính;
- 4.5 Thu các khoản phí và các chi phí khác theo quy định tại hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán cụ thể và phù hợp với quy định pháp luật liên quan.
- 4.6 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5. LUẬT ÁP DỤNG, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 5.1 Hợp Đồng này được lập và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.
- 5.2 Mọi tranh chấp phát sinh giữa Các Bên liên quan tới Hợp Đồng này được giải quyết trên cơ sở thương lượng bình đẳng. Trường hợp không thương lượng được, Các Bên có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình tại Tòa án có thẩm quyền.

ĐIỀU 6. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 6.1 **Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt khi:**
- Hai Bên có thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp Đồng này;
 - Sau 12 tháng kể từ ngày ký kết Hợp Đồng mà Tổ Chức Phát Hành không được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền.
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 6.2 **Ngôn ngữ áp dụng:** Tất cả các thư từ, tài liệu và các văn bản khác bằng văn bản (bao gồm cả các tài liệu kỹ thuật) liên quan với Hợp Đồng này, các hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán và phụ lục sửa đổi, bổ sung (nếu có) sẽ được làm bằng ngôn ngữ tiếng Việt.
- 6.3 **Bản ký:** Hợp đồng này được lập làm ba (03) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi



Bên giữ 01 bản, 01 bản được gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
VNDIRECT



GIÁM ĐỐC KHỐI NGUỒN VỐN

Dặng Hoàng My

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI



GIÁM ĐỐC

Dương Văn Quân

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: **8.824** Quyền số: 01-SCT/BS

Ngày: **20-08-2025**



CÔNG CHỨNG VIÊN

Phan Thị Thúy Nga

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~345~~-2/2022/QĐ-CT HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ nhiệm và ủy quyền cho Giám Đốc Khối Nguồn vốn

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Căn cứ vào:

- Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT;
- Nghị quyết HĐQT số 328/2022/NQ-HĐQT ngày 16/5/2022 về việc phê duyệt, ủy quyền và giao một số công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị cho Chủ tịch HĐQT.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Bổ nhiệm bà **Đặng Hoàng My** (CCCD số: 001191010243 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/12/2021) giữ chức danh Giám Đốc Khối Nguồn vốn kể từ ngày ký Quyết định này.

Công việc được ủy quyền:

Giám Đốc Khối Nguồn vốn được ủy quyền quản lý, quyết định và ký các văn bản sau đây của Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT:

- Hoạt động và giao dịch tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, thỏa thuận hỗ trợ lãi suất với tổ chức tín dụng/khách hàng, cầm cố hợp đồng tiền gửi tại tổ chức tín dụng;
- Hoạt động và giao dịch mua bán, đặt cọc, cầm cố/thế chấp giấy tờ có giá (bao gồm nhưng không giới hạn: hợp đồng khung, hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng giao dịch từng lần...) và các công việc liên quan đến giao dịch mua bán, cầm cố giấy tờ có giá với các tổ chức/cá nhân;
- Hoạt động và giao dịch liên quan đến dịch vụ về giấy tờ có giá (bao gồm nhưng không giới hạn: đặt lệnh giao dịch trái phiếu, đại lý tư vấn, thu xếp phát hành giấy tờ có giá, đại lý phát hành giấy tờ có giá, đại lý đăng ký, lưu ký và quản lý chuyển nhượng giấy tờ có giá, đại lý thanh toán giấy tờ có giá và các dịch vụ khác về giấy tờ có giá...);
- Hoạt động và giao dịch vay vốn với tổ chức tín dụng, các tổ chức khác và các công việc liên quan đến giao dịch vay vốn nêu trên;
- Hoạt động và giao dịch mua bán ngoại tệ giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ và các sản phẩm ngoại tệ khác;
- Hoạt động và giao dịch hoán đổi lãi suất và các sản phẩm cấu trúc khác với các định chế tài chính;



- Hợp đồng, thỏa thuận liên quan đến giao dịch qua fax/email/scan/hình thức khác, thỏa thuận bảo mật thông tin với đối tác và khách hàng;
- Hợp đồng, thỏa thuận về việc sử dụng các dịch vụ của các tổ chức tín dụng;
- Thay mặt Chủ tài khoản chỉ định ghi nợ tài khoản thanh toán của Công ty tại các tổ chức tín dụng để thực hiện các giao dịch gửi tiền, mua bán ngoại tệ, mua bán giấy tờ có giá, cổ phần, cổ phiếu, thanh toán phí dịch vụ, trả nợ và các hoạt động khác trong thẩm quyền.
- Ký sao y bản chính, trích sao tài liệu của Công ty.
- Ký văn bản xác nhận số dư, sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch đối với các giao dịch tự doanh chứng khoán và giấy tờ có giá của Công ty.
- Ký biên bản kiểm tra sau vay, biên bản kiểm tra/đánh giá định kỳ và các chứng từ liên quan với các tổ chức tín dụng.

Điều 2. Hạn mức giao dịch

- Giá trị của hợp đồng hạn mức vay vốn hoặc hợp đồng hạn mức bảo lãnh vay vốn mà Giám đốc Khối Nguồn vốn được quyết định và ký kết không vượt quá 15% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty.
- Giá trị của mỗi giao dịch về vay vốn, giao dịch cầm cố/thế chấp/giải chấp tài sản, giao dịch tiền gửi, giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu/chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng phát hành, giao dịch mua bán ngoại tệ giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ, giao dịch hoán đổi lãi suất và các sản phẩm cấu trúc khác với các định chế tài chính mà Giám đốc Khối Nguồn vốn được quyết định và ký kết không vượt quá 2.500 tỷ.
- Giá trị của mỗi giao dịch về mua bán trái phiếu doanh nghiệp với các định chế tài chính/công ty quản lý quỹ/tổ chức đầu tư mà Giám đốc Khối Nguồn vốn được quyết định và ký kết không vượt quá 1.000 tỷ.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Người được ủy quyền

- Người được ủy quyền được nhân danh Người ủy quyền và đại diện Công ty và/hoặc Chi nhánh Công ty quản lý, quyết định và ký các văn bản (các giấy tờ, thỏa thuận, hợp đồng, và các văn bản khác) khi thực hiện các công việc được ủy quyền.
- Người được ủy quyền được sử dụng con dấu của Công ty và/hoặc Chi nhánh Công ty để đóng vào văn bản mà Người được ủy quyền đã ký khi thực hiện công việc được ủy quyền.
- Người được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc theo đúng nội dung, phạm vi được ủy quyền.
- Người được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc phù hợp với quy định của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định của Luật doanh nghiệp.
- Người được ủy quyền phải tuân thủ, thực hiện đúng các quy chế nội bộ, quy trình của Công ty, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
- Người được ủy quyền có trách nhiệm thực hiện đầy đủ việc lấy ý kiến thẩm định của bộ phận pháp chế và các phòng ban liên quan khi thực hiện công việc được ủy quyền.

- Người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Người ủy quyền, trước Công ty và trước pháp luật về các công việc do mình thực hiện.
- Người Được Ủy Quyền không được ủy quyền lại cho người khác thực hiện/ký kết các văn bản mà mình được ủy quyền theo Quyết định này.

Điều 3. Mẫu chữ ký

- Mẫu chữ ký của Giám Đốc Khối Nguồn vốn:

Mẫu chữ ký	Mẫu chữ ký
	

Điều 4. Thời hạn ủy quyền, hiệu lực

- Thời hạn ủy quyền là kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực cho đến khi: (i) Người được ủy quyền không còn giữ chức vụ được ủy quyền, (ii) có văn bản thay thế, chấm dứt Quyết định ủy quyền này.
- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN VNDIRECT



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trịnh Văn Biếm Hằng



Số: 444 /UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1
V/v ủy quyền thực hiện giao dịch liên quan đến
dịch vụ lưu ký chứng khoán

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2023

BẢN SAO

VĂN BẢN ỦY QUYỀN

1. Người ủy quyền: Ông Trần Minh Bình

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (sau đây viết tắt là "NHCT Việt Nam")

Số Hộ chiếu: P01111666

Ngày cấp: 30/12/2022; Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Địa chỉ nơi làm việc: 108 - Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

2. Người được ủy quyền:

Là người được bổ nhiệm và đang giữ chức vụ Giám đốc¹/Phó Giám đốc NHCT Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hà Nội (có Quyết định bổ nhiệm kèm theo).

3. Phạm vi, nội dung ủy quyền:

Người được ủy quyền tại Mục 2 được đại diện NHCT Việt Nam ký kết và tổ chức thực hiện:

- 3.1 Các hợp đồng, văn bản, tài liệu giao dịch liên quan đến việc cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán tại NHCT Việt Nam²;
- 3.2 Các văn bản, tài liệu gửi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD), Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các Cơ quan, Ban, Ngành khác liên quan đến các giao dịch được ủy quyền tại Mục 3.1 Văn bản ủy quyền này theo quy định của pháp luật.

4. Các quy định khác:

- 4.1 Người được ủy quyền chỉ được thực hiện các công việc được ủy quyền khi đang đảm nhiệm chức vụ được giao và có trách nhiệm thực hiện đầy đủ phạm vi ủy quyền; chịu trách nhiệm trước người ủy quyền và trước pháp luật về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.
- 4.2 Người được ủy quyền được sử dụng con dấu của đơn vị để đóng dấu trên các văn bản mà Người được ủy quyền ký khi thực hiện công việc được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền này (theo Quy định về quản lý và sử dụng con dấu trong hệ thống NHCT Việt Nam).
- 4.3 Người được ủy quyền khi thực hiện công việc được ủy quyền phải tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định, quy chế, quy trình của NHCT Việt Nam.

¹ Quyền Giám đốc/Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Thành phố Hà Nội là người được ủy quyền theo mục này.

² Hiện nay là Quyết định số 47/CS/TGD-NHCT-KDVT2 ngày 24/10/2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

5. **Thời hạn ủy quyền:**

- 5.1 Văn bản ủy quyền này thay thế Văn bản ủy quyền số 366/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 25/4/2019.
- 5.2 Văn bản ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ...19/11/2023..... và có giá trị thực hiện cho đến khi người được ủy quyền thực hiện xong công việc ủy quyền hoặc khi có văn bản ủy quyền khác thay thế.

Nơi nhận:

- Như Mục 2;
- Phòng TTV;
- Lưu: VP, PCTT1 (anhnp9). *nm*

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Trần Minh Bình



**CÔNG CHỨNG VIÊN
PHÍ THỊ HIỀN**

Số: 489 /UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2024

V/v ủy quyền thực hiện giao dịch liên quan đến
nghiệp vụ ngân hàng lưu ký – ngân hàng
giám sát và quản trị quỹ

VĂN BẢN ỦY QUYỀN

1. Người ủy quyền: Ông Trần Minh Bình

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
(sau đây viết tắt là “NHCT Việt Nam”)

Số Hộ chiếu: P01111666

Ngày cấp: 30/12/2022; Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Địa chỉ nơi làm việc: 108 - Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

2. Người được ủy quyền:

Là người được bổ nhiệm và đang giữ chức vụ Giám đốc¹/Phó Giám đốc NHCT Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hà Nội (có Quyết định bổ nhiệm kèm theo).

3. Phạm vi, nội dung ủy quyền:

Người được ủy quyền quy định tại Mục 2 Văn bản ủy quyền này được đại diện cho NHCT Việt Nam ký kết và tổ chức thực hiện:

- Các hợp đồng, văn bản, tài liệu giao dịch liên quan đến nghiệp vụ ngân hàng lưu ký – ngân hàng giám sát và quản trị quỹ tại NHCT Việt Nam².
 - Các văn bản, tài liệu gửi Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC), Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các Cơ quan, Ban, Ngành khác liên quan đến nghiệp vụ ngân hàng lưu ký – ngân hàng giám sát và quản trị quỹ tại Chi nhánh Thành phố Hà Nội.
- 4. Các quy định khác:**
- Người được ủy quyền chỉ được thực hiện các công việc được ủy quyền khi đang đảm nhiệm chức vụ được giao và có trách nhiệm thực hiện đúng phạm vi ủy quyền; chịu trách nhiệm trước người ủy quyền và trước pháp luật về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.
 - Người được ủy quyền được sử dụng con dấu của đơn vị để đóng dấu trên các văn bản mà Người được ủy quyền ký khi thực hiện công việc được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền này (theo Quy định về quản lý và sử dụng con dấu trong hệ thống NHCT Việt Nam).
 - Người được ủy quyền khi thực hiện công việc được ủy quyền phải tuân thủ các quy

¹ Quyền Giám đốc/Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Thành phố Hà Nội và các chức danh tương đương là người được ủy quyền theo mục này.

² Hiện nay là Quyết định số 47.01/CS-TGD-NHCT-KDVTT2 ngày 06/04/2023 và Quyết định số 223/CS-TGD-NHCT-KDVTT2 ngày 02/5/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

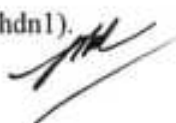
định của pháp luật và nội dung phê duyệt của cấp có thẩm quyền, các quy định, quy chế, quy trình của NHCT Việt Nam.

5. Thời hạn ủy quyền:

- Văn bản ủy quyền này thay thế Văn bản ủy quyền số 444/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1 ngày 19/4/2023.
- Văn bản ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ..08/5/2024... và có giá trị thực hiện trong thời hạn năm (05) năm hoặc hết hiệu lực khi có văn bản ủy quyền khác thay thế.

Nơi nhận:

- Như Mục 2;
- Phòng TTV;
- Lưu: VP, PCTT1 (anhdn1).



**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Trần Minh Bình

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1467901 - quyền số: - SCT/BS
Ngày 22-08-2025

11942-C.T.C.B
HÀNG
MẠI CỔ PHẦN
THƯƠNG
NAM
T.P. HÀ NỘI

S.Đ.K.H.Đ: 29-C.T.H.Đ
VĂN PHÒNG
CÔNG CHỨNG
HỢI GỢM
T.P. HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Phạm Thị Thảo

C.T.H.Đ
NG
JNG
JM
T.P. HÀ NỘI